

MAGAZINE

Tinh Tấn

TẠP CHÍ VĂN HÓA-SINH HOẠT PHẬT GIÁO

SỐ 1 THÁNG TÁM 2018

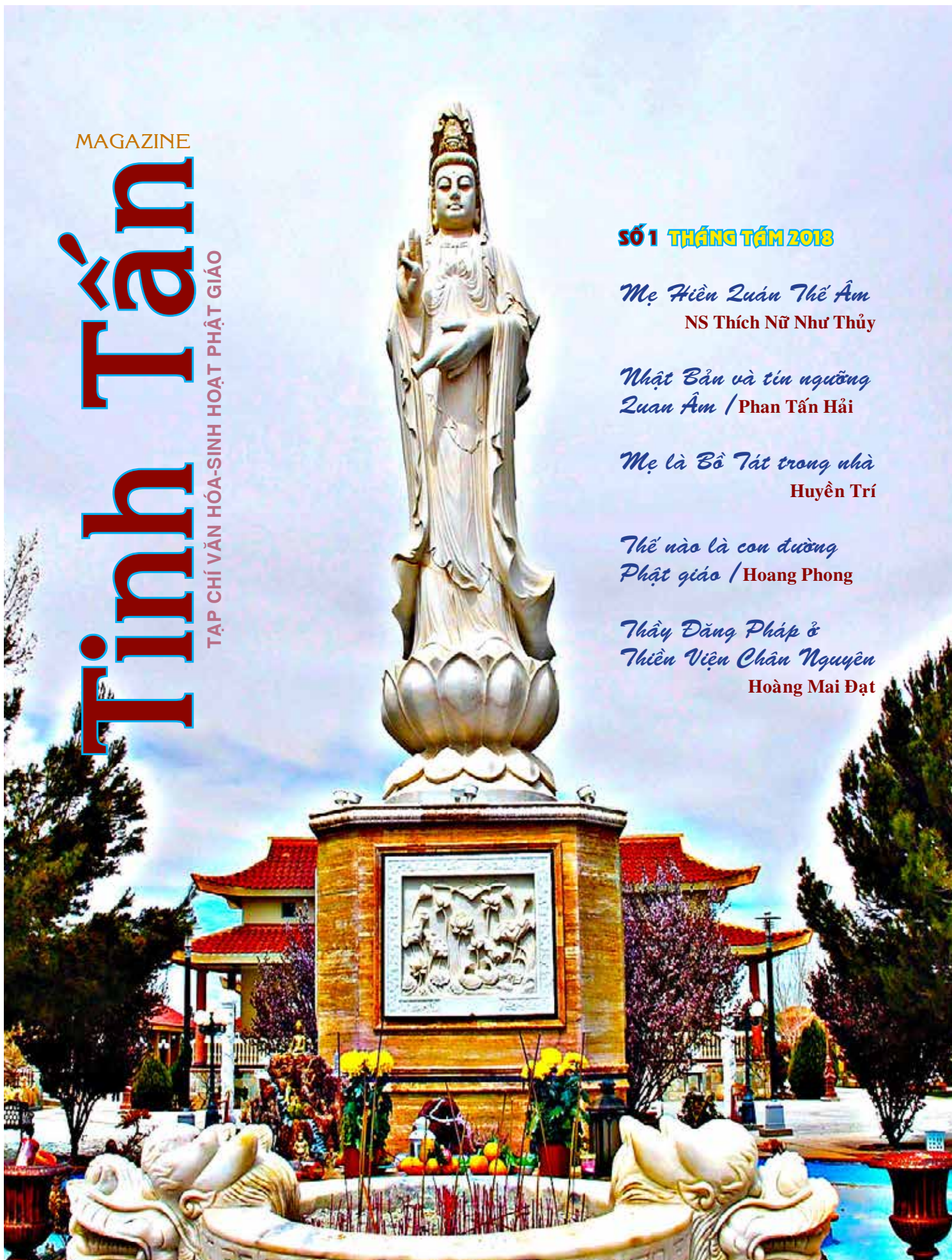
Mẹ Hiền Quán Thế Âm
NS Thích Nữ Như Thủy

Nhật Bản và tín ngưỡng
Quán Âm / Phan Tấn Hải

Mẹ là Bồ Tát trong nhà
Huyền Trí

Thế nào là con đường
Phật giáo / Hoang Phong

Thầy Đăng Pháp ở
Thiền Viện Chân Nguyên
Hoàng Mai Đạt



Hội Từ Bi Phụng Sự và Thầy Hằng Trường kính mời tham dự:

Kỷ niệm 10 năm

PHÁP HỘI ĐI ĐÀ

Ngày 7-8-9 tháng 9, năm 2018

ANAHEIM CONVENTION CENTER

800 W. Katella Avenue, Anaheim, CA 92802

Chương trình đặc biệt gồm có Thuyết Pháp, Lay Sám, Tam Bộ Nhất Bái, Cúng Đường Trai Tăng theo các chủ đề:

THỨ SÁU *Thành Tâm*

An Bình Nội Tại

Vận dụng lòng thành kính và niềm tin mãnh liệt vào Quán Thế Âm Bồ Tát

THỨ BẢY *Cảm Kích*

An Lạc Cho Gia Đình & Cộng Đồng

Nghi lễ hòa nhạc Shomyo với chư Tăng đến từ Cao Dã Sơn, Nhật Bản

CHỦ NHẬT *Định Lực*

An Vui Đến Muôn Loài

MẠNG ĐÀ LA ĐẠI BI QUÁN ÂM

Đậu xe miễn phí tại Trung Học Bolsa Grande,
có xe buýt phục vụ đưa đón
Xin vào trang mạng để ghi danh và biết thêm chi tiết

phaphoidida.com

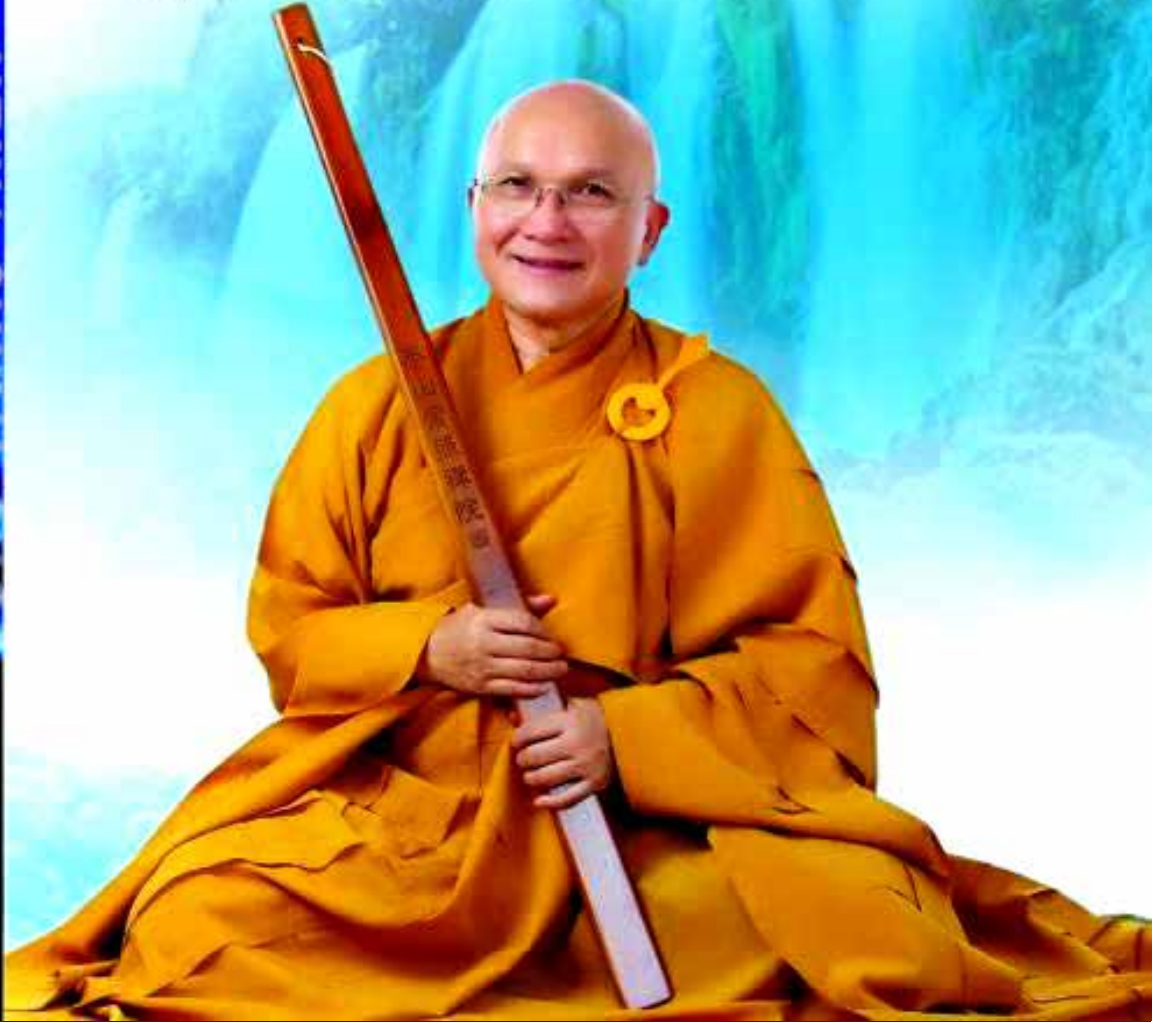
714.561.5974



ĐÔNG TRĂNG THIỀN

Các tác phẩm Hòa Thượng THÍCH THÔNG HẢI
đã dịch và xuất bản

- * Thiền và sự thể nghiệm tâm linh.
- * Học thuật và tư tưởng Thiền.
- * Thiền tại Phật học Trung Quốc.
- * Truyện cổ tích Phật Thích Ca.
- * Nàng kỹ nữ AMRAPALLI.
- * Chàng vô não ANGULIMALA.



Chúc Mừng

Tinh Tấn MAGAZINE

lên đường phụng sự đạo pháp

MỤC LỤC

4 Hạnh nguyện cứu độ chúng sanh của Đức Quán Thế Âm

HT Thích Tịnh Từ

7 Niềm tin Quán Âm

HT Thích Phước Tịnh

11 Mẹ Hiền Quán Thế Âm

Ni Sư

Thích Nữ Như Thủy

18 Vài khái niệm về Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Thầy Pasanno Phổ Kiên

21 Thư gửi từ Ha Uy Di

HT Thích Thông Hải

26 Pháp Tu Mạn Đà La Đàn Tràng Đại Bi Quán Âm

Thân Xuyên

29 Nhật Bản và tín ngưỡng Quán Âm

Nguyên Giác - Phan Tấn Hải

34 Mẹ là Bồ Tát trong nhà

Huyền Trí

39 Phấn Tảo Y (thơ)

Huyền Trí

40 Vài giờ với Thầy Đăng Pháp ở Thiền Viện Chân Nguyên

Hoàng Mai Đạt

51 Chậu hoa xuân của chị PQ

Hạnh Viên

52 Mười-hai đại nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm

TT Thích Liễu Nguyên

54 Tranh lụa 'Quán Âm Bồ Tát'

Nguyễn Thị Hợp

55 Lễ hội Quán Thế Âm

Thiện Chánh-Trần Công Nhung



57 Mẹ Hiền Quán Thế Âm ở hai ngôi chùa Riverside

Nguyễn Thị Thâm

60 Thế nào là con đường Phật giáo

Hoang Phong

65 Đức Phật và cuộc chuyển hóa nhân sinh tận gốc rễ

Huỳnh Kim Quang



69 Hình ảnh Đại Lễ Phật Đản của Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất / Hoa Kỳ

Thanh Huy

72 Hình ảnh Đại Lễ Phật Đản của Tăng Đoàn Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất Hải Ngoại

Thanh Huy

74 Nhẹ xuất ta bà, thanh thang cõi tịnh

77 Dòng sông qua đi...

Vĩnh Hảo

78 Giới thiệu Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra)

Geshe Wangdrak

85 Buồng xá

Trương Thị Mỹ Vân

86 Thước đo người tu

HT Thích Trí Siêu



Hình bìa: Thiền Viện Chân Nguyên

Phụ trách bài vở, kỹ thuật, quảng cáo: Đồng Phúc, Phúc Viên, Hoàng Mai Đạt

Giá ủng hộ \$8 một tờ. Mua dài hạn \$40/ 4 số tính luôn cước phí ở Hoa Kỳ

Tinh Tấn Magazine, 9082 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683

Phone (714) 290-7747. Email: tinhtan2018@yahoo.com



Lời cho bước khởi đầu

Với ước nguyện được tạ ơn Tam Bảo qua việc cống hiến khả năng chuyên biệt nhằm ủng hộ công cuộc hồng pháp của chư tăng ni tại hải ngoại, hỗ trợ các cư sĩ, đạo hữu thuộc mọi tông phái cùng được tinh tấn trên đường tu hành, chúng tôi đã nỗ lực thực hiện số đầu tiên của Tinh Tấn Magazine mà quý độc giả đang cầm trên tay.

Trong số này cũng như trong các số tiếp theo, nội dung của tạp chí Tinh Tấn sẽ luôn có những bài pháp của quý tăng ni truyền đạt Lời Phật Dạy; các bài phóng sự về sinh hoạt tâm linh của hàng tu sĩ lẫn cư sĩ, về hoạt động của các tổ chức Phật giáo; sáng tác của mọi giới; phổ biến những bài dịch thuật do các thiện tri thức chuyển ngữ từ các bài viết có giá trị liên quan đến Phật giáo từ mọi quốc gia, đặc biệt là Bắc Mỹ và Âu Châu, nơi đạo Phật đang chuyển biến để hội nhập vào thời đại tiến bộ của nhân loại.

Trong giai đoạn đầu, báo Tinh Tấn sẽ phát hành ba tháng một lần, tùy duyên theo lượng bài vở và sự bảo trợ cho việc in ấn. Chúng tôi đón nhận sự tham gia từ mọi tông phái, tổ chức, hội đoàn trong tinh thần xây dựng để tất cả quý đồng đạo cùng được thăng tiến trên con đường mà Đức Thế Tôn đã khai mở.

Khi được nghe về dự án thực hiện tạp chí Tinh Tấn vào tháng Tư 2018, Sư Ông Kim Sơn, Hòa Thượng Thích Tịnh Từ, có nhắc nhở chúng tôi, rằng những bài viết của tạp chí này cần “có ý nghĩa sâu sắc có thể ứng dụng vào trong đời sống, có tính cách phổ thông, nghĩa là không chỉ dành cho một giới, mà ai đọc cũng cảm được, từ trí thức cho đến bình dân, từ người lớn cho đến con nít. Và còn lưu truyền, nghĩa là ai nhận được thông điệp đó cũng muốn gởi gắm cho người khác. Trở thành từng giọt nước của một dòng sông, và trở thành biển cả. Đó mới là cái sắc khí của một tờ báo.”

Chúng tôi cũng nhận được những lời khuyên vàng ngọc, sự hỗ trợ hào hiệp từ quý Thầy như Hòa Thượng Thích Viên Lý, Thầy Đăng Pháp, Hòa Thượng Thích Nhật Minh, Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, và Hòa Thượng Thích Thông Hải.

Về chủ đề cho số báo ra đời này, chúng tôi chọn Bồ Tát Quán Thế Âm, vì Ngài chính là tinh túy của Phật Giáo Phát Triển, được thể hiện qua muôn hình vạn trạng trong vô tận hình thức ở khắp mọi nơi, chỉ để nói lên hai khái niệm quan trọng nhất của đạo Phật, là Từ Bi và Trí Tuệ. Ở mỗi thời tụng kinh cho dù ngắn hay dài, người con Phật đều khởi đầu với Chú Đại Bi và kết thúc với Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, nói lên hai yếu tính Từ Bi và Trí Tuệ của Đức Quán Thế Âm. Cũng trong tinh thần tùy duyên thị hiện để độ thoát chúng sanh của đức Bồ Tát, trong những số tiếp của Tinh Tấn Magazine, tuy đề tài có khác đi, nhưng Ngài sẽ vẫn luôn xuất hiện bằng bạc trên các trang báo.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng trân quý đối với tất cả những ân nhân đã hoan hỷ trợ lực cho dự án Tinh Tấn ngay từ bước đầu tiên, gồm chư tăng sĩ và thiện tri thức, cùng các cơ sở thương mại, tổ chức Phật giáo.

Do những thử thách về tài chánh, kỹ thuật, thời gian lẫn kinh nghiệm, chúng tôi không thể tránh khỏi các sơ sót trong số báo đầu tiên. Mong quý độc giả niệm tình tha thứ, và xin hồi hướng mọi công đức từ việc thực hiện tạp chí Phật giáo này đến tất cả các chúng sanh, mong mọi chúng sanh cùng được hưởng phước duyên tu tập và “mỗi bước một tiến lên bờ giác ngộ.”

Trân trọng,

Tinh Tấn Magazine

Hạnh nguyện cứu độ chúng sanh

của

Đức Quán Thế Âm



Bài HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH TỪ

Đức Bồ Tát Quán Âm là vị Cổ Phật từ lâu xa và hóa thân của Đức Tỳ Lô Giá Na Phật, từ pháp thân Chánh Biến Tri Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Cổ Phật có danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, vị Tổ của Thiên, Tịnh độ và các tông phái trong Phật giáo. Tâm Kinh Bát Nhã và Tâm Kinh Đại Bi đều do thần lực của pháp thân Đức Tỳ Lô Giá Na Phật chuyển luân và tuyên thuyết. “Quán Tự Tại Bồ Tát Hành Thâm Bát Nhã Ba La Mật” và “Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni” đều phát xuất từ tự tánh và trí tuệ vượt thoát của pháp thân thanh tịnh Tỳ Lô Giá Na Phật. “Cổ Phật Quán Âm Thủ Thắng Bát Khả Tư Nghi” là một trong muôn ngàn Hồng Danh thù thắng của Đức Quán Âm Bồ Tát.

Bồ Tát Quán Thế Âm là hiện thân của từ bi cứu khổ. Quán Âm là lắng nghe âm thanh và quán sát hoàn cảnh từ tiếng kêu mong cầu mà Đức Bồ Tát Quán Âm liền ứng hiện thân kịp thời gia ân cứu độ. Hạnh nguyện và tâm từ bi của Ngài thật siêu việt, bất khả tư nghì, không thể dùng ngôn ngữ giới hạn để giới thiệu, diễn bày hay tán thán. Bằng như muốn giới thiệu về đại nguyện rộng lớn, nhiệm mầu, bất khả tư nghì của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng ta nên suy niệm và thực tập 12 điều cương yếu mà Đức Phật Thích Ca dạy và nói

về hạnh nguyện cứu độ chúng sanh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát như sau:

1 Con xin mở rộng tình thương và tìm cách bảo vệ sự sống, niềm tin, hạnh phúc của mọi người và mọi loài.

*“Con nguyện trau dồi tình thương lớn
Bảo vệ sự sống và niềm tin
Gieo hạnh phúc tràn khắp muôn lối
Dem bình an đến cho mọi loài.”*

2 Con xin mở rộng tầm hiểu biết để có thể thấu rõ được gốc rễ khổ đau của mọi người, mọi loài mà tìm cách nâng đỡ và hộ trì.

*“Con nguyện mở rộng tầm hiểu biết
Nhằm thấy rõ gốc rễ khổ đau
Con người cùng tất cả muôn loài
Để tích cực nâng đỡ hộ trì.”*

3 Con nguyện từ bỏ tâm tham ái, hờn giận, trách móc, phê bình, chỉ trích và bạo động để con có thể vui sống với mọi người và mọi loài.

*“Con nguyện từ bỏ tâm tham ái
Chỉ trích, trách móc và oán hờn
Sống vui, nhẹ nhàng không bạo động
Bỏ thị phi tập khí chẳng lành.”*

4 Con nguyện cho tự thân, gia đình, thân bằng quyến thuộc con, mọi người và mọi loài được sống an toàn, thuận hòa và thanh thoi.

*“Nguyện cho con, thân bằng quyến thuộc
Cùng mọi loài sống được an toàn
Thuận hòa, thanh thoi và hạnh phúc
Không ai tranh đoạt cưỡng ép ai.”*

Trích Lời Giới Thiệu của Hòa Thượng Thích Tịnh Từ, Viện Trưởng Tu Viện Kim Sơn trong cuốn Kinh Ngữ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát (2016) do Nguyễn Thành ghi chép.

5 Con nguyện ngồi vững chãi để lắng nghe người thân, bạn hữu và người khác nói năng, tâm sự. Dù cho những lời nói ấy có xúc phạm đến tự ái, tự ngã và cá tánh của con, con nguyện không bao giờ tranh cãi, thù ghét và không đối đáp bằng những lời thiếu từ hòa, khiếm nhã.

*“Con nguyện vững chãi và lắng nghe
Dù những lời nói không dễ thương
Con nguyện không tranh cãi thù ghét
Phải hết lòng trân quý lắng nghe.”*

6 Con nguyện thường xuyên trở về với hơi thở, tập dừng lại sự suy nghĩ nói năng để lắng nghe tiếng chuông tỉnh thức và mọi âm thanh khác. Con biết rằng mỗi âm thanh đều có mang thông điệp của sự yêu thương và khả năng tuệ giác mâu nhiệm.

*“Con nguyện trở về với hơi thở
Dừng lại suy nghĩ và nói năng
Để lắng nghe âm thanh mâu nhiệm
Thông điệp của tuệ giác yêu thương.”*

7 Con xin nguyện cho người đau chóng lành bệnh, người già được săn sóc, người mệnh chung có đủ duyên lành sanh về cảnh giới Tịnh Độ, diện kiến Đức Phật A Di Đà.

*“Con nguyện người đau chóng lành bệnh
Được chăm sóc những người yếu già
Người mệnh chung sanh về Cực Lạc
Diện kiến Đức Phật A Di Đà.”*

8 Con xin nguyện cho kẻ đói nghèo được no cơm ấm áo, kẻ tội lỗi sớm biết ăn năn, kẻ tù đầy mau thoát ngục tối, kẻ tàn tật được thân tướng đẹp, kẻ nghiện ngập được tỉnh cơn mê, kẻ sát nhân tự buông bỏ khí giới.

*“Con nguyện kẻ đói nghèo no ấm
Kẻ tội phạm sớm biết ăn năn
Kẻ tù đầy mau thoát ngục tối
Kẻ tật, nghiện, ác chuyển thiện lương.”*

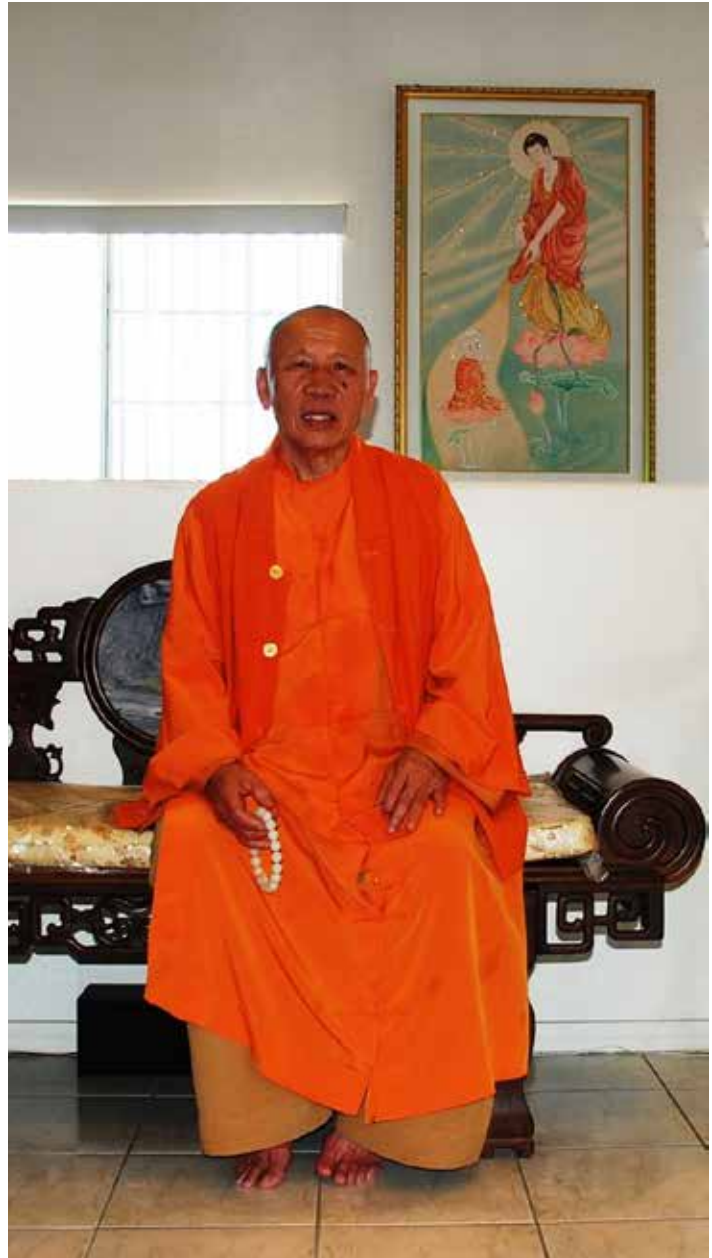
9 Con xin nguyện cho mọi người và mọi loài sớm nhận ra tự tánh thương yêu và bình đẳng của nhau. Đừng ai coi nhẹ tánh mạng của ai, đừng ai vì oán thù ganh tỵ, ích kỷ mà gây khổ đau cho nhau.

*“Con nguyện mọi người và mọi loài
Nhận ra tính bình đẳng của nhau
Trọng phẩm chất từ bi tuệ giác
Không vì oán gây khổ cho nhau.”*

10 Con xin nguyện cho hành tinh xanh này, muôn đời là trái đất xanh tốt, không bị tàn hoại ô nhiễm. Phương nào, nơi đâu cũng sản sinh nhiều dòng sông tươi mát, nhiều loại dược thảo, ngũ cốc, hoa trái thơm ngon để dâng hiến cho con người và muôn loài no đủ.

*“Con nguyện cho hành tinh xanh này
Không bị ô nhiễm và tươi xinh
Có những dòng sông tươi mát đẹp
Có nhiều hoa trái để hiến dâng.”*

11 Con xin nguyện cho mọi người và mọi loài sớm thành tựu được giới đức thanh tịnh, định lực vững chãi, trí tuệ tròn đầy để chúng con có thể cùng nhau thi thiết hạnh lành, cứu giúp những ai đang bị giam hãm trong địa ngục tâm tối.



Sư Ông Kim Sơn tại Thiền Đường Ngọc Sáng, Garden Grove đầu tháng Tư, 2018. (Hình HMD)

*“Con nguyện mọi người và mọi loài
Đủ giới đức và trí tuệ từ bi
Có định lực vững chãi kiên cố
Giải phóng những địa ngục tối tăm.”*

12 Con nguyện cho con, mọi người và mọi loài có đầy đủ diệu lực, ngàn tay, ngàn mắt và tự tại vào ra ba cõi sáu đường trầm khổ để cứu độ mọi loài. Chúng con nguyện cùng với các vị Bồ Tát lớn, thừa tự sự nghiệp, cứu giúp kẻ khổ đau như hạnh nguyện chư Phật chư Bồ Tát trong mười phương thế giới.

*“Con nguyện mọi người và mọi loài
Đủ ngàn tay ngàn mắt nhiệm mầu
Vào ra ba cõi cùng sáu nẻo
Cùng chư Phật, Bồ Tát độ sanh.”*

Đại chúng chư Tăng Ni và mọi giới Phật tử tín tâm Phật pháp, tha thiết cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ, cứu nạn, giải tai, trừ ách và hóa giải mọi thù nghịch oan cừ, hãy nên đồng mãnh phát nguyện lễ bái 500 danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Quan trọng hơn nữa là nên chí tâm đọc tụng, thực tập theo 12 lời nguyện sâu lắng, hướng thượng, vượt thoát và đầy tâm từ bi, trí tuệ mà Đức Bồ Tát Quán Âm đã, đang hành trì không lời nghỉ.

*Mười hai hạnh nguyện Quán Âm
 Con xin đọc tụng quyết tâm hành trì
 Giới thân chánh niệm từ bi
 Cúng dường bố thí sống vì tha nhân
 Không phiền, không giận, không tranh
 Tham sân dứt bỏ lòng thành ăn năn
 Lỗi xưa sát đạo tà dâm
 Đối gian cờ bạc nhất tâm nguyện chừa
 Tội căn gây tạo ngàn xưa
 Nhất tâm sám hối Phật thừa quy y
 Kiếp này vô lượng kiếp sau
 Ngộ chơn lý tánh đạo mầu truyền lưu. ♦*



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG PHẬT QUỐC



Hành Hương Phật Quốc là một chương trình hoằng pháp về lịch sử Phật, được tổ chức hằng năm bởi chùa Bồ Đề. Như một khóa tu học đặc biệt dài ngày tại Ấn Độ, trực tiếp Đại Đức Thích Đồng Châu hướng dẫn và thuyết giảng khắp các thánh tích của Phật và tăng đoàn. **Chuyến hành hương sắp tới sẽ là từ ngày 22-10 đến 04-11-2018.** Nhận ghi danh cho quý Phật tử tại Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc, Canada và VN.

Mọi chi tiết xin liên lạc Chùa Bồ Đề, 829 S Newhope St. Santa Ana, CA 92704

Điện thoại: 714-531-1486, Điện thoại cell: 714- 548-9088

Email: chuabodecali@yahoo.com. Website: www.chuabodeus.com



'Hãy an vị thánh tượng Quán Âm bên trong trái tim mình'

Bài HT THÍCH PHƯỚC TỊNH

Người Phật tử Việt Nam chúng ta đều biết, nơi nào có tôn tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm thì nơi đó có năng lượng lành của ngài gia hộ, chở che. [...] Nơi nào có Bồ Tát Quán Thế Âm được tôn trí thì nơi đó cả một vùng dân cư được thấm nhuần hương vị Từ Bi cùng đức lành của ngài phù trì gia hộ. Cho nên không một Phật tử nào không khởi phát niềm tin đối với đức Bồ Tát Quán Thế Âm.

Chùa tôi có duyên mang tên là chùa Quán Thế Âm. Những ngày đầu chùa Quán Thế Âm dựng lên ở thành phố Đà Lạt rất là cực, và khi quý Ni Sư dựng chùa, quan niệm đầu tiên của những người tu là nếu thỉnh được tượng Quán Thế Âm về tôn trí thì chắc chắn là chùa sẽ đứng vững. Và điều này quý Ni Sư đã làm được. Khi dựng được tượng Quán Thế Âm lộ thiên trước chùa, thì qua bao lần sóng gió, kể cả sau 1975, chùa vẫn sừng sững hiên ngang.

Lược trích đạo từ của Hòa Thượng Thích Phước Tịnh trong buổi lễ An Vị thánh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, ngày 28 tháng 10, 2007 tại chùa Văn Thù, Riverside, California.

[...] Khi đến đây hôm nay, được thấy ngài đứng sừng sững hiên ngang giữa bầu trời trong rất đẹp của miền Nam Cali, tôi có một niềm vui mừng lớn lao. Chúng ta có thể tự hào mình là những người con Phật, đến đất nào cũng đem được hình ảnh giáo lý của đạo Phật, đem được cái năng lượng từ bi của đức Bồ Tát đến cho người Việt mà cũng mang được điều lành đến cho cộng đồng dân cư ở vùng đó. Đó là điều thứ nhất tôi muốn chia sẻ cho các Phật tử thấy, đó là hình tượng Quán Âm Bồ Tát trấn ngự nơi đây là một biểu tượng rất lành để chúng ta quy kính, hướng về và tu tập.

Điều thứ hai là đi vào giáo lý rất sâu sắc là bên trong của chúng ta, mỗi người đều có năng lượng lành của Bồ Tát Quán Thế Âm. Các vị nếu có thể quay lại nhìn tự tâm của mình thì nhận ra một điều rất rõ ràng rằng trong tự tâm của các vị có cái chất yêu thương ngọt ngào từ ái của một bà mẹ, của một ông cha, của một người ông hay của một người bà. Và khi trong tự tâm của chúng ta có được cái phẩm chất này, điều đầu tiên nói lên đó là ta tự có năng lượng rất lành của Bồ Tát Quán Thế Âm bên trong của chúng ta. Và sở dĩ người Phật tử Việt Nam có những người niệm Quán Âm và

được linh ứng là do vì người ta biết phát huy cái phẩm chất Quán Âm từ bên trong nên chiêu cảm được cái năng lượng lành của Quán Âm từ bên ngoài đến với ta. Cho nên đã là người Phật tử, ta niệm Quán Âm Bồ Tát bên ngoài, ta cũng làm cho trái tim Quán Âm Bồ Tát bên trong của ta được tỏa sáng, được biểu hiện. Đó là cách thứ hai chúng ta có thể tu tập để làm cho tự thân mình thấm nhuần giáo lý đạo Phật, tiếp nhận được năng lượng lành của Bồ Tát Quán Âm gia hộ.

Và nếu một người Phật tử có nhiệt tình tu tập biết quán chiếu, biết quay về nhận ra được năng lượng lành đang có mặt trong trái tim mình thì ở mức độ cạn nhất là làm cho đời sống tự thân của mình có được niềm vui, có được hạnh phúc đồng thời cũng ban được niềm vui và hạnh phúc đến với mọi người chung quanh. Và nếu chưa làm được điều này, chưa khởi phát được trong trái tim mình một niềm tin đối với Bồ Tát Quán Âm, đối với năng lượng lành của Bồ Tát đang hiện diện quanh ta, thì mình chưa phải là một người Phật tử phát Bồ Đề Tâm nương theo giáo lý Phật Đà để tu tập.

Tôi kể cho các vị nghe một câu chuyện rất dễ thương. Có một vùng đất kia hạn hán đã lâu. Người ta tổ chức đàn tràng cầu nguyện để có được mưa. Và trong ngày mà đàn tràng được tổ chức rất long trọng đó, bao nhiêu người quây quần về để tụng kinh, niệm Phật. Nhưng khi các Thầy lên khai đàn để cầu mưa, nhìn xuống hàng ngàn Phật tử, thì thấy những người lớn đều đi đến bằng tay không, chỉ có vài em bé cầm theo dù thôi. Sau khi làm lễ xong, may mắn làm sao, tự nhiên trời đổ mưa thật lớn. Và điều gì xảy ra? Những người lớn không biết làm sao để đi về trong khi mấy em bé ấy giương dù ra và thành thoi về nhà. Câu chuyện vui trên cho ta một bài học, đó là càng lớn, niềm tin của chúng ta đối với năng lực Bồ Tát Quán Thế Âm bị nghi ngờ lo âu phiền muộn bất an che chắn, chỉ có những tâm thức bé thơ, bằng trái tim trong sáng, đã có niềm tin rất vững chắc rằng nó cầu nguyện là Bồ Tát ứng nghiệm ngay cho nên trước khi đi nó đem theo cây dù. Còn chúng ta thì cầu nguyện nhưng không tin là có mưa hay không nên không đem dù theo...

[...] Điều này cũng cho ta thấy một điều là thớ bé thơ trái tim ta rất là thơ ngây, niềm tin ta đặt vào đâu thì sắt son, không suy tư, không nghi ngại gì cả. Càng lớn trái tim mình càng chật chội bao nỗi. Nay tính toán, nay phiền muộn, nay bất an,... che lấp hết trái tim Bồ Tát Quán Âm trong tự thân ta. Cho nên tu, ở mức độ cạn nhất, là xin quay về nhận diện được cái gì trong tự thân mình là Bồ Tát Quán Âm, và khi nhận được điều này rồi thì hãy mở cánh cửa cho năng lượng Quán Âm bên trong mình tỏa sáng. Và các vị làm được điều này thì chiêu cảm được năng lượng lành của Quán Âm luôn gia hộ cho các vị ở bên ngoài.

Làm thế nào mở cánh cửa lòng để cho năng lượng Quán Âm có mặt và tỏa sáng? Quay nhìn lại bên trong tâm thức của các vị. Lòng vị tha, lòng yêu thương, sự cảm thông, và muốn mang niềm vui hạnh phúc đến tặng cho người... đó là năng lượng lành Quán Âm đang có



Thầy Phước Tịnh (Hình Mắt Thương Nhìn Đồi)

trong trái tim các vị. Còn nếu nhìn lại lòng mình các vị thấy buồn, giận, lo âu, bất an, nhìn ai cũng thấy ghét và ganh tị, tức là các vị đang mở cánh cửa cho năng lượng của dạ xoa, của quỷ dữ, của hung thần trong trái tim của các vị. [...] Nên nhớ là mỗi một ngày ta có vô vàn điều kiện để mở cánh cửa cho dạ xoa, quỷ dữ bay ra. Chúng ta cũng có vô vàn thì giờ và điều kiện để mở cánh cửa cho Bồ Tát Quán Âm có mặt trong đời sống chúng ta. Tùy các vị. Ứng có quỷ dữ trong nhà, hay ứng có Bồ Tát Quán Âm trong trái tim các vị, do chính các vị làm nên mà thôi.

Cho nên điều thứ nhất những người Phật tử chúng ta phải thực tập đó là gì? Xin thưa: Hãy đóng cửa, chốt hết loài quỷ dữ lại đừng mở cửa cho nó đi ra. Và thế nào là đóng cửa chốt hết loài quỷ dữ? Khi các vị nhìn người thân mà trong tâm thức khởi lên cái giận cái buồn, nhớ về quá khứ vụng về sai lầm của người kia, muốn trách cứ, muốn trừng trị,... thì mình biết là mình đang sửa soạn mở cánh cửa cho loài quỷ dữ tuôn ra rồi đó. Mình trách cứ, mình hành hạ, mình trừng trị người ta bằng ngôn ngữ chua cay đắng chất của mình, điều đầu tiên là mình tự làm cho trái tim mình co thắt lại. Thứ hai là làm cho năng lượng đời sống gia đình tự nhiên u ám xuống. Thứ ba là gây một hạt nhân rất xấu xa, đen tối, đó là truyền đạt cái đặc tính rất là tiêu cực vào thế hệ con, thế hệ cháu của các vị.

Chúng ta từng biết là thớ ấu thơ ta sống trong gia đình bố mẹ cắn đặng nhau, ta rất ghét, rất khó chịu, nghĩ rằng mình lớn lên sẽ không lặp lại những điều như thế. Ấy vậy mà những điều giận hờn, gây gổ của bố mẹ đi vào tiềm thức của ta rất sâu, cho nên tới chừng lớn ta lại hành xử giống y như bố mẹ mình đã từng làm. Thế thì bậc cha mẹ phụ huynh hiện tại, hãy nhớ một điều là những cái buồn, phiền, giận, tức, cấu ó, gây gổ lẫn nhau

của các vị, cái họa hại của nó là gieo hạt mầm rất tiêu cực trong tâm thức của thế hệ con ta, cháu ta, rồi nó lớn lên nó đi vào đời, nó mang cái hạt mầm mà mình đã trao truyền, nó vung vãi vào người thân của nó, rất là tội nghiệp. Cho nên xin các vị, ở cái bước thực tập cận nhất mà ta tu hành, đó là đóng hết các cánh cửa của buồn, giận, bất an, gây gổ, cau có, vị kỷ,... nhốt nó lại.

Thứ hai là mở cánh cửa yêu thương, vị tha, từ ái đến với mọi người. Làm được điều này các vị đang thực tập từng bước một làm cho năng lượng lành trong trái tim của quý vị tỏa sáng. Làm được, cũng có nghĩa là các vị mời được sự gia bị của Bồ Tát Quán Thế Âm đến với các vị một cách rất cụ thể. Và làm thế nào mở cánh cửa để cho lòng vị tha, yêu thương có mặt? Các vị khi nhìn bất cứ ai các vị tiếp xúc trong ngày, nhớ đừng để cho cái tiếng nói thầm thì trong tâm thức mình khởi nên một ý niệm thù ghét ai cả. Giận ai, mình hứa với lòng rằng giận cả đời không quên. Nhưng nếu ai nói giận cả đời không quên, người đó là người trí tuệ hay là người vô minh? Quá là vô minh phải không ạ? Tại sao? Thử hình dung mình từ nhà quẩy một ba lô trong đó có 5 ký lô đá tới đây, ngồi đây cũng quẩy nó trên vai, giờ ăn cũng quẩy nó trên vai, lạ Phật cũng quẩy nó trên vai, đi vào giấc ngủ cũng quẩy nó trên vai, có tội cho mình không ạ? Tội. Thế mà mình mang cái giận cái hờn trong lòng 20 năm, 30 năm không chịu bỏ xuống thì ngôn ngữ đạo Phật gọi là quá vô minh không sai, phải không?

Cho nên điều thứ hai ta thử thực tập đó là nhìn mọi người, dù người đó là người thân, không thân, người ta thương, người ta ghét, đừng bao giờ để cho tâm thức ta khởi cái ý niệm chê trách, buồn phiền, giận hờn, đừng thấy quá khứ vụng về của người kia. Có những bà vợ, lỗi lầm của ông chồng 30 năm trước mà vẫn còn nhớ cho tới bây giờ, rồi lâu lâu đem ra chì chiết. Tội phải không ạ? Chì chiết ông tội cho ai? Tội cho mình trước nhất. Tội cho ông là người thứ hai. Tội cho con cháu trong nhà là người thứ ba. Cho nên xin nhớ cho là tất cả những cái vụng về sai lầm của người, dù thân hay không thân, ta hãy bỏ, đừng bao giờ nhớ, để làm cho trái tim mình nhẹ, lòng mình thanh thoi.

Bước thứ hai, là luôn hướng về sự vị tha. Hãy mở trái tim ra. Lòng mình yêu thương lớn bao nhiêu thì niềm vui và hạnh phúc lớn theo bấy nhiêu. Lòng mình mà chật chội tù túng bao nhiêu thì buồn phiền, giận tức, bất an, bất hạnh đến với mình bấy nhiêu. Cho nên cái phương pháp thứ hai, các vị thử thực tập để làm cho năng lượng yêu thương Bồ Tát có mặt. Đó là luôn mở trái tim vì người. Đừng có cái nhìn hằn học, nói lời làm tổn thương nhau, đừng làm một cử chỉ khiến người khác buồn phiền. Nhân quả rất là rõ ràng: Tặng cho người



Chùa Văn Thù, Riverside tháng Hai, 2011 (Hình HMD)

nụ cười thì người tặng lại niềm vui. Tặng cho người sự cau có, thì người cũng kiếm cách gây khó chịu lại cho anh. Cho nên hãy cư xử với đời bằng tất cả tấm lòng yêu thương, hiến tặng niềm vui hạnh phúc cho người, hứa với lòng mỗi sáng là không mang được cho người niềm vui thì thôi chứ không làm cho người khác tổn thương và bất an.

Làm được điều này là ta mời được năng lượng lành của Bồ Tát Quán Âm có mặt trong trái tim ta, cũng có nghĩa là ta làm cho đức Bồ Tát luôn hiện diện trong ta. Cho nên an vị tượng Quán Âm bên ngoài cũng có nghĩa là hôm nay các vị nên an vị thánh tượng Quán Âm nơi trái tim mình. Tôn kính đức Quán Âm bên ngoài do vì ngài có năng lượng từ bi vĩ đại. Ta lạ ngài không chán do vì lòng yêu thương của ngài mênh mông như hư không. Thì ta cũng biết quay về nhận ra cái năng lượng yêu thương từ ái bên trong của chính ta cũng mênh mông giống như Bồ Tát Quán Âm bên ngoài không khác. Và an vị được thánh tượng Quán Âm bên trong trái tim các vị thì các vị làm cho đời sống các vị mỗi một ngày không gian hạnh phúc yêu thương mở ra lồng lộng, Nếu ta không làm được điều này, thưa đại chúng, ta tu Phật 10 năm, 20 năm, hay nhiều nữa, ta vẫn không thể nào nếm hương vị pháp của đức Thế Tôn đã dạy cho chúng ta.

Và hôm nay nhân ngày an vị thánh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm tôi mong rằng đại chúng hướng về Bồ Tát Quán Thế Âm, cảm niệm công ơn của ngài đã vì chúng sanh trong cõi Ta Bà này mà thị hiện bao nhiêu hóa thân, bao nhiêu ứng thân. Và các vị cũng biết quay về bên trong trái tim các vị, mời cái năng lượng an lành, yêu thương từ ái của Quán Âm có mặt trong trái tim, để làm cho đời sống các vị giàu có, hạnh phúc hơn bằng trái tim yêu thương rộng mở. ♦

MẮT THƯƠNG NHÌN ĐỜI

VỚI CÔNG TRÌNH ĐÚC CHUÔNG, TẠO TƯỢNG, TỔ CHỨC TU HỌC VÀ THỰC HIỆN TỪ THIỆN HƠN 10 NĂM QUA.

Kính tri ân quý Phật tử khắp nơi đã ủng hộ Mắt Thương đóng góp cho công trình đúc Chuông Đại Hồng tại Tu Viện Tây Thiên (Canada), Tu Viện Phổ Môn (Houston) và Chùa Sắc Tứ Kim Sơn (Nha Trang).

Nhóm tạo tượng Mắt Thương Nhìn Đời nay do đủ duyên lành hội tụ, nguyện phát tâm lành thực hiện công trình tạo nên 10.000 tượng Phật để thực tập pháp tu đã từng có duyên học hỏi với các bậc Thầy. Khi đang tạo tượng Phật, người làm công việc nhất tâm niệm Phật, duy trì chánh niệm, không phóng tâm đó đây, biết tỏ tường mình đang thực hiện công việc ở giai đoạn nào và điều này giúp cho người tạo tượng hẳn nhiên quay về với bản tâm thanh tịnh, trong sáng, hằng sẵn có từng phút từng giây mà xưa nay vì ngoại cảnh tác động nên đã từng đánh mất, vì thế họ đã mất đi giây phút hiện tại và từng sống trong trạng thái bất an, sợ hãi, khổ đau hay buồn tủi, mà không tìm ra được lối thoát....



Một vài khuôn mẫu hình ảnh của Phật và các vị Bồ Tát, Mắt Thương sẽ tạo ra tượng bằng bột đá trắng để cúng dường đến những vị hữu duyên khắp đó đây - Ảnh Thầy Phước Tịnh đang tạo tượng Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát.

Chúng tôi hoan hỷ nhận cúng dường tượng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ.

Nguyện hồi hướng công đức lành tạo tượng đến với tất cả Pháp giới chúng sanh.

Bên cạnh việc tạo các tượng Phật và Bồ Tát, Mắt Thương hiện đang thực hiện các công trình từ thiện khác như xây cầu xi măng, làm giếng nước, xây nhà tình thương, giúp các hộ tương phế bình nghèo tại Việt Nam và nhiều công trình từ thiện khác. Quý vị phát tâm muốn hùn phước, xin liên lạc với Mắt Thương Nhìn Đời để góp phần tùy hỷ công đức.

Đạo tràng công phu sáng - tọa thiền và lạy Phật từ 8 am - 10 am mỗi ngày (nghỉ thứ Hai). Lịch sinh hoạt có tại Thiền Đường.

Tại Thiền Đường Mây Tụ có nhiều lớp học Pháp, thực tập thiền và khóa tu hằng tuần. Bên cạnh đó, Mây Tụ còn có những lớp Yoga và Khí công, các lớp thuyết trình về bệnh Tiểu Đường và Alzheimer. Kính mời quý vị hoan hỷ về tham dự.

14560 Magnolia St., Suite 101, Westminster, CA 92683

www.matthuongnhindoi.org - **714-600-8854** - lienlac@matthuongnhindoi.org

Mẹ Hiền

Quán

Thế

Âm



Bài giảng của NI SƯ THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Mỗi năm chúng ta làm lễ Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần: 19-2, 19-6 và 19-9. Nói về Bồ Tát Quán Thế Âm thì trong kinh điển theo như Cô còn nhớ, bộ Kinh Bi Hoa có nói về một tiền thân của ngài. Ngài là một vị Thái Tử, con của Vua Vô Tránh Niệm. Trong thời đó nhà Vua cùng Thái Tử cùng phát tâm tu đạo, đức Vua phát 48 nguyện trong đó có nguyện sau này khi được thành chánh quả thì sẽ lập một quốc độ có đầy đủ những phương tiện tốt đẹp để chúng sinh về đó tu tập. Khi nguyện viên mãn thì đó là cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà và người Thái Tử cùng phát nguyện tu với Vua cha sau này là Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đức Phật A Di Đà đã thành Phật từ vô lượng kiếp cho nên đức Quán Thế Âm cũng thành Phật từ vô lượng kiếp rồi, cho nên trong 12 câu nguyện hồi nầy chúng ta nguyện là: Quán Âm Như Lai. Nhưng do bị nguyện, nên theo phẩm Phổ Môn, trích từ kinh Pháp Hoa, ngài Vô Tận Ý có hỏi là vì sao ngài tên là Quán Thế Âm thì đức Phật nói là vì do ngài có lòng từ nên thị hiện ra 32 ứng hóa thân để mà theo tiếng kêu của chúng sinh tầm thình cứu khổ.

[...] Ở đây các Phật tử có hiểu về ứng thân không? Hiểu tại sao Phật ứng thân không? Cô lấy thí dụ này. Thí dụ như Cô ngồi trên chỗ này thì Cô đóng vai, ở vị trí của một người giảng kinh; một lát nữa xuống kia Cô đi vô chỗ quý Phật tử bán bún riêu, thấy bán không kịp, Cô phụ múc thì Cô đóng vai một người bán bún riêu.

Thì cũng là Cô thôi. Một lát nữa, dưới bếp không có người rửa chén, cần một người rửa chén Cô sẽ đi vô đó làm một người rửa chén. Vẫn là một người, nhưng đóng nhiều vai trò. Quý vị hiểu chớ? Vì chúng sinh đa bệnh và cái đau khổ của chúng sinh mênh mông cho nên khi cần thân Phật thì ngài hiện thân Phật, khi cần thân Trời thì ngài hiện thân Trời. Ngay đến những vị Hộ Pháp đứng trước chùa, một vị mặt hiền, một vị mặt dữ cũng là hóa thân của đức Quán Thế Âm.

[...] Hôm nay nói về đức Quán Thế Âm thì Phật tử chúng ta người nào cũng có một cái cảm nghiệm. Bởi vì sống trong một gia đình Đông Phương, mà là gia đình Phật giáo, thì từ thuở thơ ấu, bà nội, bà ngoại, mẹ đã dạy chúng ta là khi nào sợ hãi thì niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, phải không? Ít nhất, chúng ta trong một lần nào đó trong đời người, kêu cầu đến danh hiệu của ngài và có sự đáp ứng.

Hình bóng mà chúng ta thấy thờ ngài là hình bóng của một vị Bồ Tát hiền dịu và mang một thân hình, một dáng dấp một người mẹ, có tóc, mặc đồ thế tục, mang trang sức, tức là một người phụ nữ thế gian chớ không phải là một người tu sĩ đầu cạo trọc. Vì đó là hình bóng của một bà mẹ hiền ở trong bất cứ một gia đình nào cũng có. Các Phật tử hiểu về ứng hóa thân rồi chớ?

Đó là một hình ảnh rất gần gũi. Cô nhớ là thời thơ ấu của Cô, khi ba mẹ vắng nhà, Cô rất sợ ma. Nông thôn thời xưa không có đèn, không có gì tiêu khiển cho



Ni Trưởng Như Thủy đang giảng pháp tại một ngôi chùa ở Austin, Texas.

con nít, mà ba mẹ lại vắng nhà, nên khi đó Cô niệm đức Quán Thế Âm, ‘xin Bồ Tát Quán Thế Âm canh ăn trộm, canh ma dùm cho con đỡ sợ’. Và Cô thường đi ngủ với hình bóng của ngài tỏa bóng mát khắp khu vườn của Cô để che chở cho những đứa bé vắng cha mẹ. Rồi khi Cô học bài không thuộc, Cô cũng nguyện ‘Quán Thế Âm gia hộ cho con thuộc bài’. Đến khi Cô đi thi, Cô cũng nguyện Quán Thế Âm gia hộ cho con thi đậu. Có khi Cô xin chiếc xe đạp, có khi Cô xin một món quà nào đó, Cô coi đức Quán Thế Âm giống như một ông già Nô En ở bên này, nghĩa là ngài đều theo tiếng kêu của mình mà cứu khổ. Cho nên suốt cả một thời thơ ấu cho đến khi vào chùa thì lúc nào Cô cũng nguyện điều đó. Khi là một chú tiểu, điều sợ hãi nhất là sợ mình tu không trọn vẹn, thì Cô nhớ đêm nào Cô cũng nguyện cho đức Quán Thế Âm gia hộ cho con được tu trọn đời, không bao giờ bỏ cuộc. Giống như là những khi đau khổ đến cùng cực thì luôn luôn Cô mơ ước có một đức Quán Thế Âm ở vừa tầm tay của mình để mình đến ôm chân ngài, để mình khóc, mình than, mình vùi vĩnh đủ thứ, như đối với một người mẹ bằng xương bằng thịt.

Nhưng đến khi Cô vào Thiền viện tu thì bắt đầu được học là tu không cầu tha lực mà chỉ nhận cái công án, tu theo Hòa Thượng dạy, là không vọng tưởng. Từ đó trong chương trình tu học chỉ lễ đức Văn Thù, lễ đức Phổ Hiền, và không có lễ đức Quán Âm, thì cũng thấy như hơi thiếu sót: tự nhiên mình phải chia tay đức Quán Âm vốn quen thuộc với mình từ nhỏ. Nhưng tuổi trẻ, thôi mình tu thiền thì theo đúng thời khóa của thiền, và hoàn toàn Cô không nguyện đức Quán Âm nữa.

Nhưng đến năm Cô khoảng 30 tuổi – lúc đó là vào khoảng năm 80 – nhà nước có đưa ra một chính sách là tất cả phụ nữ tuổi từ 18 đến 35 mỗi năm phải làm nghĩa vụ lao động trong một tháng, trừ ai có con cái còn nhỏ.

Trong một tháng đó mình phải đi đến nơi nào mà chính quyền chỉ định.

Cô nhớ trong tuổi 18 đến 35 ở nông thôn Việt Nam thì chỉ có quý Cô, Sư Cô là không có con cái thôi. Tu viện lúc đó hơn 30 người mà không người nào quá 35 hết, tổng cộng quý Cô mỗi một năm mắc nợ trên 30 tháng nghĩa vụ, mà nếu không đi thì phải đóng tiền. Thí dụ như người ta tính tiền công lao động một ngày là 10,000, một tháng là 300,000, 30 người thì tính ra đến hàng triệu, không thể nào mà tìm ra một số tiền như vậy.

Hoặc nếu không đi thì phải lấy giấy bệnh. Mà giấy bệnh thì phải kiểm bác sĩ lấy cái chứng từ cho rằng mình bệnh đến nổi liệt giường không thể đi được, lại đi qua một vấn đề khác là phải nói láo. Mấy Cô mới họp nhau: mình tu hành, trước kia muốn thọ giới là phải lạy hai năm Sám Hối, bây giờ vì né tránh cái vụ này mà phải nói láo thì khi khám bác sĩ hổng dám dòm mặt ông bác sĩ [...] Cuối cùng Cô nói: Đi. Nhưng trước hết thì xin đi dọn đường. Lúc đó Cô là giáo thọ thì Cô đi trước để coi chuyến đi lành dữ thế nào rồi sau đó mấy em mới đi.

Như vậy buổi sáng hôm đó Cô đi cùng với 200 dân làng, trong đó chỉ có chừng hai thiếu nữ lỡ thì. Hai Sư Cô và 200 thanh niên, tất cả chất lên một chiếc xe cam nhông, chạy đống xuống một vùng đất qua khỏi Long Khánh, gần giáp với Lâm Đồng, với công tác là thu dọn lòng hồ Trị An. Lúc đó chưa có thủy điện Trị An. Người ta dọn dẹp trước rồi sẽ cho nước vào để nơi đó chìm xuống thành cái lòng hồ. Vùng này trong chiến tranh là chiến khu D. Sau chiến tranh thì nó là một nơi khai thác lâm sản hoàn toàn mới mẻ. Khi chưa đi, nghe nói Trị An Cô cứ tưởng nơi đây có thác Trị An thì có suối, có đá, có nước menh mông, và rừng chiến khu D thì chắc là rất đẹp. Nhưng khi đống quân xuống rồi thì mới thấy nơi đó giống như nơi người ta đào vàng, toàn là xe ba lua, xe máy cày, nghĩa là bụi tung mù mịt vì là đường rừng được phá để chở lâm sản ra. Và một điều đáng hoảng sợ nhất là xung quanh rất ít phụ nữ nếu không nói là hoàn toàn vắng bóng phụ nữ.

Đoàn phải đi qua một cái phà nữa rồi tiến sâu vô gần nông trường Bá Đà. Đến đó thì đóng quân giữa rừng. Hình như là giữa 500 đàn ông mà loe hoe chỉ có chừng bốn hay năm phụ nữ thôi. Đi thì hoàn toàn đi bộ, mà hồi đó Cô đi guốc, đường thì bụi mù vì xe chở gỗ chạy. Khi vô tới đó rồi thì trời tối, không thấy đèn đuốc gì hết, mà điều khủng khiếp nhất là không có nước. Rừng hoàn toàn không có nước vì đó là mùa khô. Từ nơi mình lấy nước đi đến cái chỗ mình đóng quân để lao động đó, là 20 cây số đi bộ. Đem bốn lít nước lấy từ sông vào, thì tới nơi Cô với cái em đi theo đó uống hết ba lít rồi, còn có một lít. Ai dòm thấy Cô có cái bình nước thì họ cũng muốn lại xin. Bà Thanh Đề trong Cô nổi dậy, tối đó Cô dấu cái bình nước ở trong mền đắp lại và nói “không” với tất cả mọi người.

Nơi đó người ta dựng một cái lều tạm, tất cả đàn ông con trai chun vô lều hút thuốc, giỡn, hát. Còn mình thì phụ nữ, nên Cô ra một chỗ gần gần đó, giăng một cái mùng, đắp lên một tấm ny lông và nằm. Sáng hôm sau dòm trở lại thì 200 người dân ở làng cùng đi với mình trốn mất tiêu hết mà họ hồng rử mình theo. Mấy Cô thì rất ngoan, thức dậy ra thì ‘ạ, tất cả người quen đều biến mất,’ phụ nữ cũng biến luôn. Dân họ bỏ quý Cô lại vì họ thấy quý Cô cứ lẹp xẹp đôi guốc hoài. Họ chạy trốn nên họ đem hành trang rất nhẹ. Họ không mang theo cái gì hết, trong khi Cô thì tính hai người đi như vậy trong một tháng thì phải mang 20 ký gạo, rồi nước tương, muối, nồi niêu xoong chảo, thêm hai cái rựa nữa. Đi 20 cây số, đi hết nổi phải kiếm một cây tre rồi khiêng như người ta tải thương. Nghĩa là những vật dụng mà mấy Cô mang theo gần 50 ký. Họ thấy đồ của mấy Cô là họ biết không thể nào dẫn hai bà này trốn về. Trốn là bị bắt hết, thành ra họ bỏ lại.

Sáng ra, đất với trời chung một nghĩa bơ vơ, hồng có ai bên mình hết. Người ta sát nhập quý cô cùng một nhóm lạ nữa, và họ phát cho một khu rừng, họ biểu ‘Cô lãnh rừng đại diện cho cái làng của Cô đi’. Rừng có những cái cây ba bốn người ôm, tre, mây, đàn chằng chịt dòm hồng thấy bóng nắng. Nhiệm vụ của Cô là xách cái rựa đó đi phát làm dấu ranh giới của mình. Cô cầm cái rựa lên, không biết làm sao chui vô cái rừng đó, xuyên qua mây xuyên qua tre, đứng dòm hoài thì cái ông chia công tác ngao ngán nói: ‘Thôi, ngó bộ bà làm ăn hồng nên thân đâu, tay bà mà vô khều nó cũng chưa tróc cái vỏ cây nữa. Thôi bây giờ bà ở trong một cái ban là đánh cắt tranh để cho người ta lợp nhà...’ Tại vì dân đồ vô mà không có một mái nhà che sương. Còn cánh đàn ông thì phải cấp bách đào giếng để lấy nước uống.

Rừng hoàn toàn không có nước. Sáng không có nước rửa mặt. Không có nước uống thì làm gì có nước rửa mặt, rửa rau. Muốn đi lấy nước thì không ai cho mình đi hết vì sợ mình trốn. Mà đi bộ 20 cây số thì lấy được nước rồi đi về Cô sẽ uống hết trơn. Và cái điều nguy hiểm của người phụ nữ là có những cái ngày đặc biệt cần phải dùng đến nước. Thành ra Cô nói với em đi cùng với Cô, em này mới 20 tuổi, ‘Em phải giữ vững tinh thần nghe, trong thời gian này không thể nào xảy ra sự cố bất tịnh được tại vì rừng không có nước.’ Con bé vừa nghe xong là nó sợ quá. Nửa tiếng sau thì nó nói, ‘Cô ơi, xảy ra sự cố rồi.’ Đó là một điều khủng khiếp. Nước không có

để rửa mặt, không có để uống. Mà chung quanh mình không có một người phụ nữ. Đừng nói gì tới tắm giặt. Mà phải ở một tháng trời. Sẽ như thế nào đây?

Người ta chia hai người phụ nữ cho vào hai tốp. Cô phải đi theo thanh niên đi vô một khu rừng xa hơn nữa để cắt tranh. Từ chỗ đóng trại tới cái chỗ đó khoảng hình như từ 10 đến 20 cây số vì không có cây số để mình biết. 5 giờ phải thức dậy đi rồi. Thanh niên đi mau lắm, họ đi một lát là Cô hồng còn thấy bóng dáng họ ở đâu hết, cứ nhắm theo dấu chân họ để lại trên con đường bụi đó mà đi. Cô đi đến nơi là đúng 12 giờ trưa. Mà họ vô trong đó là mất hút. Cô vô, đầu tiên họ biểu Cô: Cô đốn tre đi. Tre gai chằng chịt chớ không suông như ở (chùa) Đức Viên đâu, mà muốn vô đó thì phải mở con đường rồi mới chui vô cái gốc nó. Đốn xong phải leo lên cái ngọn, rút từ trên ngọn rút ra. Cô loay hoay một tiếng đồng hồ mà chưa phát được một cái lỗ để chui vô cái gốc mà quần áo đã bị gai tre làm rách hết. Cô đã mặc ba cái áo lặn vì

sợ nó rách giữa chừng. Gai tre mà nó mọc vô da thịt mình thì rất là nhức. Họ nói, điệu này Cô đốn tre hồng được, thôi Cô róc tre đi. Thì đó, công tác đầu tiên là Cô róc được một cây tre, tức là từ một cây tre gai róc được một cây tre thẳng như của (chùa) Đức Viên trồng. Cô róc xong một cây tre là tới 4 giờ chiều.

Họ nói, theo cái kiểu đi rùa bò của Cô thì 4 giờ Cô phải đi về, chớ 5 giờ mà Cô mới về thì tới nhà sẽ là 9 giờ tối. Cô nghe nói Cô mừng quá, Cô bắt đầu

đi bộ. Đúng y là về tới nhà là 8 giờ tối.

Tối nơi rồi thì con bé ở nhà nó khóc meo máu, nói: Cô ơi, bây giờ mình đi về chùa chớ đừng ở đây. Mà Cô biết lấy gì mà về, mình cũng không biết mình đương nằm ở chỗ nào nữa. Nó nói, ‘Nhưng con cần nước, con phải có nước. Bao nhiêu nước con đã nấu cơm cho Cô ăn rồi bây giờ nước uống không có, nước tắm không có thì làm sao đây?’ Chung quanh là đàn ông, làm sao mình hỏi được. Và Cô chỉ biết gặp một bác già mà Cô tin tưởng để hỏi thăm. Lúc đó Cô còn trẻ, đi tới đâu là chung quanh thanh niên ca vọng cổ, ‘Lan ơi Lan em cắt tóc đi tu hay đầu em có ghê?’ Nó trêu chọc mình suốt ngày, Cô không có dám hỏi. Thành ra lựa một bác già, Cô hỏi ‘Bác ơi, bác biết gần đây có suối, có giếng không?’ Bác nói ‘có con sông mà Cô phải chịu khó đi bộ 20 cây mới đến.’ Cô nghĩ 20 cây thì Cô đi chắc ba ngày. Nhưng một lát thì có một người dân làm củi đi qua. Họ nói đi về hướng này thì gặp cái suối tên là suối Bon.



Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy (bên phải) đang hướng dẫn các ni và các cư sĩ trong mùa an cư tại Chùa Đức Viên, San Jose năm 2017.

Hỏi ‘cách bao lâu chú?’ Ông nói, ‘gần xịt hà, Cô cứ nhắm hướng này Cô đi, tới cái suối Bon tha hồ tắm.’

Cô nghe vậy mừng lắm, thành ra 9 giờ đêm mang gàu, quây quần áo, hai ba can nước, xách con bé đi theo đó, đi kiếm suối Bon. Ra đi không thấy đường thấy sá gì hết. Ở trong chùa thì quán Bát Nhã, truy vọng đủ thứ hết nhưng lúc này thì Cô mới niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát cho con kiếm ra cái suối Bon. Đi mà không dám hỏi người ta, sợ người ta biết là mình không biết đường rồi bắt mình giữa rừng thì sao. Trong bóng tối nhập nhòa giữa một cái rừng thanh niên trong đó gồm thanh niên xung phong, tù hình sự, đủ thứ hết, có những người để tóc dài thành tóc thề luôn. Trong bóng tối như vậy, nghe tiếng nói phụ nữ, họ đâu có biết mình tu hay không, chuyện gì sẽ xảy ra cho hai chị em đây? Đi cứ lầm lũi đi, cứ nhắm hướng như vậy mà đi. Cô không biết đi bao lâu. Người sư em đi theo mình thì tin tưởng nơi mình là giới dữ lắm, cứ lúc thúc đi theo đằng sau, lâu lâu hỏi ‘suối Bon tới chưa Cô?’ Cô không dám nói là Cô chưa biết nó ở chỗ nào nữa. Mà cứ đi như vậy. Chỉ biết là nhắm một hướng đi thôi để một lát còn đường trở về, đi thẳng chớ không dám quay.

Đi như vậy không biết bao lâu, Cô niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát bảo vệ cho chúng con để chúng con được tu trọn đời và chúng con làm sao kiếm được cái suối Bon, và gia hộ làm sao cho chúng con kiếm được một người hiền để tụi con hỏi thăm đường. Khi vừa đi vừa niệm như vậy, Cô đặt hết niềm tin vào đức Quán Thế Âm mà sau khoảng gần 10 năm Cô không niệm đến ngài. Tự nhiên Cô nghe tiếng chân của người đi ngược lại và Cô dòm mang máng thì đó là một người phụ nữ. Cô mừng quá, Cô nói ‘Bác ơi, cho tôi hỏi đường đi suối Bon là đường nào.’ Người đàn bà khó chịu, họ nói ‘Mấy cô đi đâu? Mắc cái gì phải tới suối Bon?’ Cô nói, ‘Dạ tụi con đi tắm. Tụi con là sư cô, là tu sĩ Phật giáo lên đây đi dân công, tụi con cần nước uống và tắm nên đi suối Bon.’ Bà mới nói, ‘Cô đi tới tết Công Gô chưa tới vì nó cách đây hai chục cây.’

Nghe tới đó Cô rụng rời. Bà còn nói, ‘nếu cô không nói là Sư Cô thì tôi không chỉ đường đâu, vì suối Bon là nơi đàn bà con gái không đàng hoàng lên đó ở..’ Khi đó Cô rất là tuyệt vọng, còn em mà đi cùng với Cô, nó vừa nghe tới đó là bỏ hai túi đồ xuống, đứng khóc ngon lành. Đi này giờ đã không biết bao lâu rồi, mà bây giờ còn nghe tới hai chục cây số nữa mới tới, nó đứng đó khóc liến. Cô cũng không biết nói làm sao. Về cũng quá xa, mà đi cũng quá xa. Không ngờ thất bại như vậy, ngày mai lấy nước đâu mà uống, nước đâu mà nấu ăn? Tự nhiên chị đàn bà đó dịu giọng. Chị nói ‘bây giờ tôi chỉ cho một chỗ có cái nhà có giếng nước rất là trong, cô vô đó gọi tên là chị Hồng, cách đây khoảng 100 thước. Cô đến đó thì sẽ có nước tắm và uống.’

Nói xong rồi chỉ đi mà Cô cũng không thấy mặt chỉ. Cô nghe lời, đến đó thì thấy có ánh đèn leo lét trong một cái nhà tranh. Cô mới đứng bên ngoài kêu chị Hồng ơi, chị Hồng hỏi thì có một người phụ nữ ra hỏi ‘Mấy cô



Ni Trương Như Thủy phát quà cho người nghèo ở Vĩnh Long.

cần gì?’ ‘Dạ tụi em cần nước. Chị cho tụi em tắm nhờ với xin một ít nước.’ Chị mới nói là ‘Phía sau nhà tôi có một cái giếng rất là cạn, cô chỉ cần ngồi ở trên cô thò cái thau xuống là múc được nước.’ Rồi chỉ cho một cái thau giặt đồ. Cô mừng quá, mò mẫm trong bóng tối vì chung quanh đó hoàn toàn không có đèn đốc gì hết. Chỉ có ngọn đèn leo lét trong nhà nhưng khi họ nói chuyện với mình xong thì họ đóng cửa lại nên tối hoàn toàn. Và Cô đi ra theo hướng của chị đó chỉ, rồi thì Cô múc nước đổ đầy hết mấy cái can đem theo, múc nước giặt đồ, cuối cùng là tắm lộ thiên trong bóng đêm. Tắm xong tự nhiên lòng đầy phỉ lạc, vui vẻ trở lại, mới quảy đồ đạc, khiêng mấy can nước đem về. Cô tính ghé vô nhà để cảm ơn thì thấy họ ngủ rồi, nên đi trở về cái trại đã đóng quân, lúc đó thì trời vừa sáng.

Sáng hôm sau Cô lại dẫu 20 lít nước mà mình vừa có. Cô đem vô mừng, phủ mền lên, nếu không thì người ta sẽ xin. Người ta thấy mấy Cô sao mặt mày tươi tắn vui vẻ thì họ mới hỏi, Cô có nước ở đâu nấu cơm vậy. Cô nói Cô xin ở nhà chị Hồng, chị Hồng có cái giếng nước. Mấy người đó, cùng mấy người thợ rừng, nói ‘Tụi tôi ở đây cả năm, bảy năm chẳng nghe ai tên chị Hồng mà cũng hông có cái giếng nào hết. Ở đây đào cả 20 thước cũng chưa thấy nước.’ Cô nói ‘Không. Cái giếng đó rất là trong, tôi ngồi trên mà tôi lấy cái thau múc được mà..’

Họ nói hoàn toàn không có cái giếng đó, cũng không có người nào tên chị Hồng hết.

Đó là một điều mà năm Cô đi làm dân công Cô đã trải nghiệm. Lúc đó mấy Cô cũng ngây thơ, nói có giếng hay không cũng không sao, chỉ biết mình có 20 lít nước trước mặt để nấu cơm uống nước, và mình đã được tắm, được giặt đồ là quý rồi. Sau này Cô mới hiểu đó là sự gia hộ. Bất cứ người phụ nữ nào giúp ta đi qua một đoạn đường gian khó đều là hóa thân của đức Quán Thế Âm Bồ Tát, không cần biết người đó có hay không, hiện thân dưới hình dáng nào. Người phụ nữ chỉ đường, Cô không thấy mặt. Chị phụ nữ tên Hồng, Cô cũng không thấy mặt. Và cái giếng đó hiện ra trong đêm cho mình mức nước sau đó rồi không kiếm ra được nữa. Ban ngày không kiếm ra cái giếng đó.

Hai ngày sau, vì dân quá khổ cho nên họ dời địa điểm vào một vùng sâu hơn nữa, và Cô từ già chị Hồng giống như một giấc mơ mình gặp. Và mình lấy được nước từ trong mơ đó. Lạ lùng là đi suốt đêm như vậy mà không thấy mệt và còn 20 lít nước để xài trong ba ngày liên tục.

Sau này khi đọc sách Cô thấy có một câu chuyện có anh chàng ở Tây Phương này, anh ta rất là tin ở Chúa, và một hôm khi một cơn lũ kéo qua làng thì anh ta bị kẹt trên một đọt cây và anh ta tha thiết cầu mong Chúa hiện đến để cứu anh. Một lát sau có một con tàu đi qua, mời anh lên nhưng anh nhất định không lên vì anh đặt niềm tin vào Chúa, chỉ có Chúa đến rước anh mới đi. Thấy anh không chịu lên, con tàu bèn bỏ đi. Rồi một chiếc bè đi qua, anh chàng vẫn từ chối. Rồi một chiếc ghe đi qua, anh chàng cũng từ chối luôn. Cuối cùng anh ta chết, vì Chúa không xuống. Khi chết, về trên thiên đàng anh mới trách tại sao Chúa không cứu con. Chúa mới nói, 'Ta đã gọi ba lần, một chiếc tàu, một chiếc bè, và một chiếc ghe nhưng mà người đều từ chối hết. Chớ người muốn ta hiện ra sao?' 'Dạ, con muốn Chúa hiện ra y như hình dáng Chúa mà con thờ.' Chúa mới nói, 'Khờ



Tại Đức Viên Tịnh Uyển, Los Gatos, Bắc California, 2017.

oi là khờ. Những người nào giúp đỡ con trên đường con đi khi con cần đều là những sứ giả mà Ta đã gửi đến cho con.'

Điều đó cũng giống như tư tưởng về Quán Thế Âm Bồ Tát. Khi mình tới cái đoạn bế tắc mà có một người nào đó tới giúp, thì đó là ứng hóa thân của đức Quán Thế Âm. Cô nhớ là khoảng năm Cô hơn 30 tuổi thì Cô gặp sự kiện đó. Đến bây giờ việc đó đối với Cô giống như một phép lạ. Rồi sau đó trở về Thiên viện Cô không niệm đức Quán Âm nữa vì trong chùa tu thiền không có niệm Phật hay niệm danh hiệu đức Bồ Tát. Cho đến năm 40 tuổi, khi Cô lâm bệnh nặng và phải đi giải phẫu.

Năm đó là năm 1990, ngành y tế của Việt Nam rất là cực. Khi mình giải phẫu thì phải lo hết tất cả, phải mua từng cây kim để chích thuốc, bình nước biển, mua luôn con dao mổ, mua luôn băng, nghĩa là bệnh nhân phải tự kiếm mọi thứ. Phải có đủ thì bác sĩ mới giúp mình giải phẫu. Ngay đến thuốc vitamin K để chích cho cầm máu, bệnh nhân cũng phải mua. Cô nhớ là mua không được, cuối cùng Cô phải ăn mấy ký hẹ sống vì người ta bày ăn cái đó thì mạch máu mình sẽ dai. Khi đủ hết rồi, Cô mới mổ. Ở bệnh viện Bình Dân.

Cô nói thêm một chút là xin một cái lịch mổ rất là khó, mà người ta sắp Cô mổ vào ngày rằm tháng 6, và theo Đông y thì ngày đó là ngày Nhâm Thân, nghĩa là không được chích, lễ mổ xẻ gì trong ngày đó. Nếu nhìn theo Tây y thì ngày đó mặt trăng và mặt trời đều tác động trên trái đất mình, nếu chúng ta mổ xẻ thì máu sẽ chảy không cầm và vết thương rất khó lành. [...] Bây giờ đại phẫu mà không tìm được sinh tố K để cầm máu lại mổ ngay ngày rằm. Mổ một vết mổ dài năm tấc mà thiếu những thứ cần thiết như vậy thì rất nguy hiểm tới tính mạng. Nhưng nhà thương đã lên lịch, mình không có quyền. Người ta cho vô năm và cho lên lịch là mừng rồi. Lần đó Cô đành phải niệm đức Quán



Tại Westminster tháng Giêng, 2011. (Hình HMD)

Thế Âm Bồ Tát, xin Bồ Tát từ bi gia hộ đổi dùm ngày cho con, chứ mỗ ngày này là lành ít dữ nhiều tại vì con không mua được thuốc. Chỉ nguyện thôi, chứ không thể nào chạy chọt được hết.

Không hiểu sao sau đó thì họ đổi lại, Cô được giải phẫu ngày 19 tháng 6 là Vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Một lần nữa Cô bắt đầu thấy, à hình như có đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện diện chớ, mình không xin mà tự nhiên nhà thương người ta đổi. Thì ra có một người có thể lực vô trước Cô mà thấy Cô được sắp lịch mổ trước họ nên họ giận, bà nói tại sao bà vô trước mà lại mổ sau, cho nên nhà thương sau đó sắp lịch cho bà ta thế vào ca mổ của Cô, và Cô qua cái phần của bà là ngày 19 tháng 6, thành ra Cô rất yên tâm.

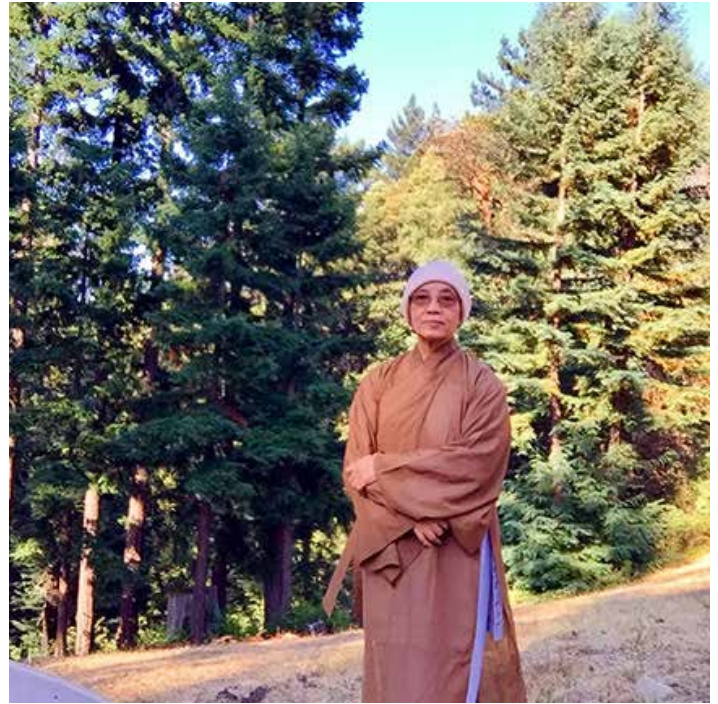
Nhưng trước khi đi giải phẫu thì cạn tiền, không có tiền. Cô đến trước Phật tụng một thời kinh Phổ Môn vì lúc đó đường cùng rồi, không biết sẽ trông cậy vào ai. Thôi thì Cô quỳ trước Phật: ‘nếu thọ mạng con hết, và năm nay thì con sẽ ra đi thì con ước mong là chư Phật gia hộ cho con được tái sinh trở lại đời đời xin tu theo hạnh Bồ Tát xuất gia, ra đâu cũng gặp thầy gặp bạn để con tiếp tục, còn nếu con còn cái duyên tu và học đạo, thì xin tu đạo và hoàng pháp ngay trong đời này.’ Nhưng mà Cô hơi tiếc. Cô than với Phật, ‘hàm răng con còn nguyên chưa nhổ cái nào hết, nghĩa là thân thể con toàn vẹn, chỉ có cái bụng là có cái bấu thôi. Điều thứ hai nữa là con đã trải qua thời gian học rất là cực, rồi con cũng đã đi giảng dạy, nhưng con chưa có thời gian tu tập. Bây giờ mà bắt con học từ mẫu giáo trở lại nữa thì con ngán quá. Có khi nào đức Quán Thế Âm Bồ Tát cho con được duy trì thọ mạng, thay vì chết qua một đời sau để rồi con phải tái sinh trở lại và phải mất 40 năm để học và hiểu những đau khổ, những trắc trở của cuộc đời này mà vẫn còn niềm tin nơi đạo Phật, xin cho con tái sinh một lần thứ hai trong cái thân 40 tuổi để con tiếp tục tu học,’ nghĩa là Cô xin duy trì thọ mạng.

Lúc đó Cô rất là hoảng hốt vì biết mình sẽ ra đi một mình, mà đạo lực chưa vững, cũng không biết đi về đâu, cho nên Cô xin phải có một cái gì cho con biết là có sự gia hộ. Cô không có tiền, mà tự ái và tự trọng không dám ngỏ lời với ai hết. Cô xin với đức Quán Thế Âm Bồ Tát: Xin ngài cho con xin một triệu đồng tự nhiên mà có, không phải do mua vé số, không phải xin ai hết; trong ba ngày nếu có thì con sẽ đi giải phẫu, còn không có thì con bằng lòng chờ chết, tại vì khi đó họ nói nếu trễ thì Cô sẽ chết, không thể trễ quá một tuần nữa.

Cô xin ba ngày. Sau khi nguyện như vậy thì buổi chiều hôm sau có hai em thiếu nữ đến thăm Cô, nói tụi con sắp đi đoàn tụ gia đình, trước khi đi con đến thăm Cô. Cô thấy các em đó lạ nên Cô mới hỏi chớ các em quen Cô ở đâu. Nó nói Cô đi giảng thì thính chúng vô số, làm sao Cô nhớ, tụi con nhớ Cô chớ Cô không nhớ tụi con đâu. Nói chuyện một chút rồi tụi nó từ giã ra đi, trước khi đi nó để lại, nó nói, ‘Con rời nơi này 30 phút Cô mới mở ra nghe.’ Lúc đó thì Cô rất là buồn, cũng không màng. Đến khi em nó đi rồi, Cô mở cái gói giấy báo nhỏ nhỏ chùng bằng trái tắc thôi, mở ra thì là ba

chỉ vàng. Và Cô nhờ người bán, thì đúng một triệu đồng. À, hóa ra là đức Quán Thế Âm nghe lời mình xin thiệt, cho nên Cô mới đi giải phẫu. Lại thêm có sự chuyển biến, được giải phẫu đúng ngày 19 tháng 6, Cô mừng quá: mình hồng chết.

Nhưng giải phẫu xong thì ra một kết quả rất buồn: ung thư ác tính, sống tối đa từ sáu tháng đến hai năm. Nhưng do đã thấy có một sự mâu nhiệm từ trước, Cô nhất định là mình hồng chết. [...]



Tại Đức Viên Tịnh Uyển

Trên đây là lược ghi phần đầu bài pháp thoại của Ni Sư Như Thủy tại chùa Đức Viên, San Jose, California, trong chuyến xuất dương hoàng pháp đầu tiên của Ni Sư. Trong phần kết, Ni Sư đã nói với thính chúng: “Hôm nay, quý sư già ở đây yêu cầu Cô lên nói về đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Cô nghĩ là những bài giảng về đức Quán Thế Âm Bồ Tát thì chắc quý vị được nghe nhiều rồi, Cô chỉ xin chia sẻ niềm tin của Cô vào đức Quán Thế Âm Bồ Tát...”

Chính niềm tin, cùng với sự linh ứng mâu nhiệm của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, sự “cảm ứng đạo giao nan tư nghi” này đã cho Ni Sư sống thêm để cứu giúp lớp người khốn khó nghèo nàn tại một vùng quê hẻo lánh miền Tây, nơi mà ban đầu Ni Sư định lui về trú ngụ với mục đích tĩnh tu chờ chết (vì sau hai lần hóa trị, Ni Sư đã bị yếu nhiều và trông thấy rất nhiều người đã bỏ mạng trong quá trình trị liệu).

Cũng từ bài pháp thoại, Ni Sư cho biết, lúc sống trong vùng đất nghèo đó, Ni Sư tuy “yếu lắm, bệnh hoạn”



Chùa Hương Tích và Sư Cô Viện Chủ Thích Nữ Minh Từ: 'Chúc mừng Tinh Tấn Magazine đã đi được bước đầu tiên trên hành trình phụng sự đạo pháp.'

Chùa Hương Tích, 4821 W 5th St, Santa Ana, CA 92703. Phone (714) 554-7837

nhưng không uống thuốc, “cũng không để ý vì thấy cái khổ của mình không thấm vào đâu so với chung quanh”; Ni Sư nguyện xin đức Quán Thế Âm giúp cho có tiền để làm việc này việc nọ và lần nào cũng toại nguyện. Qua những ân nhân ẩn danh (người giao tiền chỉ lén lút gõ cửa bảo Ni Sư ký nhận để giao) ‘y như là chị Hồng, y như là cái giêng’, Ni Sư đã dùng tiền có được để khi thì mua mùng phân phát cho dân, khi thì giúp tiền mua thuốc men, khi thì mua con bò cho mấy đứa bé mồ côi, mua tập vở cho học trò nghèo, khi thì chuộc một cô gái sắp lấy chồng Đài Loan, và công trình lớn lao nhất là dựng được một ngôi trường giữ trẻ khá khang trang tặng cho dân làng để trẻ con có một nơi an toàn không bị lọt mương chết đuối trong những năm lũ lụt.

Về căn bệnh ung thư mà bác sĩ từng tiên đoán chỉ cho phép Ni Sư sống từ sáu tháng tới hai năm vì “bướu đã thả rễ và mọi bộ phận đều có hết”, Ni Sư không hiểu sao mình lướt qua được và “sống một mạch quá đát (date) tới 15, 16 năm, nên Cô mới đi qua đây” (năm 2008).

Ngày 17 tháng 3 năm 2018, trên đường du hành



Đức Viên Tịnh Uyển

hoàng hóa cho hàng ni chúng hải ngoại, có lẽ thọ mạng đã hết, bệnh cũ của Ni Sư đột ngột bạo phát và sau một thời gian rất ngắn (khoảng hai tuần lễ), người đã viên tịch tại một ngôi chùa ở Worcester, Massachusetts, trong sự tiếc thương quy ngưỡng của biết bao Phật tử xuất gia lẫn tại gia mà nhất là nữ phái. ♦



Vài khái niệm về

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Bài THẦY PASANNO PHỔ KIÊN

Phật Tử Việt Nam không ai là không nghe đến Danh Hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Các chùa Phật Giáo Phát Triển của Việt Nam đều có thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và có dựng tượng Đức Bồ Tát trước sân chùa.

Phật Tử Việt Nam ai ai cũng Tâm Niệm rằng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ Tát hết sức Từ Bi và sẵn sàng lắng nghe tiếng kêu cứu của chúng sanh để Cứu Khổ Cứu Nạn.

Bài viết này sẽ nghiên cứu đến vài khái niệm căn bản của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát: Nguồn gốc của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Hồng Danh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Công Hạnh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, và Bồ Tát Quán Thế Âm là thân Nam hay thân Nữ.

Nguồn gốc của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Trong Kinh Bi Hoa, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni có dạy rằng:

“Về thời quá khứ lâu xa về trước, đức Quán Thế Âm là Thái Tử Bát Huyền con của Vua Vô Tránh Niệm. Thời bấy giờ có đức Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai. Hiểu được đạo lý vô thượng, Vua và Thái Tử phát tâm Bồ Đề rộng lớn, nguyện tu các hạnh Bồ Tát, mong thành Phật quả để phổ độ chúng sanh.”

Nhờ tu hành tinh tấn Vua Vô Tránh Niệm thành

Trong hơn một thập niên, Thầy Pasanno Phổ Kiên dạy lớp Phật Học Căn Bản dành cho quần chúng mỗi tối thứ Bảy cách tuần, tại Chùa Liên Hoa, 9561 Bixby Ave., Garden Grove, CA 92841.

Phật hiệu là A Di Đà, làm Giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc. Thái Tử Bát Huyền cũng thành bậc Đại Bồ Tát hiệu là Quán Thế Âm.

Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni còn nói nguồn gốc sâu xa hơn. Kinh chép rằng Đức Bồ Tát Quán Thế Âm trong vô lượng kiếp về trước đã là một vị Cổ Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Ngài muốn cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh nên thị hiện làm Bồ Tát Quán Thế Âm. Danh hiệu Quán Thế Âm là Quán xét Âm thanh kêu cứu của tất cả chúng sanh để cứu độ.

Hồng Danh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn thứ 25 giải thích nhân duyên vì sao Ngài có danh hiệu là Quán Thế Âm:

Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?”

Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thì xem xét tiếng tâm kia, đều được giải thoát.”

Danh Hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát trong kinh điển tiếng Phạn (Sanskrit) là Avalokitesvara.

Danh Hiệu này được các Tổ dịch sang tiếng Hán thành hai cách: Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc Quán Tự Tại Bồ Tát.

Ngài Cưu Ma La Thập dịch là Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài Cưu Ma La Thập có cha là người Ấn, mẹ là người Hán nên Ngài tinh thông cả tiếng Phạn và tiếng Hán. Ngài dịch danh hiệu Avalokitesvara sang tiếng Hán là Quán Thế Âm Bồ Tát.

QUÁN: Quán là dùng Tâm để quán xét, lắng nghe. Nghe bằng Tâm. Về phương diện từ nguyên khi viết bằng chữ Hán thì viết một mặt chữ với chữ QUAN 觀 nhưng khi phát âm thì có hai cách khác nhau nên nghĩa cũng khác nhau.

Hán Việt Từ Điển của cụ Thiều Chửu giải thích như sau:

Chữ 觀 được đọc bằng hai âm QUAN và QUÁN

QUAN: dùng mắt mà xem.

QUÁN: dùng tâm mà xét cho thấu đáo. Danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm hoặc Quán Tự Tại Bồ Tát là chữ Quán này.

THẾ: thế là Thế Gian.

ÂM: Âm là âm thanh tiếng kêu cứu của chúng sanh.

Ngài Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang, dịch danh hiệu Avalokitesvara là Quán Tự Tại Bồ Tát.

QUÁN: (như định nghĩa trên)

TỰ TẠI: thư thái, không có điều gì phải lo nghĩ phiền muộn, an nhiên, ung dung, không vướng mắc vào bất cứ việc gì.

Lòng Từ Bi của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm thật sự Tự Tại Vô Ngại. Ngài cứu độ tất cả chúng sanh đang bị khổ nạn mà không bị một chướng ngại nào. Vì thế nên trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Ngài Đường Huyền Trang dịch Danh Hiệu Ngài là Quán Tự Tại Bồ Tát.

“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách.”

Công hạnh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Làm sao Ngài có thể độ được khổ nạn của tất cả chúng sanh? Trước khi Ngài muốn độ ai Ngài có thể dùng Pháp “Hiện nhất thiết sắc thân tam muội” biến mình giống như người đó để độ họ. Sau khi độ xong Ngài còn nói Pháp để đưa chúng sanh đó vào Đạo.

Từ Điển Phật Quang định nghĩa “Hiện nhất thiết sắc thân tam muội” như sau:

(普 現 色 身 三 昧) Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội. Cũng gọi Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội, Phổ Hiện Tam Muội. Tam muội mà chư Phật, Bồ tát thể nhập khi cần thị hiện các sắc thân.

Tam Muội tiếng Phạn là Samadhi là một phép Thiền Định. Nhất thiết sắc thân là tất cả các sắc thân. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng phép thiền định này hiện ra các thân tướng để độ chúng sanh. Bồ Tát muốn độ ai thì hiện ra thân tướng giống như chúng sanh đó thì sẽ dễ độ họ.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn, Phật dạy rằng:

Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dạo đi trong cõi Ta bà như thế nào? Sức phương tiện đó như thế nào?”

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật được độ thoát thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Duyên giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên giác mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thanh văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh văn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Phạm vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm vương mà vì đó nói pháp. [...]

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

Đặc biệt Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có một hóa thân mà không ai có thể nghĩ đến, đó là Tiêu Diện Đại Sĩ, Phật

tử Việt Nam thường gọi là Ông Tiêu.

Thường thường ở các chùa Việt Nam ngày xưa, cửa sau có thờ hai vị Bồ Tát. Một người diện mạo phương phi hiển từ nhưng cũng rất oai phong bà con Phật tử thường gọi là Ông Thiện, đứng bên kia là một người mặt mày dữ tợn thường được gọi là Ông Ác. Thật ra hai vị đó là hai vị Bồ Tát. Ông Hộ là Ông Hộ Pháp đứng để Hộ Trì những chư Thiên và Phật tử muốn đến viếng chùa. Ông Tiêu là Tiêu Diện Đại sĩ, là một hóa thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân như vậy để trừ ma phá quỷ muốn đến phá chùa.

Nguyên tắc để được Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ

Chúng sanh thường hay khổ não vì có Bảy nạn, Tam độc và Nhị cầu (hai điều mong cầu):

Bảy nạn: 1. Nạn lửa; 2. Nạn nước; 3. Nạn quỷ La sát; 4. Nạn đao gậy; 5. Nạn quỷ Dạ Xoa; 6. Nạn gông cùm xiềng xích; 7. Nạn oán tặc.



Thầy Pasanno Phổ Kiên đang giảng pháp tại Chùa Phật Bảo, Chicago năm 2016. (Hình cung cấp)



Thầy Pasanno Phổ Kiên và các đạo hữu lớp Phật Học Căn Bản tại Chùa Liên Hoa, Garden Grove tháng Giêng 2014. (Hình HMD)

Tam độc: 1. Nạn Tham Dục. 2. Nạn Sân Hận. 3. Nạn Si Mê.

Nhị cầu: 1. Cầu con trai; 2. Cầu con gái.

Muốn được Bồ Tát Cứu Khổ không phải dùng lễ vật tới cầu nguyện mà phải XUNG DANH, tức niệm Danh Hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn có dạy rằng:

Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: “Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thì xem xét tiếng tâm kia, đều được giải thoát.”

Một lòng xưng danh tức nhất Tâm niệm danh hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhất Tâm là một lòng niệm bằng Tâm chứ không phải chỉ niệm bằng miệng: “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.”

Bồ Tát Quán Thế Âm là Nam hay Nữ?

Có một câu hỏi mà nhiều Phật tử thường hay quan tâm là Bồ Tát Quán Thế Âm là thân Nam hay thân Nữ. Thường thường ở các chùa tại Việt Nam và kể cả tại Trung Quốc đều thờ hình tượng Đức Quán Thế Âm là một người nữ đoan nghiêm dịu dàng, nhưng trong kinh điển đôi khi nói Ngài là thân Nam.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Phổ Môn trong đoạn Kinh kể lại Bồ Tát Vô Tận Ý dâng chuỗi ngọc cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm thì Bồ Tát không nhận. Đức Phật bảo: “Ông hãy nhận đi.”

Như vậy rõ ràng Bồ Tát Quán Thế Âm là thân Nam.

Thật ra xét theo Hình Tượng thì tất cả các vị Phật và Bồ Tát đều là hình tượng một người Nam. Do vậy Đức Bồ Tát Avalokitesvara là một người Nam. Khi Các Tổ mang Kinh Điển về Trung Quốc dịch ra tiếng Hán thì chỉ dịch Avalokitesvara là Đức Quán Thế Âm Bồ

Tát hoặc Quán Tự Tại Bồ Tát mà thôi không hề nói là Nam hay Nữ.

Theo Tiến sĩ Phật Học Hoàng Ngọc Dũng, tức Thầy Thích Viên Trí, thì hình ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm trở thành thân nữ vào đời Thái Hậu Võ Tắc Thiên. Ông viết trong quyển Khái Niệm Về Bồ Tát Quán Thế Âm (trang 195) như sau:

“Hơn thế nữa chúng ta có thể phát biểu một cách tự tin rằng chính cuộc cách mạng của phụ nữ đã thực sự mở đường cho việc thờ phụng và tiến trình nữ tính hóa mạnh mẽ về Bồ Tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara) trở nên rõ ràng, cụ thể và phổ cập hơn: đặc biệt vào thời điểm khi nữ Hoàng Đế Võ Tắc Thiên được đồn là hiện thân của Bồ Tát Di

Lạc thị hiện vào thế giới này, thực sự kế tục chính quyền của triều đại nhà Đường trong năm 638 sau Công Nguyên.”

Như vậy hình ảnh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là thân nữ bắt đầu tại Trung Hoa từ thời Thái Hậu Võ Tắc Thiên lên cầm quyền. Hình ảnh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là hình tượng người nữ ngự trị ở Trung Hoa từ thời đó cho đến nay. Khi các tổ Trung Hoa mang Đạo Phật sang Việt Nam thì mang luôn hình ảnh Đức Quán Thế Âm là người nữ sang Việt Nam.

Dù sao thì hình ảnh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là người nữ cũng là một biểu tượng hay của lòng Từ Bi và Cứu Độ. Hình ảnh đó như một bà mẹ hiền bảo bọc đàn con thơ dại.

Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn

Ngoài ra các chùa còn thờ Đức Quán Thế Âm “Thiên Thủ Thiên Nhãn” tức Quán Âm “Ngàn Tay Ngàn Mắt.” Đây cũng là một hình ảnh biểu tượng. Đức Quán Thế Âm có Ngàn Mắt để có thể Quán xét hết tất cả những khổ nạn của chúng sanh ở thế gian. Quán xét xong thì phải có Ngàn Tay để cứu giúp không sót một ai.

Thiên Thủ Thiên Nhãn là một Biểu Tượng thật hay để nhắc nhở Phật Tử rằng muốn cứu độ chúng sanh phải có Ngàn Mắt để thấy biết hết những khổ đau ách nạn của chúng sanh. Sau khi đã thấy rồi phải cứu độ tất cả chúng sanh. Muốn cứu độ tất cả chúng sanh phải có Ngàn Tay mới thực hiện được.

Hình ảnh này còn nhắc nhở mỗi người Phật Tử hãy học Hạnh Đại Từ Đại Bi của Đức Quán Thế Âm. Mỗi người hãy đóng góp cho Đức Quán Thế Âm một đôi mắt, một đôi tay, hay nói cách khác là mỗi người hãy là một Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để cứu độ chúng sanh đang đau khổ. ♦

Hoa gửi từ Hạ Uy Di



Bài HT THÍCH THÔNG HẢI

Sư đệ Thông Thiên thân mến!

Chiều hôm nay, trên chuyến bay Hawaiian trở về lại đảo Hạ Uy Di sau gần hai tuần lễ hoàng pháp và lo đón xuân truyền thống của năm Bính Thân tại Tu Viện An Lạc thuộc thành phố Ventura, miền Nam California, ngồi trên máy bay lấy bút giấy ra để ghi lại những kỷ niệm của những tháng năm tu học bên cạnh Thầy Tổ cùng chư Huynh Đệ nơi Tu Viện Chơn Không, trên đỉnh núi Tương Kỳ. Những kỷ niệm ấy đã nằm ngủ yên trong ký ức của Sư huynh sau gần 50 năm qua, không có thời gian và cơ hội để nhớ lại. Giờ đây, Sư đệ mong muốn Sư huynh hồi tưởng để cùng chư Huynh Đệ của mình góp nhặt cát đá cho vào tập Kỷ Yếu kỷ niệm 50 năm thành lập Thiền Viện Chơn Không, Vũng Tàu. Thật là một việc làm không dễ dàng cho Sư huynh! Và lại, Sư huynh cũng chẳng phải là một nhà văn nghiệp dư hay một học giả luôn mài kính chuốt sử như Sư đệ.

Sư đệ ơi! Có một điều quan trọng là trong suốt gần 40 năm qua Sư huynh sống lưu lạc nơi xứ người, nhưng tình quê hương, dân tộc, tình cha mẹ, quyến thuộc, Thầy Tổ, Huynh Đệ... trong bốn ân lớn mà Thầy mình hay răn nhắc mấy Huynh Đệ mình khi còn ở bên cạnh Thầy, mãi cho đến bây giờ Sư huynh vẫn còn ghi nhớ trong lòng. Do vậy, cứ mỗi độ xuân về thì Sư huynh lại nhớ đến Thầy Tổ, Huynh Đệ, nhớ đến đêm Trừ Tịch cuối năm, lòng Sư huynh bỗng dưng se thắt lại, rồi chợt nhớ

đến những vần thơ Xuân Ly Hương tuyệt tác của Thi sĩ Huyền Không. Sư huynh cũng xin được gửi về người Sư đệ mến thương nơi quê nhà, khi hương Xuân vẫn còn nơi Thiền Viện Chơn Không II, trên non Tao Phùng nơi tiểu bang Hawaii.

*Xuân đã về chưa ở xứ người
Buồn vui lẫn lộn xót xa ôi!
Thương xuân tuyết trắng trên đầu núi
Nhớ nước làm sao nở nụ cười.*

*Xuân đã về chưa giữa phố phường
Mai vàng từng cánh nhớ quê hương
Đạo tình dân tộc keo sơn quá!
Đâu biển không còn chí hướng dương*

*Xuân đã về chưa hay dặn lòng
Giao thừa gọi nhớ kiếp lưu vong
Dang tay đón nhận tình dân tộc
Thâm nhập trong người nỗi nhớ mong*

*Xuân đã về chưa sưởi ấm lòng
Soi gương thấy mặt nhớ mình không
Ai mang tất cả hồn xưa cũ
Áp ủ trong người nợ núi sông.*

Sư đệ thấy không, cho dù Sư huynh có xa quê hương, xa Thầy Tổ, xa Huynh Đệ nghìn trùng, nhưng tình này vẫn không bao giờ xa trong lòng của người viễn xứ, như nhà thơ Huyền Không đã nói lên tâm trạng của mình khi Xuân về trên đất khách. Nhắc đến đây Sư huynh hồi tưởng lại trong thời gian ở bên cạnh Thầy mình với sự bảo bọc, giáo dưỡng của Thầy như người Mẹ lo lắng cho đàn con vẫn còn non dại, đây phải nói là thời gian mà Sư huynh hạnh phúc nhất và an lạc giải thoát nhất trong suốt cuộc đời tu hành của mình, kể từ khi thể phát bửu sư cho đến bây giờ đó Sư đệ. Bởi vì thời gian đó Thầy mình chưa có nhiều đệ tử theo Thầy tu học, cho nên thời gian Thầy dành cho mình nhiều hơn

Hòa Thượng Thích Thông Hải sinh năm 1951 tại Bến Tre, tốt nghiệp Cử Nhân Tôn Giáo và Cử Nhân Acupuncture tại Hawaii. Thầy đã thành lập viện dưỡng lão Paradise Nursing Home tại Honolulu, là Viện Trưởng của một số chùa kể cả Thiền Viện Chơn Không ở Honolulu; Hawaii, Tu Viện An Lạc ở Ventura, California; Thiền Viện Chơn Không ở Chatsworth, California. Hòa Thượng đã dịch thuật nhiều tác phẩm như Thiền và Sức Thể Nghiệm Tâm Linh, Học Thuật và Tư Tưởng Thiền, Truyện Cổ Tích Chàng Vô Não Angulimala.

trong sự dạy dỗ. Những bài ca Chứng Đạo của Huyền Giác, thi kệ Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán, Qui Sơn Cảnh Sách của Tổ Sư Linh Hựu và một số các bài thi kệ của các bậc Tổ Sư, Thầy mình đều bắt học thuộc lòng và khuyến khích sau này mấy Chú lớn lên khi ra hoàng pháp lợi sanh, trong những buổi Pháp thoại cần dùng đến. Những điều này chắc Sư đệ vẫn còn nhớ chứ?

Sư huynh vẫn còn nhớ, cứ mỗi buổi chiều tà, ánh nắng nhạt dần trên đỉnh Tương Kỳ, Sư huynh đứng bên cạnh hâu Thầy lúc Thầy dùng bữa buổi chiều, lúc Thầy mình ngồi xếp bằng trên tảng đá Bạch Hồ, trong tư thế hoa sen. Những giây phút đó, Sư huynh rất lấy làm hạnh phúc và cảm thấy mình rất là có phước và hãnh diện mình được gần hâu cận Thầy, như Thầy A Nan đứng hâu Phật vậy. Trong khi biết bao nhiêu người cũng muốn được như mình nhưng nào có được đâu. Đặc biệt nhất là lúc hâu Thầy dùng bữa trưa, Thầy mình dùng đâu có hết thức ăn. Thế thì, thị giả tha hồ mà hưởng sái của Sư Phụ.

Sư huynh còn nhớ, có một lần đến mùa sầu riêng, có nhiều Sư Bà, quý Sư Cô và Phật tử mang rất nhiều quả sầu riêng chín thơm, Thầy mình chỉ dùng có hai múi, còn bao nhiêu múi sầu riêng còn lại Sư huynh bưng ra phía sau thiền thất của Thầy mà độ cho tận. Thế là, sáng hôm sau Chú Thị giả mắt đỏ đầy ghèn và không mở mắt dậy nổi, bỏ thời thiền sáng sớm mai và bỏ luôn giờ hâu Thầy điểm tâm sáng. Chú Thị giả hôm ấy bê bối, bị Thầy quở cho một trận thất kính cái tội tham ăn sầu riêng một mình mà không chia cho Huynh Đệ. Từ đó, sau khi thỉnh nguyện và sám hối với Thầy và đại chúng, Sư huynh hứa với lòng mình là không bao giờ Con tạo lỗi lầm này nữa.

Sư đệ, những kinh nghiệm tâm linh mà Thầy mình đã thể nghiệm nhiều năm trong ngôi Pháp Lạc Thất, Thầy đã truyền đạt lại cho Huynh Đệ mình trong những buổi học Phật Pháp nơi Thiền Đường hoặc trong những lúc Huynh Đệ mình quây quần bên cạnh Thầy. Những lời răn dạy cùng với sự sách tấn của Thầy, cộng thêm sự huân tu với đại chúng trong Tu Viện, giờ đây nó đã trở thành những chất liệu và vốn liếng cho cuộc đời hoàng pháp lợi sinh của Sư huynh nơi quê hương thứ hai này.

Phải nói rằng, ngày hôm nay mà Sư huynh thành

tựu được sự nghiệp hoàng pháp nơi xứ người là nhờ vào công ơn giáo dưỡng của Thầy Tổ trong nhiều năm qua nơi Thiền Viện Chơn Không, Vũng Tàu. Công ơn của bậc Ân Sư to lớn như thế thì hỏi làm sao Sư huynh quên cho được. Vì nó đã trở thành những tế bào trong cơ thể Sư huynh rồi.

Những tế bào này, là những chủng tử tiếp tục trong tàng thức của Sư huynh cho đến khi nào viên thành đạo quả. Thật đúng với câu:

*“Ân giáo dưỡng một đời nên huệ mạng,
Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền.”*



Lắm lúc Sư huynh thâm nghĩ trong lòng sao lúc đó mình có phước quá, được gần gũi hâu Thầy, được học hỏi trực tiếp từ Thầy như Thầy A Nan được hâu Phật thuở xưa. Sư huynh nhớ có một lần đứng hâu Thầy, nhìn thấy vẻ mặt oai nghiêm của vị Thầy mình, Sư huynh cũng sợ sợ, mặc dù hằng ngày Sư huynh lúc nào cũng gặp mặt Thầy. Nhưng sự oai nghiêm đó làm cho Sư huynh không dám thưa hỏi nhiều, chỉ biết âm thầm lặng lẽ làm bổn phận của một Chú Thị giả hâu Thầy mà thôi.

Có lần Sư huynh bạo dạn thưa, “Bạch Thầy, Con ở đây hâu Thầy nhiều năm, nhưng Con không bao giờ nhìn thấy Thầy nói chuyện vui cười với Con như những lúc Thầy vui cười tiếp xúc vui vẻ với các Phật tử từ các nơi về thăm viếng Tu Viện?”

Thầy nghiêm nghị trả lời rằng, “Nếu tôi vui cười với Chú nhiều quá, Chú sẽ xem thường tôi và rồi tôi sẽ khó dạy dỗ Chú sau này.”

Những câu trả lời ngắn gọn, nhưng nó ẩn tàng chứa đựng một sự khéo léo dạy dỗ nghiêm túc của bậc Thầy đầy trí tuệ muốn cho người học trò của mình trở nên

người hữu dụng sau này.

Mặc dù sự nghiêm túc kia làm cho Sư huynh sợ sệt không dám mở miệng hỏi, nhưng vì Sư huynh muốn hiểu biết thêm Phật Pháp và kinh nghiệm từ bậc Thầy khả kính của mình, nên cũng có lúc phải làm gan mà thưa hỏi.

Có lần Sư huynh hỏi Thầy, “Bạch Thầy, những áng mây bay qua trên nền trời xuyên thấu qua đỉnh núi Tương Kỳ, vậy những áng mây này từ đâu đến và sẽ bay đi đâu?”



Đêm Phật Đản tại chợ Vũng Tàu năm 1973.

Thầy bảo, “Chú đến hỏi trụ cột Thiên Thất của tôi đi!”

Câu trả lời của Thầy mình, lúc ấy như những tiếng rống của Sư Tử Chúa làm cho Sư Tử con phải khiếp sợ. Vì lúc bấy giờ Sư huynh cũng còn quá trẻ nhỏ chưa thấu rõ lý thiền. Nhưng phải nói đây là xảo thuật của các thiền gia nhằm khai thị cho người đệ tử, nếu ngộ thì ngay đó liền nhận, nếu không thì bị Lão Sư lừa. Cách khai thị của Thầy mình làm cho Sư huynh ôm ấp nhiều năm tháng khi sống bên Thầy. Trong suốt thời gian làm Thị giá cho Thầy, Sư huynh cũng có nhiều lần thưa hỏi những thắc mắc có liên quan đến sự hành trì công phu tu tập của mình. Tuy nhiên, có rất nhiều câu trả lời của Thầy không làm cho Sư huynh thỏa mãn được sự hiểu biết của mình. Sau nhiều năm tu học và thiền quán, Sư huynh mới nhận thức ra rằng tất cả câu hỏi của mình vẫn còn nằm trong vòng của ý thức khái niệm và phân biệt. Chính vì thế, với tấm lòng lão bà, Thầy mình đã ôm lấy Sư huynh và quăng ném người đệ tử của mình ra khỏi thế giới khái niệm, phân biệt này.

Trong những giờ phút ngồi trên chiếc bồ đoàn thiền tọa mỗi ngày, Sư huynh càng thấy rõ hơn và cũng nhờ thế mà Sư huynh có được nguồn năng lượng nội tại để vượt qua những khó khăn thử thách trong đời sống hiện tại, nơi một xã hội vật chất đầy xa hoa cám dỗ này. Thời gian trôi qua như bóng câu qua khe cửa, nhìn lại đã 37 năm trôi qua, Sư huynh sống lưu lạc nơi xứ người giống như một giấc mơ. Thật đúng như trong bài thơ MỘNG mà Thầy mình đã khai thị cho các môn đồ:

*“Đạo cảnh mộng
ghi lời mộng
nhấn khách mộng
mộng tan rồi
cười vỡ mộng.”*

Đây là bài thơ mà Sư huynh tâm đắc nhất đó, Sư đệ.

Sự khai thị mà Ân Sư từ bi chỉ giáo đã khai mở ra cho Sư huynh một Chân Trời Thiền mà trong Kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn đã dùng thí dụ “Phá Vi Trần Xuất Kinh Quyển”. Câu chuyện quyển kinh này chắc Sư đệ vẫn còn nhớ, Thầy mình dẫn chứng trong văn kinh đức Phật lấy một thí dụ nói rằng: Có một quyển kinh lượng đồng tam thiên đại thiên thế giới và trong quyển kinh có ghi chép hết tất cả về vũ trụ mặt trời, mặt trăng, các vì sao và con người... và quyển kinh này được vò gọn



Hòa Thượng Ân Sư đến tiểu bang Hawaii chứng minh lễ kỷ niệm thành lập Thiền Viện Chân Không 2 tại Honolulu.

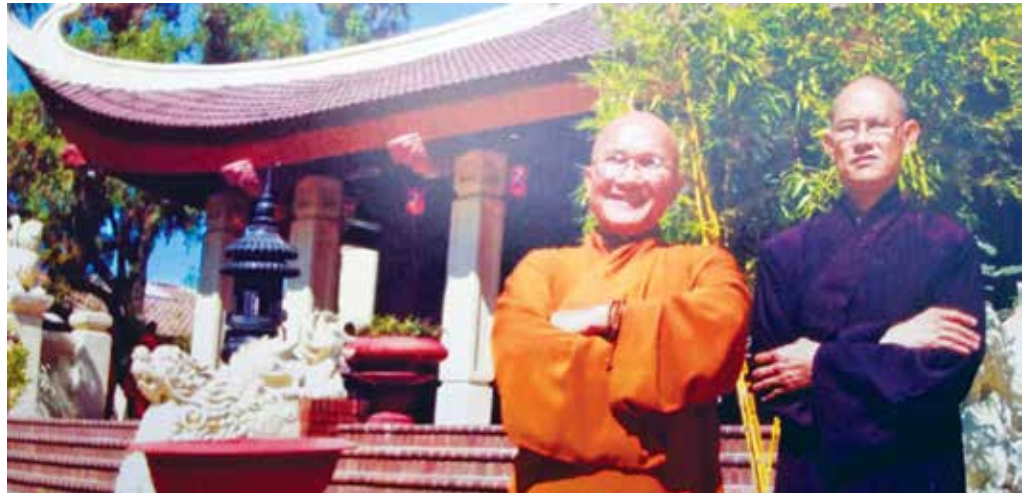


Hòa Thượng Ân Sư và Thầy Thông Hải tại Thiền Viện Chân Không 2 tại Honolulu.

lại nhét vào một hạt bụi nhỏ. Có người thức giả chỉ cho chúng ta đập vỡ hạt bụi nhỏ để thấy được quyển kinh này. Đức Phật hợp PHÁP lại, chỉ cho chúng ta thấy rằng quyển kinh ấy để dụ cho chơn tâm thường trụ của mỗi người chúng ta, hay còn gọi là Bản Lai Diện Mục. Còn hạt bụi là dụ cho cái thân tứ đại giả hợp này, còn người thức giả kia là chỉ cho đức Phật.

Sư đệ ơi! Nói đến đây chúng ta mới thấy rằng tại vì sao mà Tôn Giả A Nan trong lời tựa của Kinh Lăng Nghiêm, Ngài đã phát nguyện rộng lớn trước đức Thế Tôn rằng: Nếu còn có một chúng sanh nào chưa thành Phật thì Ngài nguyện sẽ không nhập Niết Bàn (... như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê hoàn...). Vì thế, chư Huynh Đệ của chúng ta đối với bậc Ân Sư đã mang nặng công ơn giáo dưỡng của Thầy Tổ rất nhiều, công ơn này chúng ta khó có thể đáp đền, bởi vì nếu không có Sư trưởng thì ai là người phá mê,

khai ngộ cho mình, phải không Sư đệ? Vì vậy, cho dù Sư huynh sống cách xa Thầy Tổ và chư Huynh Đệ nghìn trùng xa cách bên này đại dương nơi hải đảo, tuy cách xa nhưng lòng thương kính và tri ân vẫn không xa. Mặc dù hiện giờ Thầy tuổi già sức yếu, rồi cũng phải thuận thế vô thường như thuở xưa đức Thế Tôn cũng phải thị hiện Niết Bàn, Đạt Ma Tổ Sư rồi cũng phải chích lý Tây qui. Nhưng, những gì mình đã tiếp nhận từ bậc Ân Sư như một hành trang của người lữ khách độc hành, độc bộ, đang tìm về cố hương.



Thầy Thông Hải và Thông Thiền trước chánh điện Chùa Đức Viên, San Jose.



Sư đệ có biết không? Có nhiều đêm Sư huynh ngồi tĩnh tọa, trong tiềm thức nổi lên những kỷ niệm về những năm tháng Huynh Đệ mình sống bên cạnh Thầy tu học, thật an lạc và hạnh phúc vô cùng! Cho dù những kỷ niệm của quá khứ nó cũng là vọng, nhưng mình biết nó là vọng thì cái vọng đó cũng thành chơn. Vì ngoài vọng không có chơn, ngoài chơn không


có vọng. Cũng như ngoài sóng không có nước, ngoài nước không có sóng. Đây là một triết lý cao siêu mâu nhiệm mà Tổ Sư Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói trong bài Ca Chứng Đạo:

*“Chẳng cầu vọng tưởng, chẳng cầu chơn
Thật tánh của vô minh, chính là Phật Tánh
Không thân huyền hóa tức Pháp Thân...”*

Cái triết lý Thiền này Sư huynh đã được Thầy mình chỉ dạy khi còn là đệ tử của Thầy.



Sư đệ ơi! Sư huynh muốn nói rất nhiều về Thầy Tổ và chư Huynh Đệ của mình nhân dịp góp nhặt vào tập Kỷ Yếu 50 năm thành lập Thiền Viện Chơn Không, Vũng Tàu. Mà cho dù có viết bao nhiêu chẳng nữa cũng không nói hết được lòng tri ân của Sư huynh dành cho Ân Sư, vì tất cả sự nghiệp hoàng pháp Sư huynh có được ngày hôm nay cũng bắt nguồn từ công ơn giáo dưỡng của Thầy Tổ mà Sư huynh không bao giờ quên được. ♦



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
 BAN TỔ CHỨC
THIỀN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII
 1105 HIND IKA DRIVE, HONOLULU, HI 96821
 ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongv2@gmail.com

PHIẾU GHI DANH
CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ
LẦN THỨ 8 VÀ DU LỊCH TÂM LINH
TỪ NGÀY 11-09-2018 ĐẾN NGÀY 17-09-2018

HO VÀ TÊN: _____ PHÁP DANH: _____

SỐ ĐIỆN THOẠI: _____ TUỔI: NAM NỮ

ĐỊA CHỈ: _____

HẸNG BAY: _____ CHUYẾN BAY: _____

NGÀY ĐẾN: _____ GIỜ ĐẾN: _____

NGÀY VỀ: _____ GIỜ VỀ: _____

SỐ TIỀN ĐỒNG BẢNG: CASH CHECK **TỔNG CỘNG SỐ TIỀN:** _____

PHÒNG NGỦ CHO: 1 NGƯỜI 2 NGƯỜI 3 NGƯỜI 4 NGƯỜI

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC BIỆT: _____

HỌ TÊN VÀ ĐIỆN THOẠI CỦA THÂN NHÂN KHI CẦN LIÊN LẠC: _____

Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 1,605.00 USD. (Phòng ngủ cho 1 người)
 Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 988.00 USD. (Phòng ngủ cho 2 người)
 Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 896.00 USD. (Phòng ngủ cho 3 người)
 Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 851.00 USD. (Phòng ngủ cho 4 người)

Ngân phiếu xin gửi THIỀN VIỆN CHÂN KHÔNG
 Memo: Khóa Tu Học Bắc Mỹ Lần 8.
 Và gửi về: Thiền Viện Chân Không
 1105 Hind Ika Dr.
 Honolulu, HI 96821

* Mọi chi tiết xin liên lạc: (808) 222-0909 hoặc (808) 479-3939 hoặc (808) 304-6259 hoặc (808) 258-6289.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
BAN TỔ CHỨC
THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII
1105 Hind Iuka Drive, Honolulu, HI 96821
ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com



THÔNG BẠCH (CUỐI CÙNG)

CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8-2018 & DU LỊCH TÂM LINH

TỪ NGÀY THỨ BA 11/09/2018 ĐẾN NGÀY THỨ HAI 17/09/2018

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8, do Thiện Viện Chân Không Hawaii đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:

Để việc sắp xếp được chu đáo hơn, quý Phật tử cũng như bất cứ quý đồng hương nào có nhã ý muốn tham dự, xin vui lòng ghi danh với ban tổ chức trước ngày 05/08/2018.

Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 1,605.00 USD. (Phòng ngủ cho 1 người)
Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 988.00 USD. (Phòng ngủ cho 2 người)
Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 896.00 USD. (Phòng ngủ cho 3 người)
Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 851.00 USD. (Phòng ngủ cho 4 người)

Chi phí cho 7 ngày 6 đêm bao gồm xe đưa rước phi trường, phòng ngủ, ba bữa ăn mỗi ngày, đưa đi tham quan chùa và thắng cảnh (Xem show trả riêng)

* Bất cứ vì lý do gì nếu quý vị hủy bỏ chuyến đi khóa tu học sau 20/8/2018 quý vị sẽ bị phạt 60%

** Những học viên không ở hotel mà chỉ tham dự 3 ngày tu học thì lệ phí sẽ là \$300 (chi phí thuê phòng học)

*** Chư Tăng Ni phụ giúp \$500 USD lệ phí phòng ngủ

CHƯƠNG TRÌNH TU HỌC VÀ DU LỊCH TÂM LINH ĐƯỢC TÓM LƯỢC NHƯ SAU:

Thứ ba, 11/09/2018 >> 03:00 PM: Check-in khách sạn
07:00 PM: Họp thông qua chương trình và thời khóa tu học

Thứ tư, 12/09/2018 đến thứ sáu, 14/09/2018 >>

Điểm tâm tại phòng ăn Ala Moana Hotel
Lễ khai mạc khóa tu học Phật Pháp tại Ball Room (Ala Moana Hotel)

Thứ sáu, 14/09/2018 >> Xem Polynesian Magic Show (Waikiki) hoặc dạo phố đêm

Thứ bảy, 15/09/2018 >> Hành hương và tham quan thắng cảnh thành phố Honolulu

Đi xem Show Polynesian Cultural Center hoặc đi thăm viếng Pearl Harbor

Chủ nhật, 16/09/2018 >> Cầu nguyện nơi cây bồ đề được trồng trên 100 năm tại Poster Botanical Garden

Thăm viếng Pali Look-out

Tham dự lễ khất thực Cổ Phật tại Ala Moana Park

Lễ bế mạc khóa tu học tại Ball Room (Ala Moana Hotel)

Dùng cơm chiều tại Ala Moana Park

06.00 PM: Tham dự Đại Nhạc Hội Gây Quỹ với chủ đề:

Đạo CA - NHỮNG DÒNG CHẢY TÂM LINH tại Ball Room (Ala Moana Hotel)

Thứ hai, 17/09/2018 >> Check-out & ăn sáng tại Makai Food Court (Ala Moana Shopping Center)

Xe bus đưa ra phi trường Honolulu International Airport

Ngân phiếu xin đề THIÊN VIỆN CHÂN KHÔNG - Memo: Khóa Tu Học Bắc Mỹ Lần 8.

Và gửi về: Thiện Viện Chân Không - 1105 Hind Iuka Dr. - Honolulu, HI 96821

Mọi CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC: (808) 222-0909 hoặc (805) 479-3939 hoặc (805) 304-6259 hoặc (808) 258-6289

TM. BAN TỔ CHỨC, TRƯỞNG BAN: Tỳ Kheo THÍCH THÔNG HẢI

T. Thonghai





Pháp Tu Mạn Đà La Đàn Tràng Đại Bi Quán Âm

Bài THÂN XUYỀN

Hàng năm, Hội Từ Bi Phụng Sự tổ chức **Pháp Hội Di Đà** nhằm đem đến cho cộng đồng người Việt có nơi tụ hội, tu tập và có những giây phút an lạc, hướng đến tha nhân. Năm nay, Pháp Hội Di Đà sẽ được tổ chức vào các ngày 7, 8 và 9 tháng 9 năm 2018 tại Anaheim Convention Center. Chương trình đặc biệt đánh dấu **kỷ niệm 10 năm Pháp Hội Di Đà**, gồm có các chủ đề: an bình trong tâm, an lạc cho gia đình và cộng đồng, an vui đến muôn loài.

Cốt lõi của Pháp Hội Di Đà 2018 là **Đàn Tràng Mạn Đà La Đại Bi Quán Âm**. Câu hỏi thường được đặt ra là Mạn Đà La là gì và có màu sắc mê tín không?

Thông thường, khi nhắc đến ba chữ Mạn Đà La, chúng ta thường hay nghĩ đến Mạn Đà La làm bằng cát có nhiều màu sắc do các vị Lạt Ma Phật Giáo Tây Tạng thiết kế với sự chuyên chú cực điểm. Do vậy, khi nghe đến Pháp Hội Di Đà và Mạn Đà La thì có nhiều người cho rằng đây là một hình thức của Phật giáo Tây Tạng, hay nghĩ rằng đây là ngoại đạo vì Đức Phật chưa từng giảng thuyết về Mạn Đà La.

Thật ra, đàn tràng Mạn Đà La Đại Bi Quán Âm do Thầy Hằng Trường, một tăng sĩ Việt Nam cư ngụ tại vùng Nam California kiến tạo dựa trên nền tảng triết lý

Kinh Bát Nhã và Kinh Hoa Nghiêm. Hội Từ Bi Phụng Sự đã thực hiện pháp tu Mạn Đà La trong Pháp Hội Di Đà từ năm 2010 tới nay.

Đàn tràng là chỗ để tác pháp, cầu nguyện, tu hành, cung phụng, thiền định. Nói rộng hơn, đàn tràng chính là chỗ chư Phật chư Bồ Tát tụ hội, để chúng sinh tu tập. Đàn tràng Mạn Đà La Đại Bi Quán Âm là một phương thức tu hành tập thể. Trong Đàn tràng này đức Quán Thế Âm Bồ Tát (còn có tên là Quán Tự Tại Bồ Tát) sẽ ở giữa Mạn Đà La làm vị Pháp chủ để chúng ta thấy rằng trung tâm quan trọng nhất trong con người chúng ta là lòng Đại từ, Đại bi. Hào quang từ trong tượng Quán Thế Âm Bồ Tát tỏa chiếu ra sẽ làm cho chúng ta cảm thấy rằng tuy mình ở trong bóng tối nhưng tâm Đại từ, Đại bi của mình luôn luôn tỏa sáng. Tâm Đại từ, Đại bi cũng là Đại trí, Đại lực, cũng là tâm thức giải thoát hoàn toàn, và cũng là trí huệ Bát Nhã chiếu soi.

Đàn tràng Đại Bi Quán Âm đem trí huệ Bát Nhã tóm thu lại trong hình vẽ ba chiều. Mô hình Mạn Đà La gồm năm hình vuông với năm màu sắc khác nhau tượng trưng cho ngũ uẩn, ở giữa là vòng tròn Giải Thoát trong đó có hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát biểu hiện cho Chân Tâm hay Phật tánh lúc nào cũng sẵn có trong

ta. Vòng tròn lớn bên ngoài tượng trưng cho Phật tánh ở khắp tất cả mọi nơi hay còn gọi là Vòng Pháp Giới.

Trong khi hành lễ, chúng ta sẽ tắt đèn ở trong Mạn Đà La, chỉ để có tượng Quán Âm Bồ Tát tỏa sáng, tượng trưng cho **chân không tức chân tâm lúc nào cũng tỏa sáng, và bóng tối tạo ra bằng ngũ ấm thì tối đen**. Khi nhìn xuyên qua bóng tối, và thấy được tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, tức là chúng ta **nhìn xuyên qua ngũ ấm** và thấy được bản tánh **chân tâm tỏa sáng**. Nói lên biểu tượng “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”.



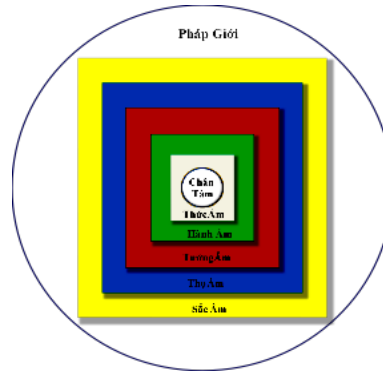
Mục đích của Mạn Đà La Đại Bi Quán Âm là giúp chúng ta nhìn xuyên qua Ngũ Uẩn, nhận tri và phát khởi quang minh bất sinh bất diệt có sẵn trong ta. Theo Tâm Kinh Bát Nhã, thì “chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Qua câu trên, chúng ta hiểu nôm na rằng khi mình nhìn xuyên suốt qua năm hợp thể tạo ra con người thì mình không còn bị kẹt nữa. Do đó, mình được giải thoát, tự do tự tại. Năm hợp thể đó là: thân thể (Sắc), cảm xúc (Thọ), suy nghĩ (Tưởng), thói quen (Hành) và tâm thức (Thức). Chữ hợp thể ở đây dịch từ chữ Uẩn mà ra. Còn chữ Ngũ Ấm có nghĩa là năm lớp màn đen che đậy không cho ánh sáng chân tâm lan tỏa ra. Chân tâm bên trong bị bao bọc bởi năm lớp màn đen: sắc, thọ, tưởng, hành và thức nên mình cứ bị kẹt trong chuyện ăn, uống, ngủ, nghỉ, tham, ái, vui,

buồn, thương, giận, v.v. không thể nào ra khỏi.

Khi chúng ta nhìn và hiểu Mạn Đà La chính là phạm thân của chúng ta do năm hợp thể tạo ra thì ta không còn nghi hoặc và cho là triết lý trừu tượng nữa. Chân tâm thì lúc nào ta cũng có sẵn, nhưng nó lại không có hình dạng và tướng mạo chi cả. Tuy nhiên chân tâm có bốn đặc tính chính là sự khai mở, tình thương, sự chuyên chú và tâm không chướng ngại.

Chúng ta có thể hiểu **bốn đặc tính của ánh sáng chân tâm** khi nó thể hiện trên thân ta qua bốn chữ **Đễ**:

Đễ thờ tức là chính mình **cởi mở** và làm người chung quanh **đễ thờ**. **Đễ thương** tức là tâm tánh **hiền từ** và **quan hoài giúp đỡ** những người chung quanh. **Đễ thông** nghĩa là khi ta thấu suốt mọi vấn đề do sự **tập trung chuyên nhất** tạo ra. **Đễ dàng** hay **đễ chịu** nghĩa là **tâm không bị chướng ngại** vì bất cứ lý do hay hoàn cảnh nào. Thân



ta chính là Mạn Đà La có năm lớp vỏ che đậy không cho bốn đặc tính “Đễ” biểu lộ một cách tự nhiên. Khi tu Mạn Đà La tức là chúng ta dùng biểu tượng của Mạn Đà La: nhìn xuyên qua năm lớp màn che, nhận tri ra bốn đặc tính sẵn có và áp dụng các đặc tính ấy vào năm phạm trù thân thể, cảm tình, suy nghĩ, thói quen và tâm thức.

Nói như vậy, hy vọng quý độc giả đã thấy được **lợi ích khi đi dự Pháp Hội Di Đà và tu Mạn Đà La Đại Bi Quán Âm**. Ánh sáng chân tâm không còn huyền bí nữa mà là những đặc tính cụ thể trong cuộc sống mà ta nên nhẹ nhàng khơi dậy, tùy thời tùy chốn. Khi vào Đàn tràng Đại Bi Quán Âm, ta hướng vào vòng tròn giải thoát bên trong để nhắc nhở mình luôn hướng về nội tâm, nhận tri ánh sáng sẵn có của mình chứ không tìm lỗi người hay nhìn điểm xấu chung quanh. Sức mạnh cộng hưởng của hàng ngàn người cùng trì tụng trong Mạn Đà La giúp ta **đễ dàng tập trung tâm ý**, thư giãn thể xác và nhắc nhở tâm linh.

Ngoài ra, ý nghĩa và ứng dụng của Mạn Đà La không chỉ cô đọng qua triết lý Tâm Kinh Bát Nhã như đã trình bày ở trên mà còn thể hiện triết lý Kinh Hoa Nghiêm qua bốn khía cạnh của chữ Pháp giới. Đó là Sự Pháp Giới, Lý Pháp Giới, Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới và Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới. Trong phạm vi giới hạn của bài viết này, chúng con không thể nào nói lên được hết các ứng dụng thực tiễn của Mạn Đà La. Kính ngưỡng mong và cung thỉnh Chư Tôn Thiên Đức cùng quý độc giả xa gần đến tham dự Pháp Hội Di Đà vào ngày 7, 8 và 9 tháng 9 năm nay để tự mình suy nghiệm và hiểu rõ ràng hơn về pháp tu Mạn Đà La này.



Hình chư vị xuất gia làm lễ thanh tịnh đàn tràng Mạn Đà La

Vài cảm tưởng của khách tham dự Pháp Hội Di Đà:

... Cảm xúc mạnh mẽ và sâu đậm nhất trong buổi lễ Mạn Đà La có lẽ là lúc đọc tụng chú Vãng Sanh... Càng chuyên chú, tâm thức càng lắng đọng, lời chú bây giờ vang ra từ miệng của hơn một ngàn bốn trăm người tạo thành ngôn ngữ siêu phàm. Sự thành tâm và chuyên chú của đại chúng tạo thành một từ trường mạnh mẽ kết hợp, chuyển đổi năng lượng cá thể thành năng lượng tập thể. Cảm giác mình là phàm tục giờ đây như thể được nối kết với sự cao cả, thánh thiện. Cảm tưởng mình bé nhỏ như một giọt nước biển lúc ban đầu, giờ đây là một phần của biển cả tình thương và trí huệ của chư Phật, Bồ Tát khắp mười phương. Có thể nói rằng Mạn Đà La

tạo ra năng lượng nhiệm mầu nối kết mọi người trong đàn tràng với nhau trong một khoảng không gian huyền diệu, làm cho mọi tâm thức của đại chúng giao kết lại với nhau tạo thành một mạng lưới tâm thức của sự tự tại, vô ngại và giải thoát.

... Chuyển đi dự Pháp Hội Di Đà năm nay góp phần cải thiện con người phàm tục của chúng tôi, đem đến sự đổi mới trong tâm linh, đồng thời cho chúng tôi sự hiểu biết thực tiễn, sâu sắc hơn trên phương diện tu tập trong cuộc sống hiện tại, và dẫn đến một viễn kiến toàn diện, mới mẻ hơn về Phật giáo của kỷ nguyên mới.

(www.phaphoidida.com) ♦

Mời hỗ trợ Đề Án Zangpo của Viet Nalanda

Đề Án Zangpo có ước nguyện bảo trợ cho chư tăng ni, cư sĩ hành giả người Việt qua Ấn Độ và Nepal để học Tạng ngữ và Phật Pháp căn bản tại các trung tâm, học viện theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng. Đề án này đã được Đức Đạt Lai Lạt Ma từ bi gia hộ.

Một trong những ước nguyện của Viet Nalanda Foundation là xây đắp một giềng mối tốt lành để những pháp tu cao quý của Phật Giáo Tây Tạng được có dịp phát triển trên đất nước Việt Nam cũng như trong cộng đồng Phật Giáo người Việt tại hải ngoại.

Mong quý đạo hữu phát tâm hỗ trợ để Zangpo Project được viên mãn.



Viet Nalanda Foundation
Tibetan-Buddhism for Vietnamese Vajrayana Buddhists

Liên lạc

Project Zangpo

8201 Westminster Blvd., Suite 200

Westminster, CA 92683

projectzangpo@hotmail.com hoặc (713) 382-6874

Website: VIETNALANDA.ORG



Chùa Thanh Thủy Tự (Kiyomizu-dera) ở núi Âm Vũ Sơn, Kyoto.

NHẬT BẢN và tín ngưỡng Quan Âm

Bài và hình **NGUYỄN GIÁC PHAN TẤN HẢI**

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, còn gọi là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, có khi còn gọi là Đức Phật Quan Âm, được Phật tử nhiều quốc gia Châu Á thờ phượng vì hạnh nguyện hóa hiện nhiều thân tướng để cứu độ chúng sanh. Riêng đối với Nhật Bản, nơi nhiều tông phái Tịnh Độ thịnh hành, hình tượng Đức Quan Âm hiện diện trong rất nhiều chùa, trong các tuyến hành hương, và trong văn học. Bạn chỉ cần đi vào bất kỳ ngôi chùa nào tại Nhật Bản, nhiều phần là bạn sẽ gặp tượng Đức Quan Âm, hoặc là nghìn tay nghìn mắt gọi là Senju Kannon (Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan

Cư sĩ Nguyễn Giác, tức nhà văn Phan Tấn Hải, sinh năm 1952, hiện định cư tại California. Ông cộng tác với nhiều báo như Tập San Nghiên Cứu Triết Học (Đại Học Văn Khoa, Sài Gòn), Tự Thức, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp Chí Thơ, Việt Báo, Giao Điểm, Giác Ngộ và nhiều báo khác.

Âm), hoặc là một hóa thân của ngài là tượng Đức Chuẩn Đề 18 tay, nhưng thường gặp nhất là tượng Quan Âm Nam Hải trong bộ áo trắng.

Chúng ta có thể đọc trong thơ của Basho (1644-1694) hình ảnh nhà thơ đứng nơi gác chuông Chùa Kannon (Quan Âm Tự) nhìn xuống núi, thấy mái ngói chùa trôi nổi trong các chùm mây hoa anh đào:

*Mái ngói Chùa Quan Âm
trôi dạt xa trong mây
của các chùm hoa anh đào.*

Hay là thơ của thi sĩ Taigu Ryokan (1758-1831):

*Gió đã lặng rồi
nhưng hoa vẫn còn rơi
chìm hát, tịch lặng trong mỗi lời chim.
Huyền nhiệm! Không có thể biết, không có thể học
Đức hạnh Ngài Quan Âm.*

Tín ngưỡng Quan Âm gắn liền với văn học Nhật Bản, y hệt như tại Việt Nam hay Trung Hoa. Nhưng cũng gắn liền với khoa học kỹ thuật: chiếc máy ảnh hiệu Canon nổi tiếng thế giới, chiếc đầu tiên ra năm

1934 được Precision Optical Industry Co. Ltd đặt tên là máy ảnh Kwanon (tức là: Quan Âm) – là loại máy ảnh 35 mm đầu tiên của Nhật Bản. Tuy nhiên, sau khi ra thị trường Tây Phương, công ty đổi tên vì khó đọc chính xác, và khó viết cho đúng chánh tả, nên công ty Precision Optical Industry Co. Ltd. đổi tên thành

Canon Inc. năm 1969. Tên máy ảnh Canon là phát âm gọn của người Nhật Bản cho



Huy hiệu cũ của máy ảnh tiền thân của Canon (Quan Âm).

chữ Kannon (Quan Âm).

Không chỉ văn học và khoa học kỹ thuật, hình ảnh Quan Âm in đậm trong tín ngưỡng của dân Nhật Bản. Từ nhiều thế kỷ, Phật tử Nhật Bản có niềm tin rằng cần phải hoàn tất cuộc Hành Hương 100 Chùa Quan Âm – tiếng Nhật là Nihon Hyaku Kannon, tiếng Anh là “The Japan 100 Kannon Pilgrimage.”

Tuyến hành hương 100 chùa đó chia làm ba tuyến đường độc lập nhau: tuyến Saigoku 33 Kannon, trong vùng Kansai, gồm 33 chùa; tuyến Bandō 33 Kannon, trong vùng Kantō, gồm 33 chùa; tuyến Chichibu 34 Kannon trong vùng Chichibu, Saitama, tuyến này ban đầu chỉ 33 chùa, nhưng năm 1525 được xây thêm một



Ba dòng nước từ núi dẫn xuống, sau Chùa Thanh Thủy Tự.

ngôi chùa cho tròn 100 ngôi chùa để hành hương.

Tại sao con số 33 được ưa chuộng trong tín ngưỡng Quan Âm? Bởi vì trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (The Lotus Sutra), ghi rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giải thích cho Vô Tận Ý Bồ Tát về ý nghĩa của danh hiệu Quán Thế Âm là do vị Bồ tát này khi nghe âm thanh của chúng sanh xưng danh hiệu mình thì tức thời tâm thanh để cứu khổ. Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh bị các khổ não nghe đến danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, một lòng xưng danh Ngài thì ngay khi đó, Bồ Tát Quán Thế Âm tức thì quán sát âm thanh ấy, khiến cho họ đều được giải thoát. Và ngài hiện ra 33 ứng hóa thân, cũng là vô lượng thân trong sáu cõi để cứu độ.

Những gì chúng ta đọc trong sách sẽ khác với những gì chúng ta có thể thấy ở Nhật Bản. Và ngay cả chùa Nhật Bản cũng không giống gì với chùa Việt Nam. Một điểm dị biệt lớn là, trong khuôn viên Chùa Nhật Bản thường có một khu vực riêng để làm một ngôi đền Thần Đạo.

Trong chuyến đi thăm Nhật Bản trong tháng Tư 2018, ngôi chùa đầu tiên tôi được dẫn tới thăm là Kiyomizu-dera Temple, tức là Thanh Thủy Tự, thờ Đức Quan Thế Âm trên đồi Âm Vũ Sơn. Người hướng dẫn đoàn du lịch từ Quận Cam (California) là anh Trần Nguyễn Thắng, Giám đốc ATNT Travel & Tours (www.atnttour.com). Cùng học với tôi từ thơ ấu, năm 1970 bạn Thắng có Tú Tài 2 xong là sang Nhật Bản du học, trở thành kỹ sư và làm việc với hãng Nhật hơn hai thập niên, sau đó mở công ty hướng dẫn du lịch trụ sở ở Quận Cam. Do có quá trình như vậy, kiến thức của bạn Thắng về lịch sử, văn hóa và xã hội Nhật Bản gần như toàn bích. Những bản văn trên các bia đá được Thắng dịch và giải thích bằng tiếng Việt rất rành mạch.

Thanh Thủy là nước trong. Kiyomizu-dera là một ngôi chùa độc lập ở phía đông Kyoto, là một phần của Di Sản Văn Hóa Cố Đô Kyoto theo UNESCO. Theo lược



Ngôi chùa cổ nhất Tokyo, nổi tiếng Đức Quan Âm linh thiêng, với 30 triệu du khách/năm.

sử trong tờ bích chương tiếng Anh của chùa, cho biết chùa này xây từ năm 778. Nguyên khởi vì nhà sư tên là Enchin có một giấc mơ về một dòng sông vàng chảy từ ngọn núi Otowa phía trên Kyoto. Khi thức giấc, nhà sư lên thăm ngọn núi đó, gặp một ông cụ tại đúng nơi thấy trong giấc mơ. Ông cụ Gyoei nói với nhà sư Enchin rằng ông cụ ở đó đã 200 năm, hàng ngày cầu nguyện Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Ông cụ Gyoei xin nhà sư Enchin vào thay chỗ, để ông cụ có thể ra đi hành hương và nói hy vọng sẽ quay lại. Trước khi ra đi, ông cụ chỉ vào một thân gỗ đã chặt, nói đó là gỗ tốt, nếu nhà sư muốn tạc tượng Đức Quan Âm.

Ông cụ Gyoei không bao giờ quay lại. Nhà sư Enchin



Cả thị trấn từ chân núi lên Thanh Thủy Tự nhìn đâu cũng thấy du khách chen nhau.

mới đi tìm ông cụ, và chỉ thấy đôi giày ông cụ để nơi đỉnh núi. Nhà sư tin rằng ông cụ là một hóa thân của Đức Quan Thế Âm, nên cho dùng thân gỗ đã nói để tạc tượng Đức Quan Âm. Nhưng nhà sư Enchin loay hoay hoài, không tạc tượng được, suốt 20 năm. Lúc đó, có một lãnh tụ chiến binh (thời đó gọi là samurai) tên là Tamuramaro cảm ngộ ơn đức của nhà sư, nên bảo trợ việc xây chùa, cho gỡ toàn bộ căn nhà riêng của quan chức này và xây lại trên núi làm chùa cho nhà sư Enchin hoàn tất việc tạc tượng Đức Quan Âm.

Anh Trần Nguyên Thắng kể sự tích có hơi khác với sách hướng dẫn trên, nói rằng thời đó, phu nhân của lãnh tụ samurai kia bị sản nạn, sinh khó, cho nên vị tướng quân này mới chạy lên xin nhà sư Enchin cầu nguyện giúp. Nhà sư nói rằng nơi ngọn núi có ba dòng nước nhỏ, và tướng quân nên hứng nước về cho phu nhân uống, trong khi nhà sư tụng kinh cầu nguyện. Cuối cùng mẹ tròn con vuông, tướng quân mới bảo trợ tất cả việc xây chùa thờ Đức Quan Thế Âm, và ngôi chùa này có tên là Thanh Thủy Tự, tức là nước trong tinh khiết.

Ngôi chùa bị cháy nhiều lần, và rồi được xây lại nhiều lần. Trong các quan chức giúp xây lại có Toyotomi Hideyoshi, vị tướng quân có công dẹp nạn sứ quân và thống nhất Nhật Bản vào thế kỷ thứ 16. Nhưng kiến trúc như hiện nay là xây hoàn tất năm 1633, với sự bảo trợ của Tokugawa Iemitsu, vị tướng quân đời thứ 3.

Có tin hay không là một chuyện, nhưng du khách tới là xếp hàng một tới 3 dòng nước được dẫn qua ống tre từ núi chảy xuống. Bạn Trần Nguyên Thắng hướng dẫn cách dùng gáo nước, sau khi múc nước từ từng dòng, đổ ra bàn tay và uống một chút, cầu nguyện hay không thì tùy, rồi đưa gáo nước vào dây làm sạch vi trùng bằng tia sáng cực tím. Theo người Nhật tin tưởng, uống nước từ ba mạch nước này sẽ giúp thực hiện điều nguyện ước, ngoài ra còn sẽ trường thọ, khỏe mạnh và thành công trong việc học hay kinh doanh.

Đặc biệt trong khuôn viên Thanh Thủy Tự có một đền thờ của Thần đạo. Đền thờ này là đền Jishu (Jishu jinja) thờ Okuninushi - thần của tình yêu và đôi lứa. Bạn Trần Nguyên Thắng nói, dân Nhật gọi đền này là Đền Cầu Duyên, nghĩa là người cô đơn sẽ về gặp tình yêu thuận lợi. Nơi sân đền là hai tảng đá ngầm, nhô lên mặt đất một phần, cách nhau 18 mét: nếu người cầu duyên nhắm mắt, bước đi từ tảng đá này sang đặt chân đúng lên tảng đá kia, thế nào cũng sẽ gặp mối lương duyên tốt đẹp.

Đĩ nhiên, chùa Kiyomizu-dera và đền cũng có những lá bùa khác nhau, có xin xăm. Nếu gặp xăm tốt, bạn sẽ cảm về nhà, chờ điều tốt lành tới. Nếu gặp lá xăm xui xẻo, dân Nhật sẽ buộc lá xăm xui xẻo đó vào một nơi trước sân đền Thần Đạo, để mọi chuyện xui xẻo cho Đức Phật và chư Thần gánh chịu, hóa giải.

Ngôi chùa Thanh Thủy Tự thu hút đông du khách, do vậy cả thị trấn có đủ thứ kinh doanh trên lối đi từ chân núi lên chùa: tiệm ăn, tiệm kỹ vật, tiệm cho thuê trang phục kimono để du khách chụp hình, tiệm bánh có đủ loại bánh đặc sản, tiệm trà, và vân vân. Nghĩa là,



Du khách chen nhau tại khu phố tới ngôi chùa cổ nhất Tokyo mua sắm tưng bừng.

một ngôi chùa có thể nuôi sống cả một thị trấn.

Trong chuyến đi, đoàn du khách do ATNT hướng dẫn cũng tới thăm Công Viên Hòa Bình Heiwa-koen. Ngôi kiến trúc chính của công viên là Tứ Động Tâm, trên kiến trúc khắc bốn bức phù điêu kể lại bốn hình ảnh thiêng liêng của Đức Phật: Khi Đức Phật dẫn sanh ở Lumbini (Lâm Tì Ni), khi Đức Phật thành đạo ở Bodhgaya (Bồ Đề Đạo Tràng), khi Đức Phật chuyển pháp luân-thuyết pháp lần đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như ở vườn Sarnath (Lộc Uyển), và khi Đức



Nhóm du khách đi tour với ATNT chụp hình lưu niệm ở lối đi ven rừng Công Viên Hòa Bình có 33 tượng Phật Quan Âm.

Phật nhập Niết bàn ở Kusinara (Cầu Thi Na).

Nơi đây đi vòng phía sau kiến trúc Tứ Động Tâm dẫn xuống một lối đi bộ hành ven rừng, dọc lối đi là 33 pho tượng Đức Phật Quan Âm, tượng trưng 33 ứng hóa thân để cứu độ chúng sinh. Mỗi pho tượng Đức Quan Thế Âm đứng hay ngồi theo những tư thế khác nhau, tùy hóa thân vào các cõi khác nhau. Khi đứng trong công viên, có thể nhìn thấy phía xa là ánh mặt trời chiếu lên núi Phú Sĩ.

Kiến trúc tháp Tứ Động Tâm nơi Công viên Hòa Bình trên là do một chi nhánh của Nhật Liên Tông xây lên. Một trụ khổng lồ giữa sân trước, có khắc chữ Nhật đọc sang tiếng Việt là “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.”

Trong khi đó, Tokyo có một ngôi chùa nổi tiếng linh thiêng khác là Chùa Quan Âm Asakusa. Nguyên cả một khu vực quanh chùa là thị tứ, bán đủ thứ, trong đó chùa chỉ là một phần nằm trong một góc Tokyo, nhưng chùa Phật Quan Âm Thiên Thủ (Senso-ji) này nổi tiếng cầu xin là được, theo niềm tin dân Nhật Bản. Gọi như thế là cho tiện, thực ra theo Wikipedia, chùa có tên là Kinryū-zan Sensō-ji, dịch ra tiếng Việt là Thanh Long Sơn Thiên Thủ Tự. Chùa nằm trong khu phố cổ Tokyo. Đây là ngôi chùa cổ nhất tại Tokyo, mang nhiều lịch sử nhất. Kế bên chùa năm tầng lầu là một ngôi đền Thần Đạo, trong khu chung quanh là cả một vùng phố thị buôn bán đủ thứ, trong đó du khách tới viếng Chùa Thiên Thủ trung bình mỗi năm là 30 triệu người, cả du khách trong và ngoài nước tới. Đây là một trong 10 chùa Nhật Bản đông du khách nhất.

Hãy hình dung một ngôi chùa nào ở Sài Gòn hay Hà Nội thu hút 30 triệu du khách một năm. Thí dụ, Chùa Vĩnh Nghiêm ở Quận 3, Sài Gòn nếu thu hút số lượng du khách đông như thế, nghĩa là cả một quận 3 sẽ sống thuận nhờ ngành du lịch. Niềm tin linh thiêng đã thúc đẩy người tới để cầu xin.

Ngôi chùa xây riêng cho việc thờ phượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Theo truyền thuyết, một pho tượng Đức Quan Thế Âm được tìm thấy trên sông Sumida



Hòa Thượng Thích Tâm Thành, Viện Chủ Phật Quan Âm Thiên Tự: "Xin chúc cho Tinh Tấn Magazine có được những bài viết mang lại sự hữu ích, lợi lạc cho mọi người."

Phật Quan Âm Thiên Tự, 7922 Santa Catalina Ave., Stanton, CA 90680. Phone: (714) 488-1178

Mời quý vị nghe chương trình 'Nhiệm Màu Của Mẹ Hiền Quan Âm' trên đài Radio Bolsa 1480 AM, 9:30-10 pm, phát đêm thứ Hai, hai tuần một lần.

trong năm 628 bởi hai ngư dân, anh em Hinokuma Hamanari và Hinokuma Takenari. Trưởng làng, là ông Hajino Nakamoto, đã công nhận sự thiêng liêng của bức tượng và ông đã tu sửa ngôi nhà của mình thành một ngôi chùa nhỏ ở Asakusa, để người dân có thể thờ phượng Đức Quan Thế Âm. Ngôi chùa được xây dựng vào năm 645, và là ngôi chùa cổ nhất Tokyo. Trong những năm đầu của Mạc phủ Tokugawa, Tướng quân Tokugawa Ieyasu xem chùa này như đền thờ họ mệnh của gia tộc Tokugawa.

Tự Điển Bách Khoa Mở ghi rằng một chiếc lồng đèn giấy lớn được treo dưới cổng Kaminari-mon ở lối đi chính dẫn vào khuôn viên của chùa. Đi qua cổng là con đường thẳng dẫn về phía bắc đến cổng Hozo-mon và điện Kannon-do (Quan Âm Đường). Con đường nằm ở hai cổng dài khoảng 250 mét, ngang qua phố Nakamise. Ở đây có các cửa hàng nhỏ san sát nhau, bán đủ mọi thứ, từ đồ lưu niệm đến những bánh bao manju và những con búp bê. Những chiếc quạt dây màu sắc (có cả hai kiểu xếp được và không xếp được), ô dù và những chiếc lồng đèn, những chiếc áo happi, băng trò chơi điện tử...

Nếu bạn đang cư ngụ tại Nam California, và nếu bạn theo dõi bằng tần truyền hình NHK của chính phủ Nhật Bản, trên làn sóng này vẫn thường chiếu hình ảnh về nhiều lễ hội tại khu phố Asakusa của Tokyo - trong đó

có nhiều lễ hội quanh năm, có lẽ là để thu hút du khách, nhưng nổi tiếng nhất là Sanja Matsuri, còn có tên là Sanja Festival vào tháng 5 hàng năm, trong đó các ngai thờ và các xe hoa được đưa tuần hành khắp trên đường phố trong ba ngày lễ hội, thường có khoảng 1.5 triệu người tham dự lễ hội tưng bừng.

Đó là chỉ mới nói về tín ngưỡng Quan Âm trong chuyến đi Nhật Bản. Chuyến đi cũng ghé thăm nhiều ngôi chùa khác, nhưng không thờ riêng về Đức Quan Thế Âm Bồ Tát như các ngôi chùa kể trên. Mỗi ngôi chùa đều có những huyền thoại từ cả chục thế kỷ trước, có những niềm tin linh thiêng riêng. Thí dụ, như Thiên Long Tự (Tenryu-ji) ở chân núi Aashiyama, được bạn Trần Nguyên Thắng giải thích là tổ đình Thiên Phái Lâm Tế, nơi tám tranh vẽ khổng lồ Bồ Đề Đạt Ma đặt ngay lối vào chánh điện. Hay ngôi chùa Todai-ji (Đông Đại Tự) thờ Đức Phật Tỳ Lô Giá Na của dòng Chân Ngôn Tông, nơi khuôn viên là cả trăm con nai hiền lành đi chen với người. Và một số ngôi chùa khác, không chuyên biệt thờ Đức Quan Âm.

Nhật Bản là đất nước nhìn đâu cũng thấy hình ảnh đẹp, thơ mộng, sạch, tử tế... Cũng xin gửi lời cảm ơn người hướng dẫn Trần Nguyên Thắng, đã dịch các văn bia tiếng Nhật ra tiếng Việt rất cặn kẽ để giúp các thông tin đặc biệt cho bài viết này. ♦

nhịp sống đạo & đời

Mẹ

là *Bồ Tát*

trong nhà

Bài HUYỀN TRÍ

Khởi nguồn từ một giấc mơ đẹp.

Thỉnh thoảng tôi có vài giấc mơ đẹp, giúp cho mình cảm nhận ý nghĩa sống, hay là thu nhận được vài chỉ dấu, định hướng trong đời. Như giấc mơ lạ này:

“Tôi ngỡ đi vào một cảnh vườn đẹp như tiên cảnh, đầy hoa cỏ tươi tốt muôn màu muôn sắc, có vài cây đào trái chín đỏ cuốn hút khác thường. Tôi cảm nhận đây là vườn đào tiên, nên không dám đưa tay lên hái trái. Đột nhiên có một dáng hình nữ nhân hiện ra phía trước. Mối đầu chỉ như một vòm ánh sáng, dần dần hiển lộ. Qua ánh sáng không nhìn rõ nét, nhưng tôi linh cảm đó là một vị cõi trên, dường như là Bồ Tát Quan Thế Âm hay một vị Thượng Tiên, đẹp đẽ hiền hòa, miệng mỉm cười, tay đưa ra phía trước trao cho tôi một quả đào tiên. Tôi đến gần cung kính cúi đầu đón nhận. Đến khi chột nhìn lên. Hóa ra là hình ảnh của mẹ tôi!”

Tác giả Huyền Trí sống tại Westminster, đã viết và dịch nhiều tác phẩm Phật giáo.

Tuy giấc mơ rất đẹp nhưng lại khiến tôi băn khoăn. Sao lại là hình ảnh của mẹ tôi? Mẹ tôi cũng chỉ là một bà mẹ bình thường như bao nhiêu bà mẹ khác. Hiền lành, nhẫn nhịn, thương yêu, hy sinh cho con cháu, bao dung, giúp đỡ nhiều người. “Mẹ là Bồ Tát trong nhà” vốn là câu thành ngữ quá quen thuộc trong Phật giáo, đến đôi ít người phân biệt được đó chỉ là lời tán tụng của phàm nhân, hoặc phản ánh chân thật cõi thiêng liêng.

Tôi không dám đưa ra câu trả lời trong bài viết này. Mỗi người sẽ có câu trả lời khác nhau, tùy cơ duyên, tùy trình độ. Dưới đây chỉ là câu chuyện thật cùng những thực chứng. Có thể quá khô khan, cũng có khi gây cảm xúc, và cũng có lúc khá phũ phàng.

Bài viết này xin cung kính gửi đến tất cả bà mẹ. Tôi tin rằng tất cả đều là mẹ hiền - vì trời ban cho bản năng sinh tồn như thế - bao gồm cả, một số ít khác, vốn cũng chẳng phải mẹ dữ, chỉ là mẹ mang bệnh trong tâm. Đặc biệt bài viết xin dành cho những vị có niềm tin vào Tịnh Độ.

Khi cười xòa, lúc lặng câm. Lúc xót thương, khi nhẫn nhịn.

Từ sau giấc mơ lạ ấy là một chuỗi ngày dài, rất dài, xuyên suốt hơn hai mươi năm, của một cặp mẹ con nương tựa nhau đương đầu với hai cái khổ lớn nhất trong đời người: bệnh và già. Bệnh đáng sợ hơn già. Nhưng vừa già vừa bệnh lại gia tăng cái khổ gấp bội.

Đầu tiên khi mẹ vừa từ Pháp về sống cùng tôi, tôi khá vui mừng, nghĩ rằng được chăm sóc cho mẹ là điều vạn phúc. Lại nữa, tôi từng khẩn nguyện thay ba tôi chăm sóc cho mẹ để ba đỡ nghiệp chướng, vì đã bỏ bê vợ hiền và bầy con nhỏ. Phải chăng do lời nguyện ấy mà từ đó hai mẹ con dặt dìu nhau lao vào biển khổ?

Mẹ về nhà tôi ít lâu thì lảm chuyện đổi thay chẳng mấy tốt lành ụp xuống - nếu nhìn theo mắt đời. Tôi là người viết sách, viết truyện. Từ nhỏ tôi đã mê thích làm việc này, cứ như là thiên tính. Nhưng mẹ đọc qua truyện thì bảo, “nói xạo.” Mới đầu tôi hơi tức mình. Mẹ với tôi thực ra chẳng hợp tánh nhau, mẹ rất chân thật, đơn giản, nói nhiều chuyện thực tế. Còn tôi thì ít nói, sống nội tâm, thường suy tư, tưởng tượng phong phú. Không phải vì mẹ nói vậy mà tôi bỏ nghiệp văn đâu, nhưng sau đó tự dưng tôi lại buông bỏ, cảm thấy sống trong vọng tưởng hộ người khác như vậy chẳng ích lợi gì. Tiếp đến không lâu tôi cũng bỏ việc viết báo, vì không muốn bị... hại não, cho dù lúc mới nhập làng cũng mang theo chút kỳ vọng là (vừa kiếm cơm vừa) trả nợ... quốc gia dân tộc (lớn quá)!

Rồi, mới ít tuần nhảy ra làm văn phòng để kiếm sống thì hay tin mẹ lâm bệnh té lăn ngoài đường. Thế là tôi quay về nhà chăm sóc mẹ, với hy vọng đây chỉ là cơn bệnh nhỏ chữa ít lâu lại lành. Cũng có chút tính toán, ở nhà viết và phụ làm sách với bạn đạo vui hơn. Không ngờ căn bệnh mẹ không lành chút nào, ngày càng nặng thêm. Cứ thế, kéo dài hơn hai mươi năm trời, mẹ vô hình trung cho tôi cơ hội (tạm dùng vài chữ văn hoa đạo vị) phát bồ đề tâm, minh quán sát, hầu liễu ngộ thực tánh của khổ.

Căn bệnh của mẹ tôi đại khái thế này. Mới đầu mẹ đau một chân, rồi chuyển sang hai chân, nhức nhối, chân này yếu hơn chân kia, dần dà cả hai chân đều không đi được. Mới đầu tay run rẩy, sau thì cứng lại, rồi các ngón tay từ từ cong cứng lại. Cuối cùng tay chân cùng co quắp... Thú thật tôi không dám đếm ngày đếm tháng. Như thế này, cứ mỗi năm năm chính phủ cấp cho một chiếc xe lăn, chiếc đầu tiên nghĩ là chỉ tạm dùng qua rồi bỏ hẳn, nhưng rồi kéo dài mãi cho đến chiếc thứ tư sắp hỏng, chưa kịp lấy chiếc thứ năm thì mẹ chỉ còn dùng đến những chiếc băng ca của bệnh viện.

Lúc đầu chạy đủ thầy đủ thuốc, món gì giảm đau, trật đá, hồi phục, bồi bổ... vân vân và vân vân, đều được thử qua. Bác sĩ này bảo là phong thấp (rheumatism), y sĩ nọ đòi kéo xương sống, người thì châm cứu, có kẻ đòi phẫu thuật. Cũng đã chuẩn bị phẫu thuật xương sống (bị cong) rồi đấy chứ, nhưng lúc đó mẹ đã ngoài tám mươi, bác sĩ bảo phải mất hơn nửa năm mới hồi phục, và rất

đau. Mẹ không chịu, mà tôi cũng không muốn. Và cả hai đều quyết định đúng, vì cột sống vốn chẳng phải là căn bệnh chính để trị. Các bác sĩ cứ thi nhau, hết chụp X-ray chân, rồi chụp tay, chụp xương sống. Mãi về sau thấy mẹ run rẩy và hơi lảm cẩm (dementia), có bác sĩ gửi đi chụp hình não. Bác sĩ nói đơn giản, não của mẹ “bị đóng vôi”, tức là hiện tượng các tế bào thần kinh bị thoái hóa (neurodegeneration) do lão hóa hay bệnh chết nhanh bao bọc trắng xóa quanh não, càng ngày càng dày đặc. Nói vắn tắt, là hội chứng của bệnh bất trị Parkinson's disease, đã vào thời kỳ nặng. Bác sĩ cho biết chỉ còn có cách mổ não ra nạo vôi, nhưng không bảo đảm, 50%. Ai dám? Còn sót lại một điều may: hệ xúc giác của mẹ theo đó cũng tê liệt dần nên bớt biết đau.

Trong giai đoạn đó tôi chỉ biết tùy duyên, phương tiện thiện xảo. Khi cười xòa, lúc lặng câm. Lúc xót thương, khi nhẫn nại. Cười là khi hai mẹ con cùng nhau làm gì luộm thuộm quá, như mẹ té lăn ra đất và con cứ mãi loay hoay kéo co mà nâng không lên. Cười xòa lên cho mẹ cùng cười mà xem nhẹ. Lặng câm là khi mẹ gất gông, cầu nhau, tuy không phải là trách móc, nhưng người bệnh hoạn hay cau có. Mới đầu tôi còn đáp trả, sau lại chọn lặng câm, cũng dễ thôi, vì tôi vốn ít nói. Tưởng lòng xót thương (từ bi tâm) sẽ khô cứng dần, chai sạn dần theo ngày tháng, nó lại cứ tăng trưởng cùng nhịp với sự suy hoại của thân thể mẹ. Tứ chi mẹ cứ như từ từ hóa đá, mới đầu là hai chân, rồi lên đến hai tay, và dần dà leo đến tận cổ, và cả mắt.

Lúc đó, đã nhận rõ bản án, tôi chỉ còn biết cố làm mẹ quên bớt suy tư phiền muộn. Nhiều ngày qua hai mẹ con cứ nằm xem hết phim chương lại đến phim hài. Hết Ngô Không rồi đến Tế Diên. Đôi khi tôi cũng có cảm tưởng mình như một thứ Tế Diên, có cái cười ngậy dại, khác một điều là tôi lại thừa Diên mà thiếu Tế, chắc vì không kham nổi cây quạt rách nát. Thỉnh thoảng tôi đẩy xe đưa mẹ ra chùa, hay đi chơi lòng vòng đầu đó. Lúc đó cũng cho mẹ nghe kinh và niệm Phật nhưng không nhiều. Vì mẹ lại thích nghe cải lương hơn. Nuối tiếc những ngày xưa cũ.

Về sau, các em ở xa về thăm mẹ, đưa đề nghị đóng góp tìm người đến phụ giúp. Mới đầu tôi không chịu, phản thích sống yên tĩnh, phần không muốn làm phiền các em. Cho đến lúc mẹ trở nặng quá và trì kéo quá, cứ té hoài. Rồi một hôm té nứt cả xương đùi phải đưa vào điều trị và dưỡng bệnh ở nursing home. Mẹ rút được kinh nghiệm nursing home sau lần đó, nên đưa ra lời phán: Nếu đưa vào đó vài tháng mẹ sẽ chết. Do đó, tôi đành phải chịu phép không dùng giải pháp đó được mà chọn nhận người phụ nuôi.

Ôi chao, sống với mấy bà mấy cô Oshin thiếu chữ lại lảm lời nhiều chuyện quả lảm bực bội. Bệnh mẹ nặng nên rất khó tìm người giúp. Họ cứ kiếm chuyện, đòi tiền, và đua nhau nhảy lóc chóc như cóc bỏ đĩa. Chuyện thường tình này không đáng nhắc đến nhiều. Họ cũng chỉ góp hơi góp sức vào thổi các luồng gió độc ắt có trong đời thường. Xem như nhờ họ giúp thổi chữ nhẫn của tôi ngày càng phình to lên thôi.



Chùa Viên Quang, San Marcos (Hình Phúc Quỳnh)

Tám luồng gió độc, một trận cuồng phong.

Ngay khi đang phải chống đỡ tám luồng gió độc (bát phong: được mát, khen chê, vinh nhục, khổ vui) của cuộc đời từ ngoài chợ đến lùa vào khuấy đảo đời sống, trận cuồng phong thịnh nộ của bệnh lão đã trỗi dậy cuốn hút thân người nhỏ bé tội nghiệp của mẹ. Là lúc mẹ khởi sự trao cho tôi một bài học đau thương nhất, đáng sợ nhất mà tôi cứ tránh né, đó là trực diện cùng mọi thứ bất tịnh trong cõi đời với cái tâm bất tịnh nhất của con người: luyến ái.

Khởi đầu là gió độc thời khí của thiên nhiên vào mùa đông. Mẹ ho nặng và nhiều hơn chứng cảm lạnh thông thường. Mấy lần tôi đề nghị vào bệnh viện nhưng mẹ không chịu, sợ nhà thương. Một đêm kia, nghe mẹ ho sặc sụa quá bất thường, tôi chạy vào phòng thăm, mẹ lại từ chối. Lần này tôi cảm thấy bất ổn, quyết

định không nghe nữa và đưa mẹ vào bệnh viện cấp cứu. Bác sĩ cho biết mẹ bị pneumonia, sưng phổi nặng, nếu không cấp cứu kịp là khó qua. Thế là mẹ vào nằm bệnh viện hơn tháng trời. Thời gian đó mẹ suy sụp lắm, không muốn cười, không muốn nói. Người hốc hác gầy xẹp đi, yếu ớt và trông chán nản. Không hiểu có phải lúc đó mẹ đã muốn ra đi chẳng mà tôi còn quyết tâm giữ lại? Tôi giữ mẹ lại cho mẹ, cho tôi, cho các em tôi, cho gia đình tôi, hay chỉ cho bát phong? Bát phong ngoài đời và bát phong trong chính đầu tôi. Dấy lên ào ào, âm ỉ.

Đó cũng vừa lúc bắt đầu chuyển sang một giai đoạn khác, một bài học khác. Ít lâu sau mẹ về lại nhà. Con bệnh tăng cấp rõ rệt. Sóng thần Kanagawa. Khi đó mẹ hầu như không nói được, nuốt cũng khó khăn và cứ sặc sụa mỗi khi ăn uống. Cân lượng tuy không lên nhưng người như nặng hơn nhiều vì không còn chút sức nào để gượng dậy. Hầu như không còn cựa quậy nổi, nằm đầu yên một chỗ. Hai mắt lạc thần, tuy vẫn còn hiểu biết.

Một hôm, mẹ chỉ cho tôi một cục u lạ bên hông trái mẹ. Nó có màu sắc bình thường, và cũng không đau. Tôi đưa đến bác sĩ gia đình. Hai ba bác sĩ vào xem, thấy lạ, không nghĩ ra là khối u gì. Vì nó không đau và không biến sắc nên khó biết. Có thử máu và không thấy nhiễm trùng. Một ít thuốc giảm đau phòng ngừa, và thuốc trụ sinh theo yêu cầu của

tôi. Theo bác sĩ thì đó là khối u bình thường và có thể sẽ vỡ ra rồi lành.

Khối u đó lớn rất nhanh, vài tuần sau đã có bề rộng gần bằng trái banh quần vợt, và bắt đầu bốc mùi tanh tưởi. Mẹ vẫn không kêu đau. Chưa đến ngày tái khám thì khối u đã vỡ, máu mủ chảy ra. Tôi tức tốc đưa mẹ đến bác sĩ chuyên khoa vết thương ở bệnh viện. Trôi ạt, khối u này chỉ do chấn động va chạm mà thành vì da thịt đã lão hóa, và các tế bào bên trong và sâu bên dưới khối u đã chết cả nên mới ùn lên như vậy. Bác sĩ đã nạo chỗ hư thối sâu gần tới xương, băng bó rồi cho về nhà. Có lẽ họ thấy bà già quá nên không muốn cứu thêm nữa.

Một vết thương thật to loét cả nắm tay, máu thịt đỏ hồng vừa mới cắt, lẫn vào chút mỡ màng, còn có chút màu

xương trắng ngà lộ dạng bên dưới. Tôi tê tái cả người khi cho tay vào trong da thịt mẹ sờ sờ vết thương, cố gắng lau rửa bó băng. Mẹ không kêu la dấy dựa, cũng không rên rỉ lấy một lời. Không biết đau hay biết được tôi đau lòng? Hình ảnh phủ phàng của xương thịt người thân yêu đó cứ bám lấy tôi.

Một pháp thoại trong Kinh Pháp Cú chợt trở về. Câu chuyện của các vị sư tu thiền Tứ Niệm Xứ tìm vào nghĩa trang, đến nơi có những người chết rã thịt phơi xương, hầu tu tập quán chiếu về thân bất tịnh, về khổ thọ điên, vân vân... Pháp thoại này rất mạnh mẽ, đánh động. Tôi ít nghĩ đến vì không đủ sức đối diện. Làm sao biết được có một ngày mẹ lại đem chính thân mình ra dạy tôi, nhắc nhở tôi về thực chất của cuộc đời? Mẹ ơi, máu mủ thịt xương mà mẹ trao ra để dạy cho con bài học về sự đau khổ sự bất tịnh ở trong đời, hầu đánh thức con không còn mê đắm, làm sao con chưa thức tỉnh được, làm sao con chưa có quyết tâm tìm một con đường giải thoát?

Thực sự lúc đó người tôi như có phần tê dại, tôi chỉ còn mỗi quyết tâm phải chữa trị cho mẹ. Thấy mẹ vẫn còn sinh lực, còn chưa muốn đi. Mẹ nằm ở nhà vài ba hôm, máu mủ vẫn cứ ứa rịn qua lớp băng. Tôi đưa mẹ trở lại bệnh viện xin cấp cứu lần nữa. Bác sĩ cấp cứu gọi bác sĩ trị vết thương, rồi cho tôi lời khuyên là nên đưa về nhà nhận Hospice chứ bệnh viện không chữa trị được hơn. Ông còn thuyết cho tôi nghe lợi ích của Hospice, nào là mẹ tôi tuổi đã gần chín mươi, nào là quality of life, nào là có con cái quay quần, vân vân... Lấy ví dụ cả đến trường hợp cá nhân của ông và mẹ ông. Tôi vẫn cương quyết... quậy... năn nỉ khắp nơi. Còn nước còn tát.

Sau cùng, vị bác sĩ gia đình tử tế của mẹ, ông NHV, đến nhận lời giúp đỡ. Ông cho biết sẽ dùng hai ba thứ trụ sinh để ngăn nhiễm trùng, chuyên máu và IV, khi giảm bệnh sẽ đưa về convalescence home để có bác sĩ phẫu thuật khâu vết thương lại. Cuối cùng vết thương cũng khâu lại, lôm sôm xuống có thể cho cả nắm tay vào!!! Vết thương này chưa lành, thì lại vết khác. Vì nằm ngửa mãi trong bệnh viện khi giải phẫu vết thương bên hông, mẹ lại sinh lở loét ở xương cụt, lại phải đưa vào khoét đục, kéo da ra khâu vá... Tóm tắt là mẹ ra vào bệnh viện triển miên. Nhờ trời cho ít biết đau cũng đỡ khổ. Đồng lúc, mẹ đi dần đến chỗ không còn ăn uống

nói năng được nữa vì các cơ bắp cổ họng đã ngưng hoạt động. Mắt cũng chỉ còn có 80%. Parkinson's đã bước vào thời kỳ cuối.

Hai năm sau cùng của đời mẹ lại diễn ra tại nhà. Với cái ống ở bụng để chuyên sữa. Cái máy trợ hơi thở, mặt nạ chụp để thở, máy hút đàm, máy đo máu đo đường, các thứ. Một vài loại thuốc thử thuốc chích. Với thân hình tay chân co quắp lại không còn kéo ra được. Với máy băng niệm Phật và tụng kinh mở quanh năm suốt tháng. Kinh Tịnh Độ và Kinh Thủy Sám. Phật A Di Đà và Bồ Tát Quan Thế Âm.

Mẹ ra đi, miệng mỉm cười.

Mặc dù kéo dài cho mẹ thêm hơn ba năm, nhưng những năm này mẹ quả không còn hưởng thụ gì cuộc sống. Chỉ còn sự lắng nghe. Niềm vui nhỏ nhoi chỉ là đôi lúc con cháu về tề tựu, ồn ào vui vẻ, những tiếng ư ơ đáng yêu các cháu bé. Tiếng động mẹ nghe thường trực là tiếng niệm kinh, niệm Phật. Ngày ngày tôi nhẹ nhàng nói chuyện với mẹ một chút, nhắc nhở niệm Phật và đừng nghĩ ngợi gì nữa. Mẹ thường không nói gì, hai con mắt mờ đục cứ lơ lơ xa xăm. Môi mím chặt trề xuống như một nếp nhăn dài. Đó là vẻ mặt thất thần, thời kỳ cuối của căn bệnh. Tuy vậy, đầu óc của mẹ vẫn còn sót lại nhận thức. Đôi lúc mẹ phản ứng trả lời. Nhấp nháy môi niệm Phật theo tôi. Thỉnh thoảng cố phát ra vài tiếng nói nghe không rõ. Có một lần tôi nghe mẹ gắng sức thều thào, "Cám ơn con." Câu nói cuối cùng của mẹ cùng tôi.

Khi đó đã gần đến Tết. Tình trạng mẹ sụp xuống thình lình. Sữa không vào được bao tử, thường tuôn trào ra ướt cả bụng. Có vài chỉ dấu cận tử: toàn thân rù liệt, nước da đổi màu, ngủ quá nhiều gần như mê man, không còn nhận thức ăn, cũng không còn bài tiết... Thỉnh thoảng mở mắt dậy bật lên ho khô khan và rồi cứ khò khè như hết hơi, phải dùng máy thở. Tôi biết mẹ sắp đi, nhưng không nói ra sợ làm buồn các em ở xa về thăm, mà chỉ lặng lẽ cầu nguyện và gia tăng máy niệm Phật. Tôi cũng không muốn đưa mẹ vào nhà thương ngay, cố kéo dài qua mấy ngày Tết, biết rõ mẹ vào bệnh viện lần này sẽ không còn trở lại... Toại nguyện cho mẹ muốn ở lại "ăn" Tết cùng con cháu. Mẹ "ăn" Tết trong giấc ngủ vui, không biết có nghe được tiếng pháo nổ hay tiếng trẻ con reo vui...



Bodhi Academy
8762 Garden Grove Blvd, #102
Garden Grove, CA 92844

For more information, call
(657) 549 - 4627
email: academy@bodhiyouth.org
website: www.bodhi-academy.org



*Bodhi Academy -
where learning is through
motivation and inspiration*

HỌC HÈ (BODHI SUMMER SCHOOL)

- Vỡ lòng đến lớp 8
- Hàng tuần từ 25 tháng 6 đến 24 tháng 8

TRẠI HÈ TỈNH THỨC: July 22 to 29 (BYA SUMMER YOUTH CAMPS)

- Cool Kids Camp: 9 đến 12
- Youth Camp: 13 đến 17
- Trại vui nhộn, đặc sắc và lợi lạc cho các em nguyên 1 tuần tại Harmony Pines gần khu trượt tuyết Mountain High.

TRẠI HÈ TRONG NGÀY: Aug 6 to 17 (MINDFULNESS DAY CAMPS)

- Khóa 1 dành cho các em từ 6 đến 9 tuổi
- Khóa 2 dành cho các em từ 9 đến 12 tuổi

DẠY KÈM MÙA HÈ (BODHI SUMMER TUTORING)

- Mọi trình độ lên đến lớp 12
- Math, English, Science, SAT prep
- Kèm cá nhân hoặc nhóm 3-4 em

Vui Học Hè - Trại Hè 2018 cùng Trung Tâm Bodhi Academy

Hãy đến thử nghiệm và ghi danh cho con em có một mùa Hè bổ ích và đáng nhớ!





(Hình Phúc Quỳnh)

Vừa qua mùng ba Tết, mẹ được đưa vào nằm trong ICU. Ngày thứ nhất chưa thấy gì rõ tuy các vital signs yếu ớt. Sang chiều hôm sau đột nhiên có triệu chứng bùng thả. Tay chân vốn dĩ cứng ngắc co quắp như chân chim của mẹ tự nhiên trở lại mềm mại và thả lỏng, duỗi ra, như buông bỏ, thoải mái, không còn nấn nứ, không còn nắm bắt. Ai thấy cũng bảo lạ, cho là tốt lành. Tôi không nói, nhưng ngầm hiểu ấn dấu. Tôi ngồi niệm Phật gần tai mẹ.

Đến chiều hôm sau, mẹ đột nhiên trở cơn. Tất cả máy theo dõi vital signs đồng loạt xuống thấp, reo vang lên. Hai ba y tá chạy vào chuẩn bị lo cấp cứu. Tôi đến nắm tay mẹ vỗ nhẹ và khuyên nhủ, “Mẹ ơi, mẹ đừng đi. Mẹ rón chờ chút nữa đi. Em T. (em trai tôi) sắp về rồi. Mẹ muốn chờ em mà. Rón lên mẹ.” Thế là đột nhiên máy móc trở lại bình thường. Nhịp tim, hơi thở trở lại bình thường. Con tôi ở gần đó bảo, “Sao hay quá vậy, mẹ nói gì mà bà ngoại trở lại bình thường vậy. Con thấy máy vọt lên liền.” Tôi cho biết, “Không phải mẹ, là bà ngoại đó. Cái thức của Bà muốn chờ cậu T.”

Vài giờ sau cậu em bên miền Đông về đến. Bên dưới một núi ống thờ, mặt nạ che khuất, đôi mắt mẹ nhướng lên khi vừa nghe tiếng em, có vẻ hài lòng, có vẻ lắng nghe.

Tối hôm đó, khi tôi mới mệt vừa mới quay về nhà

ngủ, an tâm vì đã có quý tử của mẹ trông nom, thì cậu em gọi giật lại, giọng run run: “Mẹ đi rồi chị ơi!” Tôi dặn dò em đừng khóc và đừng động đến mẹ, chờ tôi đến. Tôi hoa cả mắt trên con đường lái xe quay trở lại. Hình như có đi lạc một chút trên con đường quen thuộc. Trong câu niệm Phật có xen lẫn vài câu “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”

Đến nơi, mẹ nằm đó, người hơi cong queo - vì mặc dù thân đã mềm duỗi nhưng y tá lại kéo co lên để tiện săn sóc. Tôi vừa niệm Phật vừa rải cát Tịnh độ trên danh đầu và trán mẹ, cùng em trai chỉnh sửa cho mẹ nằm ngay ngắn trang nghiêm hai tay chấp lại. Trán mẹ vẫn còn hơi ấm dù tay chân bắt đầu lạnh. Mặt mẹ hơi xanh nhưng có vẻ thanh thản bình an, chỉ có miệng há to vì vừa mới rút ống trợ thở. Lúc đó tôi không muốn khóc nhưng nước mắt cứ trào ra. Tôi tự trách mình, Phải nhiếp tâm quyết chí không khóc. Phải nhiếp tâm hộ niệm vãng sanh cho mẹ. Phải nhiếp tâm làm sao để cho mẹ không còn chịu khổ.

Tôi bắt đầu niệm kinh cho mẹ. Chú Đại Bi và chú Vãng Sanh nhiều lần. Rồi bắt đầu niệm Phật Quán Thế Âm, và rồi chỉ niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Một lúc sau, em gái tôi đến, thỉnh được sư cô C.P., một vị ni hết lòng lo chuyện vãng sanh cho Phật tử, dù lúc đó đã nửa đêm vẫn sốt sắng chạy đến.

Sư cô và hai chị em tôi rất ráo niệm Phật theo tiếng

mỡ của sư cô. Mới đầu nhịp nhàng, ngày càng gia tăng tốc độ. Sau cùng chỉ niệm vắn tắt “A Di Đà Phật”, thật nhanh. Tôi nhắm mắt lại, đứng thẳng người hơi nương vào vòng đai sắt quanh giường mẹ, mang trong tâm chỉ mỗi một cứu cánh “vãng sanh” và trên miệng gắn liền bốn chữ “A Di Đà Phật.” Tiếng mỡ của sư cô ngày càng dồn dập, nhưng đến một lúc tôi cũng chẳng còn nghe tiếng mỡ, cũng không nghe tiếng động gì chung quanh, mà chỉ nghe được tiếng niệm Phật của chính mình, như đang ngấm vào trong tâm mình. Thân hình tôi mới đầu hơi tê vì đứng quá lâu, dần chuyển sang rung động theo tiếng niệm, nhanh dần. Đột nhiên dừng lại, rồi như được sức hút cuốn hút lên, kéo thẳng lên. Tôi chẳng cảm thấy thân mình nữa. Chẳng nghe tiếng niệm. Đầu chợt mát rượi như có hơi lạnh rót lên trên. Vẫn nhắm mắt, tôi bắt đầu thấy ánh sáng hiện ra trước mặt. Mới đầu là một vòng tròn xoáy nhanh, có màu xanh chung quanh, màu vàng ở giữa. Vòng sáng lan dần ra, tỏa rộng, xanh biến mất, vàng chói lòa rực rỡ. Dù đang nhắm mắt tôi cảm thấy như chói chang và cứ nhấp nháy mắt. Tôi giữ yên trạng thái đó một lúc, rồi nói với sư cô, “Ánh sáng rồi sư cô!” Sư cô nói, “Sáng lắm phải không?” Tôi đáp, “Đạ.” Sư cô từ từ lời dần tiếng mỡ, và sau cùng chúng tôi dứt tụng niệm.

Tôi mở mắt ra hỏi sư cô “Sư cô có thấy sáng không?” “Không, cô bận quan sát người đi.” Rồi cô chỉ cho tôi xem. Miệng mẹ tôi đã khép lại, chưa khít khao, còn hơi chút hé mở, phơn phớt một nụ cười.

Mẹ đã ra đi, miệng mỉm cười!

Nam Mô A Di Đà Phật.

Mọi việc cứ tuần tự diễn ra theo những nghi thức cho người quá vãng. Một điều cần phải ghi chú để cho những ai còn nghi ngờ đó là các vọng tưởng. Trên thực tế, suốt trong tuần lễ tang chay khó nhọc ấy, người tôi hoàn toàn nhẹ nhàng thanh thản, không chút mệt nhọc muộn phiền. Kể từ khi được nhìn thấy luồng hào quang vi diệu bất khả tư nghì đó.

Tôi kể lại cảnh khổ của mẹ mình một cách chân thật và tường tận như thế vì cảm thấy mẹ thọ khổ như một thông điệp, một nhắn nhủ gửi đến cho chính tôi và cho những vị tin vào cõi Tịnh Độ: Biết được Sự Thật mới thoát khổ. Cũng xin gửi đến những vị có cha mẹ còn an lành hay lâm cảnh ốm đau, xin an tâm chăm sóc, xin xem như là các bậc Bồ tát dạy mình tu học.

Câu chuyện cuối cùng. Tôi biết mẹ đã đi xa, nên cũng không mong được nhìn thấy mẹ, cho dù qua chiêm bao. Thế mà, khoảng một tháng sau, tôi được gặp mẹ trong giấc mơ. Tôi thấy mình chở mẹ - khỏe mạnh và tươi đẹp - vượt qua một dòng sông rộng hay con biển nhỏ nào đó, có nhiều sóng gió. Tôi lái xe, hay lái thuyền gì đó không rõ, lướt bay là là bên trên (không phải sát mặt nước). Trôi lên hụp xuống khá nhiều lần. Hơi lão đảo hồi hộp. Nhưng rồi một lúc sau thì mẹ đột nhiên tách ra, tự mình lái một chiếc xe (hay thuyền) nhỏ chạy vụt lên phía trước, rời đi. Trước khi mất dạng, mẹ quay đầu nhìn lại tôi, miệng mỉm cười. ♦



Phấn Tảo Y

Thơ HUYỀN TRÍ

*Nhà sư xuống núi hóa trai,
Nhật thu mấy mảnh giẻ(1) hơi(2) sạch lành.
Ra sông giữ nước(3) tươm tình,
Đắp bồi chiếc giáp phủ tình từ bi(4).
Bạc phơ tám bá nạp y(5),
Mỗi manh chứa mấy mẫu(6) đời buồn thương.
Mặt Trời(7) khuất bóng Tây phương,
Cha Hiền(8) vắng mặt, hững hờ tảo y(9).*

Ghi chú:

(1) mảnh giẻ: phấn tảo y, theo một thiên pháp cổ, là loại bá nạp y của khất sĩ do mảnh giẻ kết thành, còn gọi là từ bi giáp hay ruộng phước điền.

(2) hơi: mảnh giẻ ở đây tượng trưng cho các linh hồn chúng sinh, hơi là đôi chút, mà cũng là hơi thở của người tu học.

(3) giữ nước: nhúng vào nước cam lộ, hay pháp thủy.

(4) (5) chiếc giáp phủ tình từ bi: từ bi giáp, tên gọi khác của bá nạp y.

(6) mẫu: ruộng phước điền, chứa đựng những mẫu đời đau khổ của chúng sinh.

(7) (8) Mặt Trời, Cha Hiền: Đấng Từ Phụ, Mặt Trời của thế gian, tức Đức Phật.

(9) hững hờ tảo y: thời Mạt Pháp, người tu chuộng hình tướng, ngôn từ hoa mỹ và khoa bảng hơn là thật tu thật chứng ngộ. ♦

Vài giờ
với
**Thầy
Đặng Pháp**
ở
**Thiền Viện
Chân
Nguyên**

Bài và hình **HOÀNG MAI ĐẠT**

Đến với cuộc đời, từ lúc bật tiếng khóc lọt lòng cho tới khi nhắm mắt trút hơi thở cuối ở phút lâm chung, mấy ai tránh được những khổ đau triền miên tràn đến kiếp người, không khác chi sóng biển đánh vào bờ, lúc lớn lúc nhỏ không bao giờ ngưng nghỉ. Có những phiền muộn dần dà có cách hóa giải, bớt hơi đến một mức độ có thể chấp nhận được, hoặc có khi chính cơn đau đó lại dẫn đến con đường đạo mầu nhiệm vô biên, mang lại ý nghĩa hữu ích thực sự cho cuộc sống hiện tại. Rồi cũng có những khổ nạn nặng trĩu quá sức chịu đựng của con người, gây đờn đau cùng cực khiến kẻ phàm phu, với trí tuệ còn non yếu, không đủ sức tự cứu lấy mình mà cần đến sự trợ lực của một đấng siêu hình, của một nguồn năng lực nào đó vượt bên trên khả năng



hiểu biết của thường nhân. Biết đến nơi đâu để nhận được một sự trợ lực như vậy?

Với câu hỏi đó, tôi tìm về Thiền Viện Chân Nguyên vào một sáng Chủ Nhật đầu tháng Tư. Tôi đến “ngôi chùa giữa sa mạc” không hẳn vì đang mang một nỗi bi thống nào đó cần được hóa giải, mà với sự hiếu kỳ của một người viết. Tôi từng gặp và nghe một số người nói đại khái như “Đức Quán Âm ở chùa Chân Nguyên linh lắm. Tôi bị (ung thư, tai nạn, gia đình bị quậy phá, nhà có ma, thế này, thế kia) tưởng không qua khỏi. Vậy mà Ngài đã giúp cho mọi sự được bình yên.”

Ngài là ai mà “linh” đến như vậy? Ngài thể hiện phương tiện cứu khổ như thế nào? Làm sao biết được kẻ khổ đã được cứu vớt hay đó chỉ là kết quả của một sự kiện ngẫu nhiên, tình cờ nào đó thôi? Thời gian qua đã có một số bài viết về Thiền Viện Chân Nguyên. Nhưng để biết rõ hơn, để cảm nhận được nhiều cho chính bản thân, nên tôi quyết định đến tận nơi ấy và tìm hiểu ở vị thầy viện chủ.

Khoảng một tuần trước khi đến Chân Nguyên, tôi có gọi số của thiền viện để “lấy hẹn” với Thầy Viện Chủ Thích Đặng Pháp. Sau vài lần không nghe ai cầm điện thoại, cuối cùng tôi cũng được Thầy hồi đáp. Đó là lần

đầu tiên tôi được nói chuyện với Thầy Đăng Pháp mặc dù đã từng ghé chùa ít nhất một lần mỗi năm vào dịp Tết, và cũng có đôi, ba lần chụp ảnh Thầy giữ làm kỷ niệm: Thầy đứng trong chánh điện, hay trong bếp giữa sân chùa rộng thênh thang mà có lẽ chỉ trong mùa xuân khách thập phương mới chịu nổi khí hậu khắc nghiệt nơi đây.

“Được. Anh cứ đến. Ngày Chủ Nhật thầy không đi đâu cả,” Thầy Đăng Pháp nói giọng Huế êm dịu, thân thiện qua điện thoại dù chưa gặp tôi một lần nào. “Anh không cần gọi nhắc trước một ngày làm chi, thầy lúc nào cũng ở đây. Cứ đến.”

Đường từ nhà tôi ở Westminster đến thiền viện ở Adelanto xa khoảng 90 dặm, chừng một tiếng rưỡi lái xe nếu đường thông suốt từ nam lên hướng bắc theo hai xa lộ 91 và 15, từ đó rẽ qua 395 hướng lên những thung cảnh nổi tiếng ở miền núi California. Nhưng trước khi đến vùng núi đồi xanh mát, du khách phải chạy qua thị xã Adelanto nằm giữa một sa mạc khô cằn, thưa dân, không có chi để ngắm ngoài mấy cây xương rồng, mấy tiệm buôn cho người qua đường, và cũng chính nơi đây tọa lạc một ngôi thiền viện mới mẻ, có thể nói là lớn nhất của người Việt Nam tại California.

Đến chùa khoảng 10 giờ sáng, tôi đi loanh quanh không biết Thầy đang ở đâu, thăm nghĩ nơi đây lại vừa xây thêm vài cấu trúc mới. Quả thật không ngờ mới có mấy năm mà Chân Nguyên giờ đây lại bành trướng đến như vậy, và còn đang tiếp tục phát triển, xây cất thêm. Bên trong chánh điện có ba vị tăng áo vàng và dăm cư sĩ áo lam đang tụng kinh, tiếng tụng đều đều vang vọng giữa những bức tường và nền gạch bóng loáng. Tôi lễ Phật, lễ các ngài Bồ Tát, xong đi ra ngoài đến lễ trước tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, một pho tượng cao to lừng lừng giữa sân chùa mênh mông, có sức thu hút như nam châm đưa khách thập phương từ nơi xa xôi đến tận đây.

Ngước lên chiêm bái tượng “Phật Bà” nổi bật trên nền trời xanh đang có những đường khói trắng do phản lực cơ để lại, lòng tôi không khỏi gờn gợn xúc động tuy đây không phải là lần đầu đứng đây đánh lễ. Ở gương mặt đầy đặn tuyệt đẹp và rất có thần của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, tôi cảm thấy một điều gì khó diễn tả bằng lời. Không sâu muợn nhưng lại bao trùm một nỗi thương cảm chứa chan cho kiếp nhân sinh; một tấm lòng hiền dịu bao la của bậc từ mẫu mà ẩn tàng cả một sức mạnh uy nghiêm của đấng cha lành. Do lúc ấy sân chùa vắng, không cần nhường chỗ cho người khác, tôi quỳ trên tấm nệm thêm vài phút để được thư thả ngước lên chiêm ngưỡng ngài, muốn nói hết tâm tư và ước nguyện với ngài, cùng với lời khẩn nguyện như mọi lần, rằng “Ngài hãy giúp con, chỉ đường cho con sống sao cho đúng với chánh pháp, đúng với lời Phật dạy, sống sao cho có lợi ích cho mọi người, mọi chúng sanh.”

Tôi chụp mấy bức ảnh, rồi đi vòng ra phía sau thiền viện tìm thầy viện chủ. Ở đằng nhà bếp, thấy một chị đứng tuổi đang bận rộn dọn dẹp mấy thùng rau, tôi ngần ngại chưa dám hỏi thì người phụ nữ trong bộ đồ

nâu đậm lem luốc bỗng ngẩng đầu, tặng cho tôi một nụ cười thân thiện, tỏa sáng trên gương mặt chân phương không trang điểm.

“Chị có biết thầy viện chủ ở đâu không? Tôi đang đi tìm thầy,” tôi cất tiếng hỏi.

Vẫn giữ nguyên nụ cười tươi, chị đáp với giọng lơ lớ của người gốc miền Trung, “Ngay kia kia, thầy ở trong đó đó.” Thấy tôi nhìn ngơ ngác, chị liền bỏ thùng rau xuống, đi thoăn thoắt ở phía trước, thỉnh thoảng quay lại ngoác tay cho tôi đi theo. “Kìa, cái nhà đó. Thầy ở trong đó đó. Anh vô trông sẽ gặp thầy.”

“Đó đó” là một ngôi nhà xây cạnh phòng bếp, tuy nhỏ nhưng khang trang, tươm tất với cây cảnh bày biện ở chung quanh. Thấy chị quay trở lại hướng bếp, tôi nói lời cảm ơn và không quên hỏi tên chị.

“Tên em là Hoa, ở đây ai cũng gọi em là Hoa chuối chiên,” chị nói vẫn với nụ cười như người thân quen. Nghĩ tôi chưa hiểu về cái tên lạ, chị nói tiếp, “Ở chùa này em là người có nhiệm vụ chiên chuối, nên ai cũng gọi em là Hoa chuối chiên.”

Hầu như lần nào đến chùa, bất cứ ngôi chùa nào, tôi cũng thường gặp những người vui vẻ, thân thiện như chị Hoa đây. Gặp quý thầy hay quý cô dễ thương ở chùa là chuyện đương nhiên rồi, nhưng hình như ai ở chùa cũng hiền lành, dễ thương, cả mấy con chó giữ chùa cũng vậy, tôi nhận thấy qua kinh nghiệm của chính bản thân.



(Hình Phúc Viên)



Bên trong chánh điện Chân Nguyên Thiền Viện sáng Chủ Nhật, 1 tháng 4, 2018.

Thế nên những năm sau này tôi khó giải thích cho mấy bạn văn từng một thời thân quen hiểu tại sao tôi không muốn, và không thích, ngồi ở quán cà phê hay la cà ở quán nhậu nữa. Ở chùa vui hơn, bạn cứ đi rồi sẽ hiểu, sẽ nếm được cái vui đạo vị như tôi đã may mắn được thọ hưởng.

Đến trước ngôi nhà “đó đó,” tôi thấy có một đôi dép nữ. Cửa không khóa nên tôi mở hé, vừa đủ để thò đầu vào hỏi thăm. Ở một bên phòng, tôi thấy một vị tăng đeo mắt kính đen che gần nửa khuôn mặt, mặc bộ đồ nâu đậm, ngồi phía sau một chiếc bàn gỗ như trong một văn phòng hành chánh. Trước bàn là hai chiếc ghế gỗ dài, có một phụ nữ cũng đứng tuổi cỡ tôi đang ngồi thưa chuyện với thầy. Tôi chào thầy và chào người đàn bà có nét mặt buồn bã, xong nói sẽ trở lại sau, và khép cánh cửa để cho thầy được tiếp tục câu chuyện với bà.

Thời gian chờ đợi tuy lâu nhưng cũng hay hay. Thấy chung quanh ngôi nhà nhỏ có một lối đi tráng xi-măng, tôi liền “hành thiền” trên lối đi ấy, bước chậm rãi vòng quanh nhà theo chiều kim đồng hồ như đi nhiễu Phật. Đi không biết bao nhiêu vòng mà lòng không chút nóng, vẫn luôn thấy thanh thản nhẹ nhàng. Bầu trời xanh đang vào xuân, nhiều loài chim tụ về chùa.

Giữa vùng sa mạc Adelanto mà có nhiều chim là chuyện hơi lạ. Chim muôn bay về đây vì sân chùa trồng nhiều cây, tôi đoán vậy. Theo dõi một lát, tôi thấy từ mái chùa lợp ngói đỏ theo lối âm dương, dọc theo viền

mái có vô số khe nhỏ cho loài chim ẩn náu khi trời nóng, che gió khi trời lạnh. Mãi xem chim chơi đùa tíu tít dưới mái nhà, bay nhảy tung tăng trên các nhánh cây đang bắt đầu trổ lá non, ban đầu tôi không nghe tiếng người phụ nữ gọi nhắc khi bà bước ra ngoài và ra hiệu cho tôi vào gặp thầy. Bà ăn mặc tươm tất, nói nhỏ nhẹ lịch sự, nhưng nét mặt không được tươi, ánh mắt đượm màu sầu não. (Trong cuộc nói chuyện với thầy, khi hỏi về khách từ phương xa về đây, tôi được biết người phụ nữ kia đã bay đến từ Đức quốc).

Thầy Thích Đăng Pháp, 77 tuổi, có dáng dấp tâm thước, đi đứng khoan thai, nhẹ nhàng mặc dù thân người đã đầy đà theo tuổi tác. Ngay từ phút đầu mới gặp, thầy viện chủ đã làm cho tôi cảm thấy dễ chịu, thoải mái khi tới gần. Không biết đó là do nụ cười, do giọng nói nhẹ nhàng, hay do phong cách chơn chất từ bi của Thầy?

Tôi dự tính buổi nói chuyện với Thầy sẽ dài chừng 30 phút, xoay quanh mấy câu hỏi về thuở ban đầu và tiến triển hiện nay của Thiền Viện Chân Nguyên, và quan trọng nữa là về tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm nổi tiếng là linh thiêng của thiền viện. Dự tính ấy đã tan biến khi tôi nghe Thầy phán mấy câu kèm với tiếng cười nhẹ, “Ồ, ngài Quán Thế Âm thì thầy nói mấy ngày cũng không hết chuyện. Nhiều lắm, kể không hết. Anh muốn nghe thì cứ ngồi đây với thầy.”

Cuộc đối thoại, hay đúng hơn là buổi thầy nói-tôi



Tết Nguyên Đán đầu háng Hai 2013

nghe, kéo dài khoảng hai tiếng đồng hồ, không kể lúc nghỉ để ăn trưa và mấy lúc cần ngưng lại để Thầy tiếp những gia đình muốn vào lễ Phật và cúng dường. (Lúc ấy tôi mới biết trong ngôi nhà nhỏ này còn có một bàn thờ trang nghiêm trong cùng phòng Thầy ngồi tiếp khách, chỉ cách tôi mấy thước, với những tượng Phật và Bồ Tát được điêu khắc rất mỹ thuật).

Thay vì viết lại toàn buổi nói chuyện có nhiều chi tiết rất lý thú “kể không hết” đúng như lời Thầy nói, vì sự giới hạn của khuôn khổ tờ báo Tinh Tấn, tôi chỉ xin ghi giản lược những lời chính Thầy Đăng Pháp đã kể, để bạn đọc biết thêm về ngôi chùa, về thầy viện chủ, về vài người đã đóng góp lớn cho chùa, và về cơ duyên đưa đến một tôn tượng có sự linh thiêng huyền bí không thể nghĩ bàn.

Gian nan thuở ban đầu

“Chính ở đây, nơi này, thầy xây dựng chùa trong vòng tám năm mà được thành tựu như thế này cũng nhờ ơn của Bồ Tát Quán Thế Âm trợ duyên cho thầy. Thầy là người được chịu ơn nên thầy nguyện đem đời sống cũng như tính mệnh để mà phục vụ đạo pháp.

“Nhờ lòng trung kiên chịu đựng và nhẫn nhục như vậy thầy mới có được giấy phép của chính quyền County và xây dựng thiền viện này. Trước khi thầy xây dựng thì ở đây chỉ là một khoảng đất giữa sa mạc, không có nước, không có điện, không có tất cả; khí hậu thì quá khắc nghiệt, nhiệt độ mùa hè thì từ 100 đến 110 độ F

(từ 38 đến 43 độ C), mùa đông thì lúc nào cũng giá buốt và có khi đông đá.

“Thú thật, với sức chịu đựng có giới hạn của một con người, đôi khi thầy muốn thối chí bỏ đi. Nhưng nghĩ lại thầy đã được ơn trên gia hộ, vì khi xưa thầy ở Michigan thầy có phát nguyện xin ngài cho con tìm được một nơi để làm một mái chùa. Lúc đầu ở Michigan có được một số người Việt nhưng dần dà họ về hưu và đi Cali, số còn lại là những vị lớn tuổi, chỉ muốn tụng kinh thôi, còn thầy là loại người thích hoạt động, ưa làm việc này việc nọ có tính cách lớn lao hơn một chút. Vì vậy thầy xin ơn trên cho thầy tìm một nơi để làm một ngôi Tam Bảo.

“Dù mảnh đất quá lớn lao, sự phát triển quá mạnh ngoài tầm tay nhưng mà thầy cũng cố gắng, chính sự cố gắng đó đem cho thầy một ý chí để phát triển cho Phật Giáo, sự phát triển đó mỗi ngày một lớn mạnh, nhờ sự hỗ trợ của các Phật tử, nhất là các người có lòng trung kiên nơi Phật Giáo. Chính những chỗ đó đã làm nơi nương tựa để thầy vững tiến và có niềm tin.

“Tuy nhiên, giữa vùng sa mạc, nơi mảnh đất cao 3,000 feet (Adelanto có cao độ chính xác là 2,871 feet, tương đương 875 mét) thì thật khó khăn vô cùng. Nhưng không vì khó khăn mà thầy nản chí. Thầy tin tưởng ở sự nhiệm mầu của Phật pháp và chính sự tin tưởng đó đã trợ duyên cho thầy.

“Thiền viện đầu tiên là miếng đất rộng 15 mẫu (acres), tiền bạc để xây dựng là do Phật tử ủng hộ đóng



Mấy căn trailer không người ở Thiền Viện Chân Nguyên đầu tháng Tư 2018.

góp rất là nhiệt tâm, và Phật tử đã cùng chung lưng đấu cật để tạo dựng lên ngôi thiền viện trong vòng tám năm. Đến nay tốn kém lên đến trên 10 triệu hay hơn nữa, mười mấy triệu. Thầy cũng không ngờ đời mình lại được như thế này.”

Thoát chết trong thời chiến VN

“Từ nhỏ, thầy rất thích đạo. Hồi 5 tuổi thầy học trường đạo của Công Giáo. Lớn lên một chút thầy thấy đạo Phật thích hợp với mình hơn nên nghiên cứu thêm và từ đó thầy có niềm tin ở đạo Phật vô cùng. Có một thời, thầy học với thầy Mãn Giác ở Đại Học Văn Khoa, say mê Phật Pháp và rất thích đi chùa. [...]

“Thầy là nhà binh. Năm 68 (ở Huế) Việt Cộng vô tìm giết thầy. Nó đã bắn chết thằng em thầy. Thầy đứng thấp nhang khấn, xin ơn trên mách cho phải làm gì, đi hướng nào để thoát, hay thà rằng để bị bắn ở đây cho gia đình được nhận xác, thì thầy thấy làn khói nhang chỉ thẳng về ngã cửa sau. Thầy đi ra cửa sau, thấy ngay một ông Việt Cộng đứng sau cửa. Thầy đi tới không được, đi lui cũng không được vì hấn ở trong nhà rồi. Thầy nghĩ thôi để cho nó bắn, dù sao thì chết ở đây ba mẹ thầy còn thấy xác. Không ngờ ơn trên xui khiến nó không thấy thầy. Trời hơi chạng vạng. Thầy chạy qua được nhà bên kia, có bà hàng xóm đang còn nấu cháo heo. Thầy nói Việt Cộng vô bên nhà tôi rồi, cho tôi vô đi. Bà mở cửa cho thầy, chỉ lên chỗ lú nằm. Nằm trong đó 11 tiếng đồng hồ thì quân đội mình mới vô chiếm lại được, rồi đưa thầy xuống.

“Sau tới vụ Đại Lộ Kinh Hoàng thầy bị một trận nữa, thầy thấy rõ ràng Quán Thế Âm cứu thầy. Thầy đứng trên nóc xe tăng mà cứ thấy hình ảnh của Bồ Tát Quán Thế Âm mặc đồ trắng ngoắc tay chỉ đường cho thầy nhảy xuống mà thầy không tin. Thầy không xuống, thì từ trên cao chiếc xe tăng bỗng lật xuống ruộng thấp. Thầy rớt ra, rồi xe tăng cứ chạy, chạy được khoảng 50

thước thì Việt Cộng nó bắn chiếc xe tăng tan nát, chết hết.

“Khi đó thầy làm chỉ huy trưởng, chỉ huy mấy trăm thằng lính, lính hấn chết gần hết, thằng phó tiểu đoàn của thầy nó cũng tiêu. Cái thằng cầm tay lái cho thầy dứt lòi ruột, thầy đưa cái bi-đông nước cho nó. Một bên là núi một bên là biển. Đạn từ trên núi bắn xuống như mưa, lính chết nhiều vô số kể mà thầy thoát chết. Vụ đó là 1972 năm khi thầy được lệnh bỏ Quảng Trị.

“Thầy đụng nhiều trận lắm. Trận Khe Sanh nữa. Việt Cộng chúng nó tràn vô, vô quá nhiều, vô đen rồi. Bây giờ phải mở đường máu đi ra bằng đường bộ, đi vô Đà Nẵng [...] Vậy mà thầy cũng sống sót.

“Chính nhờ vậy mà thầy nhận ra mình có duyên với ngài Quán Thế Âm, như lần thầy được ngài đẩy thầy ra khỏi xe, thầy rơi xuống ruộng mà thầy sống.”

Gặp may vượt biên đi Mỹ

“Năm 76 thầy mới đi Mỹ, đây cũng là một chuyện rất hên. Trước năm 75, thời VNCH, khi thầy về trình diện Tổng Tham Mưu thì họ đang cần một người để đi theo phái đoàn ra dàn dẫu hỏa Hoa Hồng. Ngó qua ngó lại không thấy ai, họ chụp thầy đi (cười). Bởi vậy thầy nói thầy có nhiều cái hên.

“Khi Cộng Sản lên, Cộng Sản tưởng thầy làm trong dàn Hoa Hồng và biết khai thác dầu ngon lành chi đó nên khi thầy trình diện họ đưa thầy về dạy nơi Ty Địa Chất ở Yên Đỗ Sài Gòn. Họ kêu thầy sửa lại mấy cái dàn máy khoan. Thầy cho họ biết là mấy cái đầu máy khoan làm bằng hột xoàn đã bị tháo đem đi hết rồi nên không dùng được. Cán bộ chê thầy anh ăn học cách chi mà anh dốt thế, sao anh không đem máy khoan của Liên Xô thay thế. Thầy nghe mà ráng nhịn, cũng không dám cười.

“Họ đưa thầy ra ngoài dàn khoan nổ, bỏ thầy đó rồi đi ăn đi nhậu. Cái nhóm người ngoài Rạch Giá gặp thầy nói cho tui dẫu đi rồi tui cho ông đi. Thầy nói tui làm việc ở đây chớ đi dẫu mà đi, nhưng họ nói họ biết thầy là người trong Nam, họ biết vậy là vì mấy ông ngoài Bắc vô thì ốm teo ốm tách còn ông thì cái ruột chình bình. Thầy cũng cười nói thôi tui không biết, tui không nói chuyện với mấy ông nữa, tui leo lên boong tui ngủ đây, thầy làm lơ cho họ đó mà.

“Ba ngày sau họ chạy tới kêu thầy xuống, đưa ra hai điều kiện, Một là ông đi theo bọn tôi, mà ông ở nhà thì tôi cũng bắt ông lên thuyền, tôi không cho ông ở lại



Thầy Đăng Pháp bên ngoài tịnh thất của Thầy.

đây nữa. Rồi họ đẩy thầy lên thuyền. Lên rồi họ hỏi ông có coi địa bàn được không, ông nhà bình mà. Thầy nói được. Họ đưa cho thầy cái địa bàn. Thuyền chạy rất nhanh, qua thẳng Songkhla (Thái Lan) luôn. Người ta thì đi lạc tới lạc lui, mà thầy đi thẳng một mạch là tới, chỉ mất mười mấy tiếng đồng hồ vô ngay Songkhla luôn, rất là gân.”

Tị nạn ở Michigan

“Thầy qua Mỹ năm 1976. Thầy ở Michigan, được một cái nhà thờ bảo lãnh. Họ lo cho thầy sung sướng lắm, thuê apartment cho thầy ở, đem đồ ăn tới. Sau, họ bảo thầy rửa tội đi, nếu không rửa tội thì họ không giúp đỡ được. Thầy thấy buồn buồn trong lòng, mới đi ra quanh quanh để kiếm việc.

“Thời đó không có bóng một người Việt. Thấy ai tọc đen thầy cũng chạy tới mà toàn là Tàu hay Phi Luật Tân. Ôn trên đưa đẩy, thầy đi tới một tiệm McDonalds, nói với họ tao muốn xin việc, mà có việc chi cho tao làm, lương bao nhiêu cũng được, tao cần có bữa ăn, mà cứ để tao làm thử vài ngày, nếu mà không ưng thì cứ trừ tiền ăn vô tiền lương.

“Thầy thầy quyết chí, nó cho thầy làm thử một tuần rồi nhận thầy vì thấy thầy làm việc siêng năng. Nó trả lương thầy 2 đồng 15 một giờ, vậy là thầy mừng rồi. Ăn xài tiện tặn, mỗi tuần thầy còn lại 80 đồng. Cứ bốn tuần như vậy thì thầy lấy tiền đó ra mua cơm cho homeless ăn vì thấy họ khổ quá. Thầy vô quán cơm xã hội giao chừng nớ tiền rồi dặn họ bán cách sao cho mấy người nghèo này có đủ ăn. Có khi thầy hết tiền xăng phải về mượn người ta. Có mấy người Việt Nam qua sau nói là thầy ngu vừa vừa thôi để cho họ ngu với, thầy đã nghèo

mà còn đi cho tiền mấy thùng hút thuốc phiện.

“Thầy nói có thể người ta không tin, cái duyên của thầy với đạo đã được gieo duyên từ khi thầy nghèo. Lúc mẹ thầy cho thầy đi học lớp võ lòng ở dưới quê, cho hai, ba đồng chi đó để thầy ăn xôi, ra gặp ăn xin là thầy cho hết.

“Đi làm được một thời gian thì thầy để dành được hai trăm mấy. Tự nhiên thầy đi ra và gặp được Quán Thế Âm. Bữa đó thầy đi vô tiệm JC Penney, thấy nó để mấy cái tượng để bán, trong đó có một bức tượng Quán Thế Âm chung với tượng Khổng Tử này nọ mà người bán cũng không biết là tượng Quán Thế Âm. Thầy thích quá, hỏi giá bao nhiêu. Người bán hàng nói hai trăm rưỡi. Thầy nói thầy có 185 đồng và xin nó hạ giá, discount đi. Nó nói để nó vô hỏi manager, manager chịu hạ xuống còn 220. Thầy nói 220 tôi cũng không có đủ,

thì có cái bà làm việc bên kia thấy thầy thích quá, bà động lòng trắc ẩn sao đó nên nói, "Tôi cho ông mượn nhưng mà tuần sau ông lãnh lương trả lại cho tôi." Hấn cho thầy mượn 22 đồng. Nhờ vậy thầy mới khiêng được cái tượng về, để trên tủ thờ, tối tối đọc kinh.[...]

“Từ tiệm McDonald's, thầy gặp hên nữa. Một ông thực khách theo dõi cung cách làm việc của thầy, biết thầy mới qua. Ông ta hỏi thăm thầy rồi giới thiệu thầy đi học đại học. Tuy Anh văn yếu nhưng nhờ có căn bản Toán, Lý Hóa, thầy thi vô và được miễn 60 credit, chỉ cần học 64 credit thôi. Vừa học vừa làm thêm (xắt rau trong bếp) cho trường để kiếm tiền. Học chưa được một năm thì thầy và một số sinh viên khác được hãng Ford nhận vào, vừa học vừa làm cho họ cho đến khi ra trường thì chính thức làm luôn.

“Khi đó là năm 1981. Thầy thi quốc tịch, đậu quốc tịch, làm việc cho hãng Ford ở Grand Rapids, sướng lắm. Lương nhiều mà không biết tiêu chi, thầy có ý nghĩ lập một cái chùa. Được hai mươi mấy ngàn, mua cái nhà thờ hăm-bốn ngàn. Mua xong rồi thì không có thầy chi cả, một mình mình làm chủ lễ luôn, giống như mình đã cuốn vào cái nghiệp tu rồi. Thầy gom góp được năm người Phật tử, tự tụng kinh.

“Sau, từ một nhân duyên nảy sinh khi làm Phật sự, thầy dứt khoát lên đường, xuất gia luôn. Ngôi chùa ở Michigan đó, thầy giao hẳn cho các ni cô và hiện vẫn còn hoạt động..”

Tại sao thầy đến sa mạc này?

Sau một thời gian tu ở Thiền Viện Đại Đăng ở Bonsall, Nam California, Thầy Đăng Pháp tìm đến vùng

sa mạc Adelanto, kéo một cái nhà mobile home vào miếng đất trống và tu một mình ở đó.

“Thầy chọn về đây là chính ở niềm tin. Chỗ đất đây rộng 15 mẫu. Thầy làm những chuyện đôi khi như đội đá vá trời thật, những chuyện không thể tưởng tượng được. Mà nó thành tựu được là nhờ cái can đảm của mình, và niềm tin của mình nữa. Ở đây cực lắm. Đến nổi một con chó, nó thương thầy nhứt, mà nó cũng chịu không nổi, nửa đêm nó bỏ nó đi.

“Mỗi sáng thầy nấu một nồi cơm, ăn với cháo không hà. Ở nơi đây không có chợ, không có nhà cửa chi hết. Cứ sáng cháo, chiều cháo. Con chó cũng ăn cháo với thầy. Lúc đầu ăn được, sau mặn quá nó ăn không được. Thầy nói, Lucky, thầy ăn chi thì con ăn nấy, ví dụ thầy ăn sượng mà cho con ăn cực thì con mới hận chớ. Hấn không nói chi cả, khuya hấn bỏ đi. Thầy buồn vì hấn gần cả tuần. Mỗi lần thấy cái dây xích của nó như là thấy nó, thầy nhớ đến nó. Nó trung thành với thầy vô cùng. Ngủ thì nó luôn ngủ dưới giường thầy. Thấy rấn là nó sủa lên, đẩy ba con rấn đi hết. Rốt cuộc nó cũng bỏ thầy nó đi.

“Năm 2000 thầy mua đất, bốn năm sau thầy bắt đầu làm những hàng rào, năm 2008 bắt đầu xây dựng. Thầy đâu có tiền, mua một mobile home để ở, không có tiền trả tiền thuế, thầy dẫn đoàn đi hành hương Ấn Độ. Mỗi đoàn chừng 40, 50 người thì thầy được từ 10 ngàn đến 15 ngàn. Đi tới đâu thầy thuyết cho họ nghe về di tích lịch sử. Thầy nghiên cứu rất rõ, thầy có viết trong quyển Tìm Về Chân Nguyên được thầy Mãn Giác viết tựa. Thầy Mãn Giác ngày trước cũng là giáo sư Văn Khoa của thầy.”

Chân Nguyên là tên của vị Thiền Sư Việt Nam. Theo Wikipedia, Ngài Chân Nguyên (1647 - 1726), còn có pháp danh là Tuệ Đăng, có công khôi phục lại thiền phái Trúc Lâm đời Trần.

Vị ân nhân người Mã Lai

“Thầy dẫn đoàn đi qua Trung Quốc, Mã Lai, gặp mấy cái đoàn nó cho tiền, cúng dường, như cái đoàn ông Mã Lai cúng dường cho thầy tượng Quán Thế Âm đó. Thầy dẫn đoàn 10 người từ Mã Lai qua Ấn Độ. Khi thầy dẫn đoàn này đến kinh thành Ca Tỳ La Vệ thì ông Mã Lai đó nói, tôi nói thiệt với thầy tôi đi với thầy tôi thích lắm. Hai tuần tôi sống bên thầy tôi cảm tình với thầy lắm. Tôi hỏi chi thầy cũng trả lời được hết. Nhưng mà còn một câu này nữa, tôi hỏi thầy trả lời giúp tôi.



Thầy bảo, ông nói đi.

“Ông nói, tôi thương vợ tôi lắm nhưng tôi lấy vợ tôi chín năm rồi mà không có con, làm sao cho có con?

Thầy tính nói với ông là ông hỏi cái này thì tôi chịu. Mà nói tôi chịu thì thầy mắc cỡ.

Thầy nghĩ tới ơn trên, xin cho thầy cách sao để thầy nói đây. Thầy ngó lại cái chòi thờ mấy con voi hồi trước Hoàng

Hậu Maya lúc đó hiếm muộn, 40 tuổi mà chưa có con, lập cái đàn đó để cầu nguyện mới sinh được Thái Tử Tất Đạt Đa.

Chính con voi trắng đó Hoàng Hậu Maya đã nằm mộng thấy và từ giấc mộng đó cận thần họp lại nói, Hoàng Hậu sẽ sinh ra một vị, nếu làm vua thì làm Chuyển Luân Thánh Vương, nếu đi tu thì thành Phật. Thầy mới nói với ông ấy, ông cứ tới đó ông cầu đi.

“Thầy nói cho ông yên tâm và cho qua chuyện, chứ nói mình không biết thì cũng dị. Rồi ông tới đó ông cầu. Ông cầu chưa được năm phút thì thầy hối ông đi, thầy nói chỗ linh thiêng thì ông cầu một phút cũng được, vì thầy không muốn bắt cả đoàn đứng đợi. Ông đi mà ông cứ ngó lui chỗ đó.

“Năm, sáu tháng sau, ông gọi điện thoại cho thầy theo cái số trong cái card mà thầy đưa, ông nói vợ tôi có mang rồi. Ui cha, ông mừng, ông nói bây giờ thầy muốn cái chi để tôi cúng dường. Thầy nói, để khi nào sinh đẻ ra đã rồi hấn hay chứ bây giờ tôi biết ra sao, thì ông nói với thầy năm tháng nữa ông sẽ qua đây giúp thầy xây chùa, thầy cứ tin tưởng nơi Phật đi thì mọi chuyện đều qua hết.

“Ông vẽ (bày) cho thầy tin tưởng như vậy nhưng





Lễ khởi công xây chánh điện vào sáng sớm ngày 11 tháng 9, 2010. (Hình Thiền Viện Chân Nguyên)

thầy cũng chẳng biết ra sao. Rồi ông nói, bốn tháng nữa thầy qua bên đó (Mã Lai), ông sẽ cúng dường nhiều tiền cho về làm chùa. Thầy nói ông cúng đủ tiền để tôi xây bức tượng thì tôi cảm ơn ông. Ông mới hỏi cái tượng bao nhiêu thì thầy mới nói cái tượng vào khoảng 75 ngàn. Ông ấy nói, ông cứ qua đi.

“Trong thời gian chờ mua vé máy bay ông ấy viết qua cái télégramme báo thầy cho cái số account của thầy để ông cúng tiền. Thầy đoán chắc ông cúng cho thầy cỡ năm ngàn vì thấy lúc ông qua Ấn Độ ông bận cái quần jeans, đi dép, mặc áo may ô, thầy tưởng ông cũng bình thường vậy thôi. Ai ngờ ông gửi qua cho thầy 100 ngàn.

“Khi nớ thầy mua vé máy bay đi liền. Thầy qua Mã Lai thăm ông trước khi về Việt Nam tìm đá xây tượng. Ở phi trường ông ấy cho xe limousine ra đón thầy, có cả mẹ ông, vợ con ông ra đón nữa. Thầy mới la ông sao không để tiền giúp người nghèo, đi thuê làm chi một chiếc xe đắt tiền để đón tui, tui mô (đâu) muốn ngồi trên xe limousine chẳng giống ai hết, ông làm như thế vô bổ quá, ông làm như thế mà nếu tôi dấy tâm thì ông tổn phước nữa. Ông để thầy nói cho đã rồi ông nói, Dạ thưa thầy xe ni của nhà con. Từ đó thầy không nói nữa vì biết mình lỗ quá. Mình cứ tưởng ông ăn bận vậy thì đâu ngờ ông giàu dữ vậy.

“Tới nhà ông ấy thì mới thấy (nguy nga trắng lẹ) không thể tưởng tượng được. [...] Rồi thầy giúp coi phong thủy cho ông theo lời ông thỉnh cầu. Sửa nhà xong chừng một tuần lễ thì ông ấy nói thấy có hiệu quả liền, ông không còn nhưc đầu, trái lại ngủ ngon không mộng mị. Ông ấy nói bây giờ thầy muốn làm cái chi con làm cho thầy. Thầy nói thầy chỉ cần về lo việc xây chùa bên Mỹ thôi. Ông nói, bây giờ có cái tượng con cúng 100 ngàn

rồi, vậy thầy còn có muốn chi nữa.

“Lúc đó thầy chưa có cái plan (kế hoạch) trong đầu, nhưng có nghĩ tới 18 vị A La Hán, thầy mới nói bây giờ cần 18 vị A La Hán. Ông nói, cái tượng Quán Thế Âm thì để cho con, khắc tên con; còn 18 tượng A La Hán thì con trả tiền hết nhưng cho người ta thỉnh để thầy lấy tiền đó thầy làm thêm việc này việc kia. Sau, mấy tượng đó được các gia đình người Tàu lấy hết, mỗi tượng là bảy ngàn. Nhờ vậy mà việc xây dựng tiến triển rất nhanh.”

Vị ân nhân đó tên là Chan Koon Tin. Hơn hai tháng sau tôi mới biết rõ cách đánh vần tên của vị thí chủ này, vì chính thầy cũng không nhớ. Tôi trở lại Thiền Viện vào một buổi sáng nóng đầu tháng Sáu, mong tìm ra nơi khắc tên ông Chan Koon Tin ở tượng Quán Thế Âm. Nhìn hoài không thấy mới vô hỏi thầy.

“Phải bắc thang, đứng ở dưới anh không thấy đâu,” Thầy nói.

Tới lúc đó tôi mới hiểu ra là tên của vị ân nhân Mã Lai đã được khắc ở chân tượng dưới đài sen, đặt bên trên bệ đá cao khoảng bốn thước, ngoài tầm mắt của cả hàng vạn người từng đến Chân Nguyên để chiêm bái Đức Quán Thế Âm giữa sa mạc. Nhờ một cư sĩ (có pháp danh Nguyên Thường) tìm ra cái thang, và nhờ thầy đứng vịn thang giùm, tôi mới leo lên vừa đủ cao để chụp bức ảnh ở chân tượng. Tôi là thợ viết chứ không phải thợ xây cất, nên cũng hơi run khi đứng ở nấc thang gần chót, ngoi đầu vừa đủ để thấy đài sen với tên của ông họ Chan. Bên dưới tên ông ta còn có tên vợ Teh Chai Foong và con trai Chan Chee Hong. Khi tôi xuống lại mặt đất, thầy bảo tôi viết tên của vị ân nhân cùng vợ con trên mảnh giấy, để thầy khắc một tấm bảng mới đặt ở bên dưới, cho mọi người được xem dễ hơn.



Lễ khởi công xây chánh điện ngày 11 tháng 9, 2010. (Hình Thiền Viện Chân Nguyên)

“Ngoài ông Mã Lai thì một người nữa giúp chùa là bác sĩ Võ Hữu Ngọc ở Los Angeles. Ông kết thầy hay sao đó. Mà ông cũng kỳ lắm. Ông đi vô cúng dường mà ngó thầy rồi ông đi ra, lúc thầy còn ở mobile home đó. Ông ngó thầy từ chân lên đầu rồi ông hỏi, thầy dám can đảm



Dòng chữ khắc dưới đài sen ở chân tượng Quán Thế Âm: Donation by Chan Koon Tin, Teh Chai Foong, Chan Chee Hong.

ra giữa sa mạc mà xây chùa à? Thầy nói, đã ra đây rồi thì biết là can đảm hay không can đảm, bây giờ leo lên ngựa rồi thì phải phóng thôi chứ còn làm gì nữa. Rồi ông nói, thầy làm chuyện đội đá vá trời, khả năng thầy bao nhiêu, thầy có tiền ư? Thầy nói, thì tiền của chúng sanh giúp; chứ thầy đi tu hai bàn tay trắng, ăn cơm của chúng sanh, mặc áo của chúng sanh thì phục vụ chúng sanh thôi, chứ thầy đâu có tiền.

“Thầy đang ăn, ông thấy thầy ăn cơm với chao, rửa thôi. Ông hỏi, thầy sống nổi ở đây để xây cái chùa không, thầy ăn rửa thì sống nổi không? Thầy nói, khi nào sống thì sống, khi nào đi theo Phật thì đi, xây không xây chết à?”

“Ông nhắc thầy làm ba vị Phật: Phật Thích Ca, đức Quán Âm và ngài Địa Tạng. Ông hỏi thầy xây ba vị Phật thì tốn bao nhiêu. Thầy nói, Phật bằng đồng, vị giữa 50, hai vị kia là 50. Ông cứ đi lui đi tới ngó thầy, ông đi ra rồi ông nói, thôi thầy để cho con. Rồi ông đi vô, viết cái check, xếp lại, bỏ xuống bàn cho thầy.

“Thầy không coi tới cái check, ra làm việc. Chiều, thầy vô ăn thầy mới coi.

Ông viết cái check 100 ngàn. Sau này ông còn cúng thêm 400 ngàn.”

Khối đá thiêng liêng từ Nghệ An

“Về vấn đề Bồ Tát Quán Thế Âm thiêng liêng nhiệm mầu. Ngày khánh thành tượng Quán Thế Âm thì buổi sáng đó (ngày 25 tháng 11, 2007), khoảng 6 giờ sáng, gần 200 người Mỹ (hay Mê) họ chạy vào, họ nói họ thấy ánh sáng lạ lùng quá, họ nói Đức Mẹ hiện về, họ quỳ xuống làm dấu và đọc kinh. Đồng thời đó, năm, sáu trăm người Việt tới dự lễ khánh thành ở đây thì đứng lạy Bồ Tát Quán Thế Âm. Hai bên cãi nhau. Thầy mới nói bây giờ quý vị tin Đức Mẹ thì quý vị cứ tin, người nào tin Bồ Tát Quán Thế Âm thì cứ tin, nhưng mà Đức Mẹ hay Bồ Tát đều là những vị cứu khổ cho nhân loại, đem niềm vui cho cuộc đời thì cứ tin đi, đừng có cãi nhau vô ích mà buồn lòng nhau.

“Pho tượng này được làm từ Việt Nam. Trong tiến trình làm cũng có điều nhiệm mầu nữa. Phải mất hai năm, sau bao nhiêu cầu nguyện không nản lòng thầy mới tìm được khối đá vừa ý, không bị tỳ vết, không bị đen. Khối đá này ở Nghệ An. Ngày lấy khối đá ra, trời mưa gió nhiều, làng bị lụt, cây cầu mà chiếc xe chở khối đá đi qua chưa được trọn vẹn thì bị sập, xe còn mắc kẹt lại hai bánh xe sau (xe có cả thủy tám bánh). Thầy chỉ còn biết cầu nguyện. Vậy mà cuối cùng xe cũng tiếp tục đi được, thật là mầu nhiệm vô cùng.

“Thành phố (theo quy luật an toàn) bắt buộc phải khoét bên trong của pho tượng đường kính 12 inches. Thầy đành phải thuê thợ Mỹ khoan một ngày một đêm (tốn mất 12 ngàn đô), rồi để sắt trong đó và phải đưa tượng lên thật cao rồi mới đặt xuống và cuối cùng đục một lỗ sau lưng tượng để bơm một loại xi măng đặc



Tôn tượng Địa Tạng Vương đang được đặt xuống trong chánh điện đang được xây ngày 13 tháng 10, 2010. (Hình Thiền Viện Chân Nguyên)

biệt. Thầy lại chỉ biết nhắm mắt cầu nguyện nếu ngài có duyên với con thì xin cho mọi việc được thực hiện. Thầy thật tình rất lo vì thấy không có cách chi mà đưa tượng lên cao tới 36 feet (11 mét). Nhưng cuối cùng họ dùng cần cẩu đưa tượng lên và đặt xuống an toàn thật là mẫu nhiệm.

“Nhưng có điều này còn mẫu nhiệm nữa. Có một bà Phật tử thầy còn nhớ cả tên bà, bà lên coi rồi lấy viên đá nhỏ khoét ra từ tượng Bồ Tát Quán Thế Âm đem về nhà thờ vì thấy có phóng hào quang. Có lần bà bị đau bụng dữ dội lúc nửa đêm, ông chồng kêu xe ambulance để đưa bà vào nhà thương emergency. Bà bỗng nhớ tới ngài Quán Thế Âm và lấy viên đá đang thờ xoa lên chỗ đau. Lạ thay cơn đau biến mất và bà không cần đi vào bệnh viện nữa. Sau khi lành bệnh bà có cúng (tượng) một con sư tử.



Chị Hoa 'chuối chiên' đang chiên chuối trong bếp.

“Bà nói mấy viên đá thiêng lắm, đừng vứt mà nên dùng làm tượng nhỏ nhỏ cho mọi người có thể thỉnh về. Thầy rọc đá, gửi về Việt Nam làm tượng. Trong vòng mấy tháng, thầy bán được trên 2,000 pho tượng, mỗi tượng 150 đô, và lấy tiền đó xây thêm chùa, coi như có thêm một nguồn tịnh tài để xây dựng. Thầy không xin ai hết. Phật tử thỉnh một, hai tượng về, thấy thiêng quá, lại quay lại thỉnh thêm để cho con cho cháu dòng họ thay vì cho chúng tiền bạc. Có người thỉnh cả 20 tượng.”

Và thầy trầm giọng cho tôi biết “250 chứng bịnh ung thư bác sĩ bó tay được chữa lành và 120 đứa nhỏ được sinh tại đây.”

Về bác sĩ Võ Hữu Ngọc ở Los Angeles, thầy nói thêm, ông đã đóng góp cho thầy khá nhiều, từ 500 ngàn đến 1 triệu bạc. Tất cả các tượng Phật lớn đều do ông cúng dường cả, gần cuối cuộc đời, ông

bán luôn cả phòng mạch và đem tới cho thầy ba, bốn trăm ngàn.

“Ông Ngọc đã qua đời và trước khi mất ông còn nói tôi đi nhưng tôi sẽ trở về làm việc đạo với thầy. Giây phút ông lâm chung, đã có những sự việc xảy ra khiến cho bà xã ông có thêm niềm tin vào kết quả của sự tu hành của ông. Vì vậy sau khi ông mất, bà tin nơi thầy và cúng dường cho thầy thêm hai trăm ngàn.”

Những chuyến xe lên Chân Nguyên

Không chỉ ông cự phú Mã Lai Chan Couteen, vợ chồng bác sĩ đại thí chủ Võ Hữu Ngọc, chắc chắn còn nhiều, rất nhiều Phật tử khác đã nhiệt thành đóng góp cho ngôi già lam này cũng như đặt hết niềm tin vào sự linh ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm, kể cả những vị mà



Angelina và Albert phụ trong bếp sau thời tụng kinh buổi sáng.



Các Phật tử đã bất ngờ đến chúc mừng sinh nhật Thầy Đăng Pháp (giữa), trong khi Thầy Linh Như (quản chúng của Thiền Viện Chân Nguyên, bên trái) và Thầy Linh Quang (phó quản chúng) cũng chia sẻ niềm vui vào cuối giờ thọ trai của một buổi trưa đầu tháng Sáu.

tôi đã gặp trên chuyến xe bus từ Orange County đổ về Adelanto.

Một tuần sau ngày được tiếp chuyện Thầy Đăng Pháp, tôi có đến bãi đậu xe để tìm hiểu về những chuyến xe bus chở người hành hương này. Đó là những xe bus lớn được chùa tài trợ để đón Phật tử khu phố Little Saigon lên vào những dịp lễ lớn trong năm như Tết Nguyên Đán, Phật Đản, Vu Lan, v.v... Chủ Nhật đó, ngày 8 tháng 4, cũng là ngày chùa Chân Nguyên



Hai người giơ tay là Phật tử mới lên Chân Nguyên lần đầu bằng xe bus từ Little Saigon, trên chuyến xe ngày 8 tháng 4, 2018 nhân dịp Lễ Vía Quán Thế Âm.

cử hành lễ Vía Quán Thế Âm (đản sanh), 19 tháng Hai âm lịch. Từ sáng sớm, ở bãi đậu phía sau siêu thị Best Choice (chợ Việt Thuận) tại góc đường Brookhurst và Chapman, trước giờ khởi hành lúc 8 giờ sáng, hai xe bus đã đầy hết chỗ ngồi, chứa hơn 120 người, hầu hết là phụ nữ lớn tuổi.

Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên khi thấy người đi đông đảo như vậy, một bác nói, “Lễ nào ở chùa Chân Nguyên tôi cũng đi, mà ngày Vía Quán Thế Âm thì người ta đi còn nhiều hơn mấy ngày lễ khác nữa. Ngài Quán Thế Âm ở chùa đó linh lắm.”

Tuy chưa hiểu hết về sự linh thiêng của Ngài là như thế nào, và có lẽ sẽ không bao giờ hiểu được tận nguồn, nhưng qua những mẩu chuyện do Thầy Đăng Pháp kể lại, và do các đạo hữu khác cung cấp, tôi cũng cảm được một phần nào sự linh ứng của Ngài Quán Thế

Âm dành cho những người cầu đạo, cho những ai ước nguyện được sống một đời phục vụ đạo, phục vụ chúng sanh. Dường như qua họ, Ngài thể hiện tình thương mang đến sự bình an cho những ai đang bị phiền não.

Bữa trưa đầu tháng Tư hôm ấy, sau mấy giờ nghe chuyện Thầy Đăng Pháp, tôi xin thầy cho chụp vài tấm hình của thầy. Rồi tôi đi quanh quần thể ghi lại mấy tấm ảnh trong chánh điện, ngoài sân chùa. Sau khi chụp thêm hình của bức tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, tôi vẫn chưa hài lòng, cảm thấy thiếu một cái gì đó mà mình cần phải làm trước khi rời chùa. Thế nên một lần nữa tôi lại quỳ dưới chân tượng, nhắm mắt cầu nguyện, và lần này tôi xin Ngài cho tôi một tín hiệu để biết có sự linh ứng của Ngài.

Mở mắt ra, ngược nhìn lên tôn tượng, vẫn là Ngài với nét mặt uy nghiêm và từ bi muôn thuở, in trên nền trời đang có mây thấp. Tôi bấm thêm một tấm cuối cùng trước khi rời Chân Nguyên. Tấm ảnh cuối cùng đó lại là tấm duy nhất có đầy đủ nét của Ngài, của chùa và cây cảnh chung quanh. Tôi chọn bức ảnh ấy làm bìa cho tờ báo mà bạn đang cầm trong tay, để chia sẻ một kinh nghiệm quý báu mà tôi biết sẽ khó có được lần thứ nhì. ♦

Chậu hoa xuân của chị PQ

Đoản bút HẠNH VIÊN
Hình PQ



Tết năm nay, giữa những ngày đầu xuân Mậu Tuất 2018, tôi tình cờ được một người bạn đạo kể cho nghe một câu chuyện nhỏ khá lạ lùng. Sau khi kể qua điện thoại, và theo lời yêu cầu của tôi, chị có chụp ảnh và text cho tôi phần “minh họa” câu chuyện kèm với những lời này: “Mình chưa kể cho ai kể cả người trong nhà... Mình kể dài dòng với bạn để hạt giống bồ đề của bạn thêm tăng trưởng..”

Bây giờ tới phiên tôi thuật lại câu chuyện có thật ấy cho các bạn nghe, nhưng với tài sơ đúc mỏng tôi thật sự chỉ biết làm một người trung gian, tin hay không xin tùy ở bạn..

Chiều cận Tết hôm ấy chị P.Q. trong lúc viếng chùa H.Q. ở Santa Ana để mua đồ chay về cúng ông bà thì được một người bán hoa ngay trong chùa mời mua hoa. Mua hoa giúp chùa thì chị không ngại gì, nhất là khi gặp cái nhìn van nài tha thiết của bác Phật tử đứng bán. Nhưng khổ nỗi là bình hoa lan “chợ chiều” ấy không tươi tắn chút nào, nếu không nói là rất tẻ. Nó “chỉ là một nhánh hoa hơi héo đang có ba hoa”, theo nguyên văn lời chị viết trong phần tin nhắn. Chị thậm lo là mua rồi đem về nhà nếu hoa héo và chết lúc đầu năm chắc là ông xã sẽ không vui.

Không hiểu sao, một ý nghĩ nảy ra trong đầu và chị thực hiện liền. Chị an nhiên mua hoa và cung kính mang chậu lan đó tới trước tượng Quán Thế Âm Bồ Tát dâng lên cúng dường ngài và “nhờ ngài tưới nước cam lồ lên bình hoa để ai có duyên lành nhìn đến sẽ an lạc và phát huệ tinh tấn.”

Cũng theo lời chị kể, “sau khi mua hoa mình đến nhà bạn để cho quà bánh tết. Cô đó nhìn bình hoa trong xe mình và không nói gì hết. Có lẽ cô ấy cũng lo hoa sẽ chết nhưng không dám nói ra.

“Khi mình đem hoa về nhà thì mọi người đã vào phòng ngủ nên không ai để ý đến bình hoa này. Thật vô cùng mâu nhiệm, sáng sớm mình thức dậy thấy bình hoa trên bàn tươi tắn hẳn ra. Rồi những ngày kế tiếp đơm nụ thật nhanh không ngờ. Mỗi ngày mình nhìn hoa thêm xinh mà vô cùng xúc động. Rất tiếc mình đã không chụp hình lúc hoa héo để so sánh với hoa hôm nay. Mình không kể cho ai trong nhà biết rõ những chi tiết này – vì họ tuy cũng tin có Phật Trời nhưng không có cùng chí nguyện như mình nên mình chưa muốn nói. Mình chỉ kể dài dòng với bạn để hạt giống bồ đề của bạn thêm tăng trưởng..

“Mình không hiểu làm thế nào mà hoa kết nụ và nở thật nhanh. Thông thường loại hoa này ra nụ nở chậm lắm.”

Với bạn thì không biết ảnh hưởng ra sao, chứ câu chuyện đầu xuân của chị P.Q. đã là một món quà quý cho tôi. Bởi nó làm tôi liên tưởng một đoạn văn mô tả các khía cạnh trong đức tin Phật Giáo mà ngài Matthieu Ricard, một tăng sĩ người Pháp nổi tiếng, từng đề cập trong quyển “Tăng Sĩ và Triết Gia”:

“Thứ nhất là cảm giác của sự sáng tỏ và phần chấn trỗi dậy khi nghe được lời dạy tâm linh, hoặc cuộc đời của Đức Phật, hoặc một vị đại sư nào đó. Đó là một loại thích thú rất hiển nhiên”.



Vâng, quả tình từ câu chuyện nhỏ này trong tôi đã có được “một sự sáng tỏ và phần chấn trỗi dậy” thật sự, như thể tôi cơ hồ nhìn hoa thấy Phật. Chắc bạn đang cười tôi “bà già trâu”. Nếu quả vậy thì tôi xin chịu. Tại sao không? Phật tánh có mặt mọi nơi trong pháp giới mà. ♦



Đại Nguyện

Của

Bồ Tát Quán Thế Âm



TT THÍCH LIỄU NGUYÊN

dịch nghĩa & tác thơ

1 Nam mô hiệu Viên Thông, danh Tự Tại, Quán Âm Như Lai, quảng phát hồng thệ nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Viên Thông, Tự Tại, Quán Âm Như Lai, Ngài đã phát ra mười hai nguyện lớn, cứu độ chúng sanh.

*Tu thành Bồ Tát Quán Âm
Viên Thông, Tự Tại, Diệu Âm cứu đời
Mười hai nguyện lớn sáng ngời
Từ Bi, Trí Tuệ, độ người an vui.*

2 Nam mô nhất niệm tâm vô quái ngại, Quán Âm Như Lai, thường cư Nam (Đông) Hải nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, thường ở biển Nam (Đông) Hải, tự tại vô ngại, cứu độ chúng sanh.

*Không ngại sóng gió dập vùi
Quán Âm Tự Tại, đẩy lùi bão giông
Bao thuyền gặp nạn biển Đông
Quán Âm cứu khổ, thông dong thoát nạn.*

3 Nam mô trú Ta Bà U Minh giới, Quán Âm Như Lai, tâm thanh cứu khổ nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, thường ở cõi Ta Bà - U Minh, tìm tiếng kêu cứu của chúng sanh, mà liền đến cứu giúp.

*Ta Bà bao chốn nguy nan
Quán Âm nghe tiếng, bình an trở về
U Minh lắm chuyện não nề
Quán Âm niệm niệm, bốn bề bình yên.*

4 Nam mô hàng tà ma, trừ yêu quái, Quán Âm Như Lai, năng trừ nguy hiểm nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, Ngài thường hàng phục, tà ma quỷ quái, đem lại bình yên, hạnh phúc cho mọi người.

*Gặp lúc ma quái, chẳng yên
Niệm danh Bồ Tát, chúng liền tránh xa
Tà ma, quỷ quái quấy phá
Quán Âm Bồ Tát, độ tha quy hàng.*

5 Nam mô thanh tịnh bình thủy dương liễu, Quán Âm Như Lai, cam lộ sái tâm nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, tay cầm dương liễu, tay cầm tịnh bình, rưới khắp thế gian, chúng sanh mát mẻ, tâm liền hỷ hoan.

*Tình thương Mẹ trải muôn ngàn
Tay cầm tịnh thủy, muôn vàn từ bi
Tay cầm nhánh liễu dương chi
Cam lộ rưới khắp, tâm si rạng ngời.*

6 Nam mô Đại Từ Bi, năng Hỷ Xả, Quán Âm Như Lai, thường hành bình đẳng nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, Đại Từ Đại Bi, Đại Hỷ Đại Xả, bình đẳng cứu giúp chúng sanh.

*Bình đẳng cứu giúp bao người
Từ bi thương xót muôn nơi nương nhờ
Hỷ xả trải rộng vô bờ
Quán Âm hiện khắp mê mờ xóa tan.*

7 Nam mô trú dạ tuần vô tổn hại, Quán Âm Như Lai, thệ diệt tam đồ nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, đêm ngày đi khắp, cứu giúp chúng sanh khỏi bị sự tổn hại và thoát cảnh tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

*Tam Đồ cảnh khổ muôn vàn
Niệm danh Bồ Tát xóa tan ngục trần
Cọp beo, thú dữ vây quanh
Quán Âm thị hiện, liền nhanh thoát nạn.*

8 Nam mô vọng nam nham cầu lễ bái, Quán Âm Như Lai, già tòa giải thoát nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, khi người nào gặp lúc bị gông cùm xiềng xích mà hướng về hướng Nam lễ bái Ngài thì lập tức thoát được nạn gông cùm.

*Gặp lúc xiềng xích khổ nàn
Hướng Nam vọng bái, bình an đến liền
Bị tù, đánh đập liền miên
Quán Âm nhớ niệm, bình yên tức thời.*

9Nam mô tạo Pháp thuyền du khổ hải, Quán Âm Như Lai, độ tận chúng sanh nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, chèo thuyền Bát Nhã, trong biển khổ muôn trùng, để cứu vớt hết thấy chúng sanh.

*Chúng sanh khổ hải ngập trời
Quán Âm thương cứu mảnh đời khổ đau
Nương thuyền Bát Nhã trước sau
Theo chân Bồ Tát, cùng nhau an lành.*

10Nam mô tiền tràng phan hậu bảo cái, Quán Âm Như Lai, tiếp dẫn Tây Phương nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, trước dùng tràng phan, sau dùng bảo cái, tiếp dẫn những ai phát nguyện tu theo ngài, đều được vãng sanh về cõi Tây Phương tịnh độ.

*Quán Âm tiếp dẫn vãng sanh
Tràng hoa, kỷ nhạc xung quanh hương ngàn
Có đủ bảo cái, tràng phan
Quán Âm hướng dẫn chỉ đường về Tây.*

11Nam mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh giới, Quán Âm Như Lai, Di Đà thọ ký nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Quán Âm Như Lai, Ngài được Phật Di Đà thọ ký thành Phật ở cõi Tây phương tiếp sau Phật A Di Đà.

*Phương Tây phước báo tròn đầy
Vô biên thọ mạng chốn này không sai
Di Đà thọ ký Như Lai
Quán Âm thành Phật tương lai cõi này.*

12Nam mô đoan nghiêm thân vô tử trại, Quán Âm Như Lai, quả tu thập nhị nguyện.

Nghĩa: Kính lạy Đức Quán Âm Như Lai, khi mãn mười hai đại nguyện, thân Ngài đoan trang không ai sánh bằng, là kết tinh của sự thực hành tròn đầy mười hai nguyện rộng lớn này.

*Mười hai nguyện lớn tròn đầy
Đoan nghiêm thân Phật đó đây không bằng
Từ Bi sáng tỏ vàng Trăng
Bao la Trí Tuệ ngập tràn ánh Dương.*



Thượng Tọa Thích Liễu Nguyên quê ở Quảng Trị, xuất gia từ năm 12 tuổi, hiện trú xứ tại Chùa Việt Nam, Los Angeles, hướng dẫn đạo tràng Chùa Thiền Quang, Midway City, đã ra mắt nhiều CD thơ, nhạc Phật Giáo.

Đôi Dòng Cảm Niệm

Con kính lạy Đức Mẹ Hiền Quán Thế Âm Bồ Tát!

Kính thưa quý Thiện Hữu Tri Thức, kính thưa quý Phật tử, cứ mỗi lần Liễu Nguyên nghĩ về Đức Mẹ Hiền Quán Thế Âm Bồ Tát, là mỗi lần nước mắt cứ rơi rơi. Vì cảm niệm biết bao công ơn trời biển của Ngài, đã bao lần đã chết đi cùng nhờ đức Từ Bi Trí Tuệ, từ 12 Đại Nguyện Lực của Ngài mà sống lại đến hôm nay.

Một lần bị nước cuốn trôi, quần quai trong cõi chết vậy mà chỉ cần nhớ đến Ngài thì Ngài liền hiện thân cứu giúp, cho con có lại sự sống, và sự bình an này.

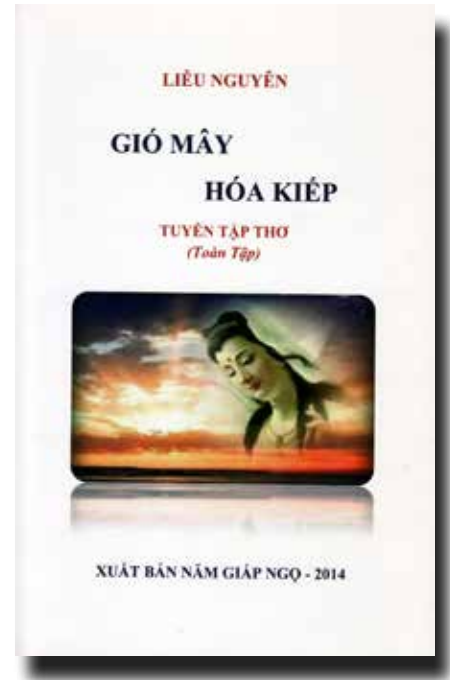
Lại có lần, gặp tai nạn gần như cụt tay máu chảy như nước đổ đến chết ngất, cũng nhờ nghĩ niệm đến tên Ngài, liền có người đến cứu giúp, tưởng chừng như không lành lại

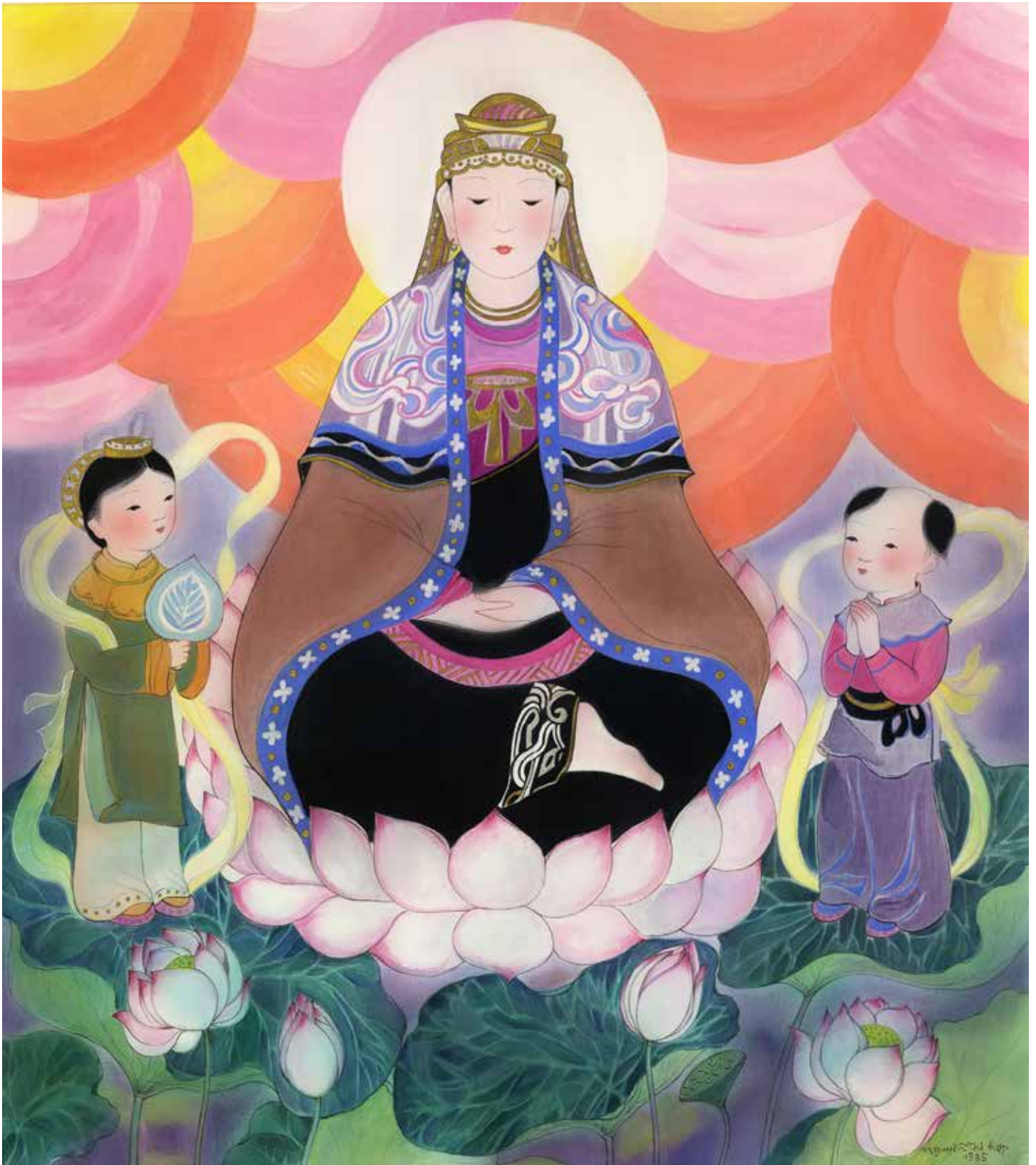
được, mà nay đã hồi phục gần như lúc ban đầu, giúp con có thể lái xe hay đánh máy những dòng cảm niệm này. Hay những lúc con bị tham, sân, si trôi dạt, chỉ cần nhớ niệm đến tên Ngài thì niệm an vui, hỷ lạc dâng trào trong Tâm. Con nghĩ không những chỉ riêng mình con, mà có nhiều Phật tử, nhiều người cũng từng đã được Ngài cứu khổ, khi gặp những cảnh khổ nguy nan mà nhớ niệm đến danh của Ngài: Nam Mô Tầm Thanh Cứu Khổ Nạn Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát, thì Ngài liền hiện thân cứu giúp đến chỗ an lành. Qua đó con mới cảm nhận được đức Từ Bi, Hi Xả và nguyện lực rộng lớn của 12 Đại Nguyện này.

Thiết nghĩ, công ơn bao la trời biển này, con làm sao đền đáp được? Con chỉ biết noi theo bước chân Ngài, học và tu tập theo 12 Đại Nguyện của Ngài để tự cứu khổ cho bản thân và những ai còn nhiều nghiệp chướng khổ đau như con.

Kính chúc quý Thiện Hữu Tri Thức và quý Phật tử và tất cả những người thân luôn luôn được nhiều an lạc và ngày càng tiến sâu vào biển trời Từ Bi và Trí Tuệ của mười phương chư Phật trên con đường giác ngộ của tự thân.

(Trích tập Gió Mây Hoa Kiếp - Liễu Nguyên, 2014)♦





Nguyễn Thị Hợp, Quan Âm Bồ Tát, tranh lụa (theo mộc bản dân gian) 1985

Sau khi đặt chân an toàn đến bến bờ tự do, nữ họa sĩ Nguyễn Thị Hợp đã thực hiện bức vẽ trên để tỏ lòng cảm niệm sự linh ứng gia hộ của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm mà chị và toàn thể gia đình đã nhận được trên bước đường vượt biển gian nan ngàn cân treo sợi tóc.

Lễ hội

Quán Thế Âm

Bài và hình
Thiện Chánh
TRẦN CÔNG NHUNG



Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm chùa Linh Ứng

Có thể nói phần đông người Việt theo tông phái Đại thừa nên ngoài thờ tượng Phật Thích Ca còn thờ tượng nhiều vị Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi, Phổ Hiền, Quán Thế Âm... Đặc biệt Bồ Tát Quán Thế Âm chùa nào cũng dựng tượng lớn, nhà nào cũng thờ tượng Quán Thế Âm. Dân miền Trung (Thừa Thiên Huế), đa số thờ Bồ Tát Quán Thế Âm.

Điều này dễ hiểu bởi Quán Thế Âm có nghĩa là quán chiếu, suy xét, lắng nghe âm thanh của thế gian. Theo Phẩm Phổ Môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sở dĩ ngài mang tên gọi như vậy là do hạnh nguyện từ bi cứu khổ nạn, mỗi khi chúng sanh gặp tai biến nguy cấp, liền nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát, ngài liền quán xét âm thanh đó, lập tức cứu họ thoát khỏi cơn khổ nạn. Do đó Bồ Tát Quán Thế Âm được tôn kính thờ phụng rộng rãi nhất trong Phật giáo Đại thừa, cũng như không chính thức trong Phật giáo Nguyên thủy.

Do lòng tôn kính đặc biệt Bồ Tát Quán Thế Âm nên nhiều tư gia bàn thờ Phật chỉ thiết trí tượng của Ngài. Riêng mỗi địa phương còn chọn nơi đặc địa dựng tượng Ngài thật cao lớn để hàng năm đến ngày vía (19 tháng 6 âm) tổ chức lễ hội.

Tượng Quán Thế Âm cao nhất nước hiện nay là

tượng ở chùa Linh Ứng trên núi Sơn Trà Đà Nẵng (67 mét). Ở Huế có tượng Phật Bà trên núi Tứ Tượng, nơi mỗi năm đến ngày vía Bà có tổ chức lễ hội rất lớn, hàng nghìn Phật tử tham dự. Núi Tứ Tượng (bốn voi) thuộc xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế, Quan Âm Phật Đài tọa lạc ở vị trí tại đỉnh đầu của một trong bốn con voi đó. Tượng cao chừng 18 mét từ chân đài lên đỉnh tượng, trước đây do Thượng Tọa Thích Từ Phong, trụ trì chùa Thiên Hương, Thủy Xuân, TP Huế và là người coi sóc Quan Âm Phật Đài. Sau khi Thượng Tọa Thích Từ Phong viên tịch, Quan Âm Phật Đài đã được Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên Huế giao cho Hòa Thượng Thích Khế Chơn quản lý. Cảnh sắc đã được tôn tạo nhiều. Tượng được tu sửa phần chính diện; các công trình chính phụ được xây dựng thêm; bên trong đài tượng được thiết trí bàn thờ Phật, bàn thờ Tổ... Núi Tứ Tượng nay không còn tro vơ sỏi đá mà đã được phủ bạt ngàn màu xanh của rừng thông.

Những năm gần đây, khách thập phương, vãng cảnh, chiêm bái ngày càng nhiều. Quan Âm Phật Đài dần trở thành một địa danh nổi tiếng linh thiêng ở đất cố đô. Các dịp sóc vọng, vía Quán Thế Âm, lễ, tết, hay ngày nghỉ cuối tuần, người khắp nơi đổ về cầu phúc, xin lộc.



Lễ hội vía Bồ Tát Quán Thế Âm



Lễ vía Bồ Tát Quán Thế Âm

Khách viếng cảnh mang theo nhang và kèm thêm chai nước. Trong khi thắp nhang khấn vái, chai nước được đặt nơi bàn sau lư hương. Ai cũng nghĩ Mẹ Quán Âm linh thiêng sẽ chú nguyện cho mình chai nước cam



Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ở núi Tứ Tượng Huế

lồ. Đây là nước thiêng giúp chữa bệnh cho con trẻ hoặc giúp con trẻ khỏe mạnh học hành chóng giỏi.

Trong những năm gần đây, ngày lễ vía Quán Thế Âm tại núi Tứ Tượng Huế tổ chức rất lớn, đặc biệt có nhiều đoàn diễu hành của các gia đình Phật tử trong tỉnh, kể cả vùng A Lưới tận miền núi xa xôi. ♦

Giới thiệu tác giả Trần Công Nhung

Ông là một nhiếp ảnh gia vừa là nhà văn. Ông đã đạt nhiều thành tích về nhiếp ảnh trước 75 (Huy Chương quốc nội và quốc tế). Sau ngày định cư ở Hoa Kỳ (1993) ông bắt đầu viết du ký (VN), suốt mười mấy năm qua ông đã cho ra 22 đầu sách trong đó 16 cuốn viết về danh lam thắng tích, về cuộc sống đời thường tại quê nhà. Ông di chuyển trên mọi miền quê hương bằng phương tiện cá nhân (xe gắn máy), từ đồng bằng lên miền cao, từ Nam ra Bắc để tìm tòi, tiếp cận tất cả mọi đề tài. Ông vừa chụp ảnh vừa ghi chép và những tác phẩm của ông (ảnh cũng như bài viết) đến với độc giả rất sống động, rất thực và vô cùng lôi cuốn, cơ hồ như chính người đọc đang đồng hành thưởng ngoạn cùng ông...

Tinh Tấn Magazine hân hạnh giới thiệu tác giả Trần Công Nhung với bạn đọc và những tác phẩm của ông như *Quê Hương Qua Ông Kính*, *Thăng Trâm*, *Về Nhiếp*



Ảnh. Độc giả muốn có sách (discount 50%) hoặc thắc mắc điều gì xin liên lạc với tác giả qua địa chỉ dưới đây:

Tran Cong Nhung

P.O. Box 163, Garden Grove, CA 92842. USA

Email: tranhungcong46@gmail.com

Me hiền Quán Thế Âm ở hai ngôi chùa Riverside

Bài và hình
Tâm Hạnh NGUYỄN THỊ THÈM

Vùng tôi ở có hai ngôi chùa. Ở cả hai nơi, chùa miền quê chúng tôi không giàu, không đồ sộ nhưng rất là đúng với câu "Mái chùa che chở hồn dân tộc.." Thầy và các Phật tử đùm bọc gắn bó, tạo cho chùa có một sức sống đầy yêu thương và niềm vui an lành trong Đạo Pháp.

Ngôi chùa thứ nhất là chùa Văn Thù do thầy Quảng Phú trụ trì. Thầy còn trẻ nhưng uyên bác. Giọng tụng kinh rõ ràng, âm điệu lên xuống đều đặn. Thầy có nhiều bài giảng rất hay. Những ngày Tết đi lễ chùa, gặp thầy nơi chánh điện thế nào thầy cũng đích thân thỉnh chuông để Phật Tử lạy Phật đầu năm. Sau đó là thầy mời ngồi và tặng cho một bài Pháp về Xuân.

Sau rất nhiều khó khăn và trắc trở, ngôi chùa Văn Thù mới có được cơ ngơi như ngày nay. Thật ra, cũng chẳng có cơ ngơi gì lớn. Chỉ một nhà nhỏ để thầy cư ngụ, một hội trường chánh điện để lễ Phật và nghe Pháp. Đằng sau chánh điện là nhà tổ và thờ vong. Nhà bếp và dãy nhà ăn nối liền bên hông chánh điện. Chừng đó thôi, nhưng ấm cúng và tràn ngập niềm an lạc.

Cái nổi bật của chùa Văn Thù là tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tượng được Phật Tử trong vùng đóng góp cúng dường với tất cả lòng thành kính. Đích thân thầy Quảng Phú chọn mẫu và về Việt Nam theo dõi công trình.

Tượng cao và uy nghi. Dung mạo Quán Âm thật đẹp, từ bi và sống động. Tượng được đặt ở cuối sân chùa, một nơi khá yên tĩnh và trang trọng. Khuôn viên đó được trồng hoa, cây kiểng mỹ thuật để Phật tử đến chiêm bái và thưởng ngoạn. Tượng được đặt trên một bệ cao xây chắc chắn. Phía trước tượng một gốc cây thật to được tạo thành bàn để lư hương, đèn hoa cúng Phật. Nền tráng xi măng sạch sẽ. Một tấm thảm được trải sẵn để Phật Tử đến đốt hương lễ bái. Ai đến chùa Văn Thù lạy Phật trong chánh điện xong cũng đều đến lễ Quán Âm.

Câu chuyện ngày an vị Quán Âm đã là một câu chuyện về những hiện tượng lạ được lan truyền khắp

trong vùng. Ngày đó tượng đem về được bọc bằng một lớp vải dày để bảo vệ tượng khỏi bị bụi hay mưa ướt. Khi cần cầu nâng tượng đặt lên trên bệ, trời không được trong lắm. Nhưng đúng lúc tám vải vừa được kéo xuống khỏi thân tượng, mặt trời chói lòa, nắng lên chói chang. Tượng tỏa hào quang sáng chói, lấp lánh rực rỡ. Mọi người đứng đó đều bất ngờ sửng sốt. Hiện tượng kéo dài một hồi rồi hết. Phật tử vui mừng trước sự linh ứng kêu nhau ra xem và chấp tay niệm danh hiệu Quán Thế Âm liên tục.

Những gia đình người Mỹ ở xung quanh chùa trước kia rất khó chịu mỗi khi lễ lớn. Họ thường phàn nàn khi thấy nhiều người Á Châu tới lui, nhiều xe đến đậu đầy nghẹt cả hai bên đường, phá tan không gian yên tĩnh của khu vực. Thế nhưng từ hôm chùa An Vị tượng Quán Âm, những người dân xung quanh thấy hiện tượng lạ linh hiển, họ vô cùng ngạc nhiên và trở nên dễ dãi thân thiện hơn. Những rắc rối chỗ đậu xe không còn là vấn đề lớn. Thầy trụ trì cũng nhẹ được một gánh nặng và nỗi lo âu mỗi lần có đại lễ.

Tượng Quán Âm an vị xong ngôi chùa như có thêm sức sống. Những sinh hoạt gia đình Phật Tử hay lớp học Việt Ngữ cũng đông vui và khởi sắc hơn. Phật tử quanh vùng thường đến chiêm ngưỡng và lễ bái. Khung cảnh trang nghiêm, không gian tĩnh lặng, mọi người an lạc khi chấp tay niệm danh hiệu Ngài.



Chùa Văn Thù

Tác giả Nguyễn Thị Thèm quê ở Biên Hòa, cựu học sinh Ngô Quyền, thường viết bài cho các nhật báo Việt Báo, Viễn Đông, định cư tại Riverside, California.

Theo nhiều người kể lại, mỗi khi gia đình hay bản thân họ có những điều không giải quyết được, họ đến chiêm bái và cầu xin Quán Thế Âm Bồ Tát phò hộ được tai qua nạn khỏi. Khi hỏi họ kết quả ra sao? Họ đều nói nhờ Quán Âm linh ứng, những việc khó khăn đều được qua một cách suông sẻ, bình an.

Ngoài ngôi chùa Văn Thù, vùng tôi ở còn có thêm một ngôi chùa nghèo nữa: Chùa Phật Tuệ.

Chùa Phật Tuệ thấm thoát đã qua gần 10 năm nếu tôi nhớ không lầm. Thầy Quảng Trí là sư trụ trì ngôi chùa này. Thầy là một nhà Sư xuất gia khi tuổi còn rất trẻ. Thầy được qua Ấn Độ tu học một thời gian khá dài. Khi về lại Mỹ thầy muốn tìm một nơi thanh tịnh để hoằng dương Phật Pháp.

Nhờ phước duyên của Phật Tử nơi này, miếng đất rộng thênh thang, đầy cỏ dại đã hợp ý thầy Quảng Trí. Thế đất ở đây rất đẹp, có tháp có cao tiềm năng rất tốt để lập chùa. Có lẽ vì đất hoang vu nên người chủ đã bán với giá rẻ. Em gái thầy đứng ra mua để thầy gieo duyên với Phật tử theo ý nguyện.

Thầy đến đây không quen biết ai, gia đình đều ở trên Los Angeles. Một mình thầy vật lộn với khu đất um tùm đầy cỏ dại và ngổn ngang bao nhiêu thứ phế thải. Tiếng lành đồn xa, những người có tâm tìm đến làm công quả, giúp thầy khi rảnh rỗi hay cuối tuần.

Phải có một chánh điện để thờ Phật. Thế là căn nhà kho trên đồi được khởi công sửa sang đầu tiên. Chùa nghèo, Phật tử cũng nghèo nên khi mới thành lập, chánh điện chỉ có một ông Phật thật hiền đứng ở trên bệ thờ. Mỗi thứ Bảy và Chủ Nhật những người thanh niên, trung niên, lão niên hì hục cuốc đất, đào hố, trộn hồ, khuôn đá... làm việc cật lực. Các chị đến nấu nướng phục vụ ăn uống và làm việc nhẹ. Thầy với bộ đồ vàng bạc màu, cái nón rơm lụp xụp lúc nào cũng hì hục ngoài vườn. Ngày qua ngày, mảnh đất thành khoảnh, cây trồng bén rễ, hoa lá đơm bông, những công trình lớn nhỏ từng bước thành hình.

Nhà kho nằm trên đồi cao bây giờ là chánh điện khang trang để Phật Tử đến lạy Phật mỗi ngày. Tượng Phật được thỉnh về to hơn, sự bài trí mỹ thuật đậm nét thiền nhân. Xung quanh chùa đã được trồng cây cảnh và 18 vị La Hán đã được an vị với những thế đứng, ngôi đặc biệt.

Kho chứa phân hôi hám ngày nào bây giờ là hội trường khang trang, rộng rãi, đầy đủ tiện nghi. Đây cũng là nơi có bàn ghế để các cháu học Việt Ngữ hàng tuần.

Nhờ sự gia hộ của Phật, sự bảo vệ của các vị Hộ Pháp, chùa mỗi ngày lớn mạnh. Các Phật Tử đóng góp tịnh tài và thầy đặt làm một pho tượng Quán Âm và 18 vị La Hán.

Thầy Quảng Trí về Việt Nam mang một nhiệm vụ rất lớn mà tất cả Phật Tử hướng về Thầy. Thầy lăn lộn đi nhiều nơi,

nhiều chỗ, chọn mẫu đẹp nhất và đặc ý nhất để đặt thợ làm.

Chùa nghèo, Phật Tử cũng không giàu có. Đặt làm tượng tại VN, chuyển lên tàu về Mỹ và an vị không phải là việc dễ dàng nhất là vấn về kinh phí. Nhiều việc nảy sinh khó khăn tưởng chừng không thể nào thực hiện được. Nhưng nhờ Phật độ trì, sự quyết tâm và lòng tin vô đối của Phật Tử, tất cả đều được giải quyết tốt đẹp không ngờ. Ngôi chùa Phật Tuệ đã có một tượng Phật Quan Âm uy nghi đứng giữa sân chùa phía trước hội trường. Mười-tám vị La Hán được an vị rải rác quanh khuôn viên chùa. Những bài chú, những câu kinh viết theo kiểu thư pháp thật đẹp khắc trên đá của sư cô Hòa.

Những ngày Lễ Trung Thu hay Tất niên thường được Thầy và các sư cô tổ chức vào buổi chiều. Phật tử và con em cùng về quây quần dưới chân tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Cùng nhau đốt lửa sưởi ấm, nướng bắp, xay nước mía, làm đá bào, kẹo bông gòn và rất nhiều thức ăn chay. Sư cô và các phụ huynh hướng dẫn các cháu rước đèn, ca hát, kể chuyện thật vui và hào hứng. Dưới ánh lửa bập bùng, tượng Quán Âm uy nghi được chiếu rọi bởi ánh trăng tròn vành vạnh. Cảnh đẹp tuyệt vời và ấm cúng biết bao nhiêu. Tôi có ý nghĩ mẹ hiền Quán Âm đang nhìn chúng tôi với một nụ cười vị tha, bao dung và che chở.

Sân chùa có bức tượng Quán Âm như trong nhà có mẹ hiền luôn yêu thương, săn sóc và bảo vệ con cái. Ngài đem ánh mắt, nụ cười và trái tim từ bi, rải nước Cam Lô đến cứu vớt mọi chúng sinh. Nét bình an và thanh tịnh của Ngài đã đem lại sự an lành và phước báo cho ngôi chùa Phật Tuệ.

Trong số chúng sinh từng được trái tim từ bi của ngài cứu vớt chắc chắn có tôi.

Sau 30/ 4/1975, trôi dạt về quê chồng ở Quảng Trị, tôi bị chánh quyền mới không cho dạy học và bắt làm



Chùa Phật Tuệ

lao động hợp tác xã nông nghiệp.

Chồng tôi đã khăn gói đi tù CS. Mẹ chồng đau bệnh nằm một chỗ. Đứa con gái lớn ho và ói liên tục, người xanh xao tưởng chừng không qua khỏi. Con bé em lên ban trắng sốt nằm li bì, không ăn, không bú mẹ. Tôi lâm vào bước đường cùng, cô đơn không biết xoay sở ra sao khi mình đang làm dâu xứ lạ.

Một đêm, tôi ra giữa sân quỳ xuống vái tứ phương. Tôi xin Phật Tổ Như Lai, Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ cho tôi một con đường sống. Tôi khẩn cầu nếu hai đứa con gái đang bệnh nằm trong nhà, đứa nào tới số xin rước đi sớm để tôi chuyên tâm lo cho đứa còn lại.

Sáng sớm tôi ra vườn, hái đủ loại rau có thể ăn được kể cả dây tơ hồng, cây mắc cỡ, dây nhần lông, cỏ vườn châu... Tôi đem vào phơi hơi héo, rang thủy thổ rồi nấu nước cho ba người bệnh cùng uống. Tôi nhủ thầm "Bước đường cùng, hên xui, may rủi, phó thác cho trời. Chứ uống xuyên tâm liên hoài cũng vậy mà thôi." Thật là mầu nhiệm, con gái lớn tôi hết ói, giảm ho. Bé nhỏ bớt sốt và mẹ chồng tôi cũng bắt đầu ăn cháo ngon miệng. Tôi không cất nghĩa được lý do ở đâu, loại cây lá gì đã đẩy lui cơn bệnh. Tôi chỉ tạ ơn Trời Phật đã gia ơn, ban phước cho mình.

Tôi nhớ một lần tôi bị đụng xe. Trong cái sát na bất ngờ đó tôi ngã đi một chút. Lúc tôi định hồn thì xe cảnh sát đã đến, họ dìu tôi xuống xe. Tôi lo lắng nhìn con, cháu và rồi rít hỏi chúng có sao không?

Nhân viên cấp cứu không cho tôi động dậy, họ bắt tôi nằm im và dùng kéo cắt y phục tôi để cấp cứu. Họ

nói với tôi mọi người đều OK, đừng lo lắng nhiều. Hình như đầu tôi bị chảy máu nên họ không cho tôi nhúc nhích. Họ đặt tôi lên băng ca và chở vào bệnh viện.

Trong đầu tôi nghĩ, con và cháu không sao là được rồi. Mọi con người đều có số mạng, cái gì tới sẽ tới. Tôi nhắm mắt lại, tâm niệm Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát theo nhịp thở hít vào, thở ra. Tôi cố gắng tránh mọi suy nghĩ viển vông, chỉ nhất tâm niệm Phật để ổn định nhịp đập tim mình. Khi vào phòng cấp cứu và suốt quá trình gần một tuần lễ Bác Sĩ theo dõi, chụp hình, CAT scan đầu... tôi đã tai qua nạn khỏi. Tuy đau đớn vì vết thương ở ngực do dây belt siết mạnh, nhưng tôi không lo sợ hay hoảng loạn nhiều. Tôi nghĩ khi mình hướng về một điều tốt lành, tâm không rối loạn, bớt những tạp niệm thì sẽ an lạc bình tĩnh hơn.

Trong lúc chúng ta gặp biến cố hay đau khổ cùng cực. Ta cần có một điểm tựa, một niềm tin để hướng tới. Tự khắc không cần ai ai nhắc chúng ta cũng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát với tất cả lòng thành. Danh hiệu Ngài, hình ảnh Ngài luôn hiện lên trong tâm mỗi người Phật Tử. Chúng ta không ỷ lại, không tham lam xin xỏ. Không phải lúc cần thiết mới réo gọi để Ngài gánh vác mọi khó khăn cho ta. Mà ngài như là người Mẹ hiền mà ta muốn nương tựa, gửi gắm tâm sự. Ta hết mực kính yêu, chiêm bái và cố gắng làm tốt bản thân mình.

Quán Thế Âm Bồ Tát là mẹ hiền của tất cả chúng ta. Bất cứ ai cần tới Ngài là bằng cách này hay cách khác Ngài hóa thân giúp đỡ. Biết bao con thuyền vượt biên, biết bao con người gặp cảnh khốn cùng đã thoát khỏi tai ương nhờ niệm danh hiệu Ngài. Với 12 đại nguyện, ngài đã có 33 hóa thân để giúp chúng sinh vượt qua mọi hiểm nguy, biến cố.

Ngài là Mẹ Hiền. Ngài là Đấng Đại Từ, Đại Lực, Đại Từ Bi.

Nam Mô Cửu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát. ♦

MAI KONG Gift




*Bán Sỉ và Lẻ
Đồ sứ, Bình bông, Chậu kiếng,
Đi loại lư đèn, Ảnh tượng,
Đồ thờ Phật giáo, Công giáo,
Tờ, Chén, Dĩa, Nồi, Soong, chảo.*

Cho thuê: Khăn, Mâm, Quả, Lư, Đèn cho đám cưới, đám hỏi.

15055 Weststate St.
Westminster, CA 92683 (714) 898-3844

Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo



PHÁP QUANG

Chuyên Phát Hành
Phật Tượng, Kinh Sách, Phật Cụ
và Các Loại Tặng Phẩm, Lễ Phẩm Phật Giáo

ĐT: (714) 891-1465

Mở cửa 7 ngày: 10 am - 7 pm
9191 Bolsa Ave., #115, Westminster, CA 92683
(Đối diện Phước Lộc Thọ)

10254 Westminster Ave.
Garden Grove, CA
92843

Tel : 714-608-6596
Fax : 714-530-0272

kennykim

**Number One
Graphic Printing**

number1printing@sbcglobal.net

NHẬN IN KINH SÁCH



**Bồ
Đề**

Vegetarian Restaurant

10572 McFadden Ave.
Garden Grove, CA 92843
Corner of McFadden & Ward
(Near Phở Dakao)

(714) 891-5809

Open 7 days
9 am - 8 pm



Thế nào là con đường Phật giáo

(Sadaham Yathra/Pexels)

**“Này Subhadda, thuở ấy mới vừa hai-mươi-chín tuổi,
Ta đã rời bỏ thế giới hầu mong cầu sự Tốt Đẹp;
Này Subhadda, thế rồi năm-mười-một năm trôi qua.
Trong suốt thời gian ấy ta từng là một kẻ lữ hành,
ngao du trong thế giới của Đạo Đức và Sự Thật.” Đức Phật**

Bài HOANG PHONG

Câu trên đây là lời của Đức Phật nói với người đệ tử cuối cùng mà Ngài đã thu nhận trước khi hòa nhập vào Đại bát Niết bàn. Câu này được trích từ Kinh Đại-bát Niết-bàn, Trường Bộ Kinh DN15, phân đoạn V, tiết 62, theo bản dịch từ tiếng Pa-li sang tiếng Anh của ni sư người Đức Vajirabhikkhuni đến Tích Lan quy y và đã lưu lại vĩnh viễn tại nơi này và nhà sư người Anh Anagarika Sugatananda (Francis Story, 1910-1972) đã từng phiêu bạt 25 năm tại các nước Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện để tu học và đã để lại một công trình trước tác và dịch thuật đồ sộ và giá trị. Quyển sách trên đây của họ đã được tái bản nhiều lần, đó là quyển Mahaparinibbana Sutta: Last days of the Buddha, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, ấn bản 1998.

Trong Phật giáo có một thuật ngữ rất quen thuộc nhưng cũng rất đơn giản, đơn giản đến độ không mấy ai nghĩ đến ý nghĩa sâu xa của nó, tiếng Pa-li và tiếng Phạn gọi là “yana” nguyên nghĩa là *con đường*. Tiền ngữ *ya* là một động từ có nghĩa là *đi* hay *bước đi*. Chữ

Cư Sĩ Hoang Phong đã về hưu gần 20 năm, hiện sống tại Pháp, là tác giả của hơn 30 tựa sách được ông biên soạn và dịch thuật chuyên về Phật học. Tác phẩm mới nhất của ông là Kinh Chú Tâm Tỉnh Giác do Ananda Viet Foundation xuất bản, phát hành trên Amazon tháng Năm 2018. Ông là Hội viên Hội Thiền Học Quốc tế AZI (Association Zen Internationale), cựu giảng sư Đại Học Khoa Học Saigon, cựu địa chất gia và kỹ sư tâm khảm của công ty dầu khí TOTAL.

yana là danh từ ngoài ý nghĩa là con đường còn có nghĩa là một “phương tiện chuyển tải”, một “cỗ xe”, một “học thuyết” hay một “đường hướng tư tưởng” - kinh sách Hán ngữ dịch là “thừa” - chẳng hạn như Hynayana/Tiểu thừa, Mahayana/Đại thừa, Vajrayana/Kim Cương thừa, v.v. Tuy nhiên dường như ý nghĩa bao quát của chữ này trong thuật ngữ Dhammayanam tạm dịch là **Con Đường** Đạo Pháp, nói lên đường hướng Giáo Huấn của Đức Phật, là đáng lưu ý hơn cả.

Đức Phật nêu lên toàn bộ đường hướng đó - tức là **Con Đường** mà Ngài vạch ra - ngay khi Ngài thuyết giảng lần đầu tiên cho năm người bạn đồng tu với mình trước kia về Bốn Sự Thật Cao Quý và khái niệm về Con Đường nêu lên trong *Sự Thật Thứ Tư*, tức là **Con Đường mang lại sự chấm dứt khổ đau**. Cũng xin lưu ý là trong tiếng Pa-li và cả tiếng Phạn còn có một chữ khác cũng có nghĩa là con đường, đó là chữ magga (tiếng Pali) và marga (tiếng Phạn), trong các ngôn ngữ này các chữ yana và magga được sử dụng tùy theo từng trường hợp. Khi giải thích về *Sự Thật Thứ Tư* tức là *Con Đường mang lại sự chấm dứt khổ đau* thì Đức Phật cho biết là Con Đường đó gồm có tám yếu tố và được gọi là *Con Đường Cao Quý gồm Tám Điều [Đúng Dẫn]*, tiếng Pa-li là: Ariyo atthagiko **maggo**, tiếng Phạn là *Aryastangamarga*.

Suốt trong lịch sử Phật giáo cho đến ngày nay, các bài giảng, bài viết cũng như các tập luận về *Bốn Sự Thật Cao Quý* và *Con Đường gồm Tám Điều [Đúng Dẫn]* đã quá nhiều, do đó bài viết này không hề là một cách đẩy một cánh cửa đã mở mà chỉ là một cố gắng nêu lên ý nghĩa bao quát về Con Đường mà Đức Phật đã vạch ra cho những con người sống cách nay hơn 25 thế kỷ và cả chúng ta hôm nay. Con Đường đó thật sự là gì, có đúng là một hình thức tín ngưỡng như các tín ngưỡng khác hay không?

Một cách tổng quát con đường là một “phương tiện” giúp mọi người bước đi, bước đi là một hành động và cũng có nghĩa là một sự **dấn thân**. Đức Phật khám phá ra Con Đường giúp chúng ta *bước đi để thoát khỏi* một thứ gì đó và *đạt được* một cái gì khác. Đức Phật không phải là một Giáo chủ mà chỉ là một Con Người sáng suốt, một vị Thầy siêu việt, khám phá ra một **Sự Thật** và tiếp theo đó vạch ra một Con Đường giúp chúng ta dấn thân để đạt được Sự Thật ấy.

Đức Phật không phải là một người sáng chế ra tôn giáo, tấm bằng Phật giáo trên Con Đường là do chúng ta dựng lên. Bất cứ ai cũng có thể bước vào Con Đường bởi vì nó không đòi hỏi phải có đức tin hay một hình thức ngoan ngoãn nào cả. Trên Con Đường đó không có công soát vé hay tra hỏi lý lịch, cũng không có một tòa án xét xử nào cả. Hành trang duy nhất để bước vào Con Đường vốn vẹn chỉ là lòng quả cảm và tình thương yêu. Đối với một kẻ lữ hành bước đi trên Con Đường đó thì sau lưng sẽ không có một Địa ngục nào hăm dọa và

trước mặt cũng chẳng có một Thiên đường nào chờ đợi, mà duy nhất trong lòng chỉ ôm nặng một hoài bão, một chủ đích, một bổn phận hay trách nhiệm nào đó đối với chính mình và kẻ khác. Vậy Con Đường là gì, mang các đặc tính như thế nào để giúp mình thực hiện cái bổn phận hay trách nhiệm đó mà mình tự đặt ra cho chính mình?

Con Đường của Phi-bạo-lực

Những lời giảng dạy của Đức Phật tức là Giáo Huấn của Ngài, tiếng Pa-li là Dhamma, tiếng Phạn là Dharma, kinh sách Hán ngữ dịch là Pháp (法), nguyên nghĩa của chữ Pháp này là luật pháp, do đó cách dịch này không chính xác vì ý nghĩa của chữ Dhamma hay Dharma bao quát và sâu sắc hơn nhiều. Dầu sao Giáo Huấn của Đức Phật cũng không phải là luật pháp hay phán lệnh mà chỉ là những lời chỉ dẫn giúp chúng ta bước đi thật vững chắc trên Con Đường. Những lời chỉ dạy đó gồm chung trong ba tạng kinh điển gọi là *Tam Tạng Kinh*. Thế nhưng thật ra thì chỉ có hai tạng đầu tiên là những lời giảng dạy trực tiếp của Đức Phật, tạng thứ ba là

những lời giải thích thêm của các vị đại sư sau này về Giáo Huấn của Ngài. Trong tạng thứ nhất Đức Phật đưa ra các *quy tắc* còn được gọi là *giới luật*, các đệ tử của Ngài, nam cũng như nữ và cả những người thế tục, tùy theo

Đối với một kẻ lữ hành bước đi trên Con Đường đó thì sau lưng sẽ không có một Địa ngục nào hăm dọa và trước mặt cũng chẳng có một Thiên đường nào chờ đợi...

trường hợp phải tuân thủ một số các quy tắc đó. Mục đích của giới luật là nhằm tạo ra một Tăng đoàn gương mẫu, một xã hội hài hòa, không xung đột, nói chung là mang lại một nền **Đạo Đức** cho cuộc sống cá nhân và cả tập thể hầu tạo ra các điều kiện thuận lợi giúp mỗi người hướng vào các mục đích cao xa hơn.

Đức Phật đưa ra hơn ba trăm giới luật, tại sao Ngài lại khắt khe đến như vậy đối với những con người trong thời đại của Ngài? Chỉ cần nhìn vào giới luật đầu tiên là *không được tước đoạt sự sống của bất cứ một chúng sinh nào* và sau đó nhìn vào những cảnh hung bạo nham nhãn trong xã hội ngày nay thì chúng ta sẽ hiểu ngay tại sao Đức Phật lại khắt khe như thế cách nay đã hơn 25 thế kỷ.

“Ngày Subhaddha, thuở ấy mới vừa hai-mươi-chín tuổi, Ta đã rời bỏ thế giới để mong cầu sự Tốt Đẹp”

Câu trên đây cho thấy quyền lực, hạnh phúc gia đình, tiện nghi và xa hoa không phải là những gì Tốt Đẹp. Thái tử Siddhartha đã nhận thấy điều đó trước khi khám phá ra Con Đường. Bám víu vào các thứ ấy là nguồn gốc của bạo-lực, từ bỏ các thứ ấy là cội nguồn của an vui. Cắt phăng những lọn tóc trên đầu, vứt bỏ đôi dép, đổi quần áo với một người ăn xin để đi tìm con đường Sự Thật không hề là một thái độ điên rồ mà là một hành vi can đảm, một quyết tâm phi thường, một sự từ bỏ tuyệt đối. Sự Từ-bỏ trọn vẹn đó là thể dạng Phi-bạo-lực sâu xa nhất, tiếng Pa-li là *Avihinsa*, tiếng Phạn

là *Ahimsa*. Thái độ Phi-bạo-lực đó không hề là một sự yếu hèn mà là cội nguồn của Đạo Đức đích thật.

Chính trị che dấu bạo lực của uy quyền, giàu sang đội lốt bạo lực của sự ích kỷ, hạnh phúc gia đình đồng lõa với bạo lực của sự bám víu, tín ngưỡng ẩn nấp phía sau bạo lực của sự sợ chết. Thật vậy, bạo lực hiển hiện dưới muôn ngàn hình thức: từ trộm cắp đến xâm chiếm thuộc địa, từ tiền bạc đến buôn bán nô lệ, từ cướp giết đến đại chiến thế giới, từ đói nghèo đến tỷ phú, từ một kẻ ôm bom đến các đạo quân thiện chiến, từ súng đạn đến bom hạt nhân, từ chiếc xe đạp “thô” khí giới trong rừng đến chiếc phi cơ mang bom hạt nhân bay trên trời cao, từ chiếc tàu ngầm dưới đáy đại dương đến chiếc hàng không mẫu hạm kênh kênh trên mặt biển..., tất cả phản ánh sự sôi sục của bạo lực, phát sinh từ một nguyên nhân thật đơn giản: sự bảo vệ miếng ăn! Cái nguyên nhân đơn giản đó bắt nguồn từ bản năng sinh tồn, ăn sâu trong tâm thức con người, tiếc thay khi phát lộ ra bên ngoài thì nó trở nên vô cùng thô bạo và khủng khiếp.

Những kẻ lợi dụng uy quyền và tiền bạc để sách nhiễu tính dục với phụ nữ, những kẻ không có phương tiện dùng vũ lực để hãm hiếp, những kẻ đạo mạo thích “sờ mó” trẻ con, phụ nữ ăn mặc hở hang, trát phấn thoa son, làm duyên làm dáng, khích động những kẻ đam mê tính dục..., tất cả là các hình thức bạo lực phát sinh từ bản năng truyền giống. Dù thuộc các tầng lớp thấp trong xã hay các cấp lãnh đạo quốc gia, đôi khi cũng khó cho họ tránh khỏi các hình thức bạo lực thô thiển và lộ liễu của bản năng truyền giống. Thế nhưng cũng lạ, bản năng truyền giống lắm khi cũng hiện ra dưới các hình thức bạo lực vô cùng tinh tế, trá hình thật tài tình qua các sinh hoạt thật “lý tưởng” và “tuyệt đẹp”: nào là tình yêu, sự triu mến, vuốt ve, hôn hít, nào là thi phú ướm át, tiểu thuyết tình cảm, âm nhạc trữ tình, đôi khi liên hệ đến cả lãnh vực khoa học với các viên thuốc màu xanh hay giải phẫu thẩm mỹ..., các hình thức bạo lực này quả hết sức kín đáo, rất nghệ thuật và đầy sáng tạo.

Từ hành tinh đến Thượng Đế, từ địa ngục đến thiên đường, từ đức tin đến lý giáo, từ ngoan ngoãn đến sợ hãi, từ ấu dả đến thánh chiến ngàn năm, từ khuyến dụ đến tử đạo..., tất cả là sản phẩm của tôn giáo và tín ngưỡng, tất cả phát sinh từ các hình thức bạo lực của bản năng sợ chết. Thế nhưng bản năng này đôi khi cũng hiện lên dưới các hình thức thật cầu kỳ và phức tạp: từ các hang động thiêng liêng đến các nơi thờ phượng nguy nga, tinh xảo và đồ sộ, từ triết học đến thần học, từ cờ

xí đến hiến sinh, từ van xin đến lễ lạc, từ quỷ sứ đến thánh nhân, từ phù thủy đến các giáo sĩ đạo mạo..., tất cả nói lên một sự sinh hoạt náo nhiệt, phản ánh kín đáo bạo lực của bản năng sợ chết.

Thật ra con người cũng đã thiết lập được nhiều biện pháp bảo đảm cho sự vận hành của ba thứ bản năng trên đây được suôn sẻ, chẳng hạn như chính trị, truyền thống, luân lý, công an, cảnh sát, nhà giam, trại cải tạo, kinh tế mới, goulag, cách mạng văn hóa, v.v. Trong số các biện pháp này dường như luật pháp là quan trọng hơn cả, thế nhưng luật pháp thì lại có đến hai thứ: luật pháp của con người và luật pháp của Thượng Đế. Nếu suy xét cẩn thận thì luật pháp của con người, dưới một góc nhìn nào đó, cũng chỉ là một sự trả thù, chẳng hạn như xử tử một cụ già 83 tuổi dù trong quá khứ người này đã từng là một kẻ sát nhân cũng vậy. Đấy cũng chỉ là một cách trả thù nhỏ mọn, hoặc khi luật pháp cho phép mỗi công dân được quyền mang súng để tự bảo vệ thì đấy cũng chỉ là một thứ luật pháp rẻ tiền.

Luật pháp của Thượng Đế cũng không hơn gì, chỉ là một hình thức thưởng phạt đoan mang tính cách vĩnh viễn, không có thủ tục chống

án, cũng không có chuyện bảo lãnh ưu tiên 1 hay 2 gì cả, không ai cứu được ai, khôn nhờ đại chịu. Dù luật pháp đó vô cùng đơn giản: hoặc trắng hoặc đen, thế mà cũng có một vị Giáo chủ không thuộc bài khi cho rằng không có địa ngục. Địa ngục và Thiên đường chỉ là hai thái cực nhị nguyên và đối mặt mang tính cách khái niệm, cả hai phải lệ thuộc vào nhau để hiện hữu: “*cái này có cái kia có, cái này không có cái kia không có*”.

Tóm lại dù là luật pháp của con người hay của Thượng Đế thì cả hai cũng chỉ là các biện pháp sử dụng bạo lực để trấn áp bạo lực mà thôi. Một số bạo lực tuy phát sinh từ sự tranh giành rất đơn giản là miếng ăn, thế nhưng cũng có thể tạo ra các vị anh hùng quốc gia và dân tộc. Một số bạo lực tuy phát sinh từ sự thúc đẩy kín đáo của bản năng truyền giống, thế nhưng cũng có thể tạo ra các nghệ sĩ tài ba trong mọi lãnh vực nghệ thuật trong đó kể cả văn chương. Một số bạo lực phát sinh từ các cảm tính thiêng liêng và cầu kỳ của bản năng sợ chết, thế nhưng cũng có thể tạo ra các thánh tử đạo, các vị Giáo chủ đạo mạo để kẻ khác tôn kính và khúm núm. Che dấu phía sau các thứ bạo lực phát sinh từ các bản năng ấy là hận thù, xung đột, đau thương kéo dài trong suốt lịch sử nhân loại. Duy nhất chỉ có bản



(Sadaham Yathra/Pexels)

năng truyền giống là gây ra các tác hại tương đối “nhẹ nhàng” hơn, chỉ loanh quanh các chuyện tương tư, thất tình, ghen tuông, đâm chém, án mạng, tự tử, sờ mó, hãm hiếp, hoặc ngược lại thì sinh đẻ quá nhiều, nuôi con không xuể, dân số gia tăng.

Con Đường của Phi-bạo-lực là một sự Từ bỏ toàn toàn và dứt khoát tất cả các hình thức bạo lực phát sinh từ các thứ bản năng đó. Thế nhưng bước đi trên Con Đường mà chỉ có một chút vốn liếng Đạo Đức mang theo thì cũng chưa đủ, mà phải còn “Trông Thấy”, có nghĩa là ý thức được từng bước chân mình trong thế giới và cả hướng đi đang mở ra trước mặt. Vậy sự “Trông Thấy” ấy là gì?

“Này Subhadda, thế rồi năm-mươi-một năm trôi qua. Trong suốt thời gian ấy ta từng là một kẻ lữ hành, ngao du trong thế giới của Đạo Đức và Sự Thật”

Con Đường của Sự thật

Sự “Trông thấy” ở đây có nghĩa là quán thấy được **Sự Thật**, là khía cạnh thứ hai và cũng là cốt lõi căn bản nhất của Con Đường. Kinh sách gọi sự “Trông Thấy” ấy là **Trí Tuệ**, tức là sự *sáng suốt*, đối nghịch lại với *vô minh* là một sự “hiểu biết lầm lẫn”. Chúng ta nhìn vào thế giới nhưng lại mù tịt về thế giới. Dù mọi thứ hiện tượng hiện lên chung quanh chúng ta trong thế giới đó, có những hiện tượng thích thú và xinh đẹp, nhưng có những hiện tượng đốn đau và xấu xa. Thế giới đó chuyển động và biến đổi không ngừng. Khi nhìn trở vào tâm thức mình, thì thật hết sức bất ngờ mình cũng lại trông thấy thêm một thế giới khác nữa bên trong tâm thức đó của chính mình. Cái thế giới bên trong đó là của riêng mình, do mình tạo ra cho mình, nó không giống với bất cứ một thế giới nào trong tâm thức của những người khác. Nếu nhìn ngược về quá khứ để hình dung ra thế giới của thuở còn cắp sách đến trường hay trong lúc còn được mẹ bồng bế vỗ về, thì mình cũng sẽ nhận thấy cái thế giới xa xưa ấy của mình cũng luôn ở thể dạng chuyển động và không ngừng biến đổi.

Sự nhận định khác biệt nhau về thế giới bên ngoài và sự bám víu vào thế giới bên trong giữa tất cả mọi người là nguyên nhân sâu xa nhất đưa đến mọi sự tranh cãi, chấp nhất, xung đột, từ trong gia đình đến bên ngoài xã hội, suốt trong lịch sử con người. Thế nhưng nguyên nhân nào đã làm phát sinh ra các cảm nhận khác biệt đó giữa mọi người đối với thế giới bên ngoài cũng như đối với sự bám víu vào thế giới bên trong của chính mình?

Đức Phật cho biết chúng ta nhìn vào thế giới, cảm nhận được thế giới và tiếp xúc với thế giới xuyên qua sáu thể loại tri thức: thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác, xúc giác và tâm thân. Sáu thể loại tri thức đó phát sinh từ sáu cơ quan cảm giác: mắt, tai, mũi, lưỡi, da thịt và não bộ. Dưới một góc nhìn nào đó cũng có thể xem sáu cơ quan cảm giác này như là sáu “lăng kính” khiến sự nhận thức vừa bị méo mó vừa trở nên khác biệt nhau

giữa mỗi cá thể, đối với thế giới bên ngoài và cả bên trong tâm thức mình. Khả năng và sự bén nhạy của sáu cơ quan cảm giác không những hạn hẹp và lệch lạc như trên đây mà còn bị chi phối bởi rất nhiều điều kiện khác nữa. Chỉ cần đơn cử một thí dụ cụ thể: một người mù sẽ không trông thấy được hình tướng, sự chuyển động, ánh sáng, màu sắc, v.v., do đó thế giới mà người này cảm nhận được sẽ khác hẳn với thế giới mà mỗi người trong chúng ta “nhìn thấy”. Trong số sáu cơ quan cảm giác đó thì tâm thức là rắc rối hơn cả, nó cảm nhận được các tín hiệu phát sinh từ năm cơ quan cảm giác khác, và sau đó thì nó diễn đạt các cảm nhận ấy xuyên qua các công thức và quy ước mang lại bởi giáo dục và các kinh nghiệm cá nhân của chính nó. Đặc biệt hơn nữa là nó có thể ý thức được chính nó, tức là sự “vận hành” của nó. Cũng xin nhắc thêm là sự “ý thức” về sự vận hành của nó thường bị người ta hiểu lầm và đồng hóa với cái được gọi là “linh hồn” của một cá thể.

Giáo dục, sự bén nhạy của các cơ quan cảm giác và các kinh nghiệm cá nhân nơi mỗi cá thể chỉ là các nguyên nhân “bên ngoài” tạo ra các sự nhận biết khác biệt nhau về thế giới giữa các cá thể. Nguyên nhân sâu xa hơn thuộc “bên trong” và liên hệ đến quá khứ - đôi khi rất lâu đời - của từng cá thể, kinh sách gọi các nguyên nhân này là *karma/nghiệp*. Nghiệp là kết quả do “hành động” tạo ra, nói một cách khác là hậu quả mang lại bởi cung cách suy nghĩ, thái độ hành xử cũng như các phản ứng của mỗi cá thể trước các bối cảnh chung quanh. Không có hai cá thể cùng cảm nhận, suy nghĩ và hành động giống nhau trước một hiện tượng nào đó, vì thế kết quả mang lại - tức là *nghiệp* - cũng sẽ khác biệt nhau, đưa đến các quan điểm, chính kiến và các kinh nghiệm cảm nhận khác nhau. Hình ảnh một người hành thiền, bất động trên thân xác và im lặng trong tâm thức hàng giờ, thật hết sức tương phản với hình ảnh một người ăn nói huyên thiên, không thể suy nghĩ hay chú tâm vào bất cứ một chủ đề nào quá năm phút. Người hành thiền đạt được thể dạng phi-bạo-lực thật sâu bên trong tâm thức mình, trong khi đó tâm thức của người ăn nói huyên thiên luôn bị dấy động, sôi sục và nổ tung mỗi khi tiếp xúc với một cảm nhận nào đó dù chỉ nhỏ nhoi và vô nghĩa.

Ngoài các nguyên nhân - nghiệp, giáo dục, tình trạng bén nhạy của các cơ quan cảm giác - làm méo mó các cảm nhận của mình đối với thế giới, còn có một nguyên nhân khác nữa thuộc vào lãnh vực triết học và tâm lý học - và do đó cũng sâu xa và khó nắm bắt hơn - khiến sự quán thấy của mình về thế giới bị lệch lạc hẳn đi, xin nhắc lại sự lệch lạc đó kinh sách gọi là “vô minh”. Hiện thực hiện lên với mình qua các hiện tượng rất thật thế nhưng không hoàn toàn đúng là thật như mình tưởng.

Bất cứ một hiện tượng nào cũng vậy, dù là bên ngoài hay bên trong tâm thức, vô hình hay hữu hình, nhất thiết phải liên kết với các hiện tượng khác để hiện hữu, không có bất cứ một hiện tượng nào tự nó có thể hiện hữu được. Nguyên lý đó mang tính cách toàn cầu chi phối sự vận hành của toàn thể thế giới hiện tượng, tiếng Pa-li gọi là *Paticcasamuppada*, tiếng Phạn là

Pratityasamutpada. Nguyên lý về sự “tương liên, tương kết và tương tạo giữa tất cả mọi hiện tượng” đó là nền tảng chủ yếu và cốt lõi nhất của toàn bộ triết học Phật giáo. Nguyên lý đó cho thấy tất cả mọi hiện tượng đều phải ở thể dạng “cấu hợp”, không có một hiện tượng nào có thể “độc lập” được. Khi phải thuyết giảng về nguyên lý vô cùng siêu việt đó cho những con người chất phác vào thời đại của Ngài thì Đức Phật đã sử dụng những câu thật đơn giản, đơn giản đến độ thật bất ngờ: “*Cái này có, cái kia có. Cái này không có, cái kia không có*”. Chỉ hai câu đó cũng đủ để giải thích sự vận hành của cả vũ trụ.

Tóm lại thế giới bên ngoài rất thật: cây cỏ, sông ngòi, con người, không khí, vũ trụ, chiến tranh, súng đạn, lịch sử, đàn ông, đàn bà..., tất cả đều rất thật, và cũng thật “may mắn” nhờ đó mà khoa học mới có thể đứng vững được qua một góc nhìn và ở một mức độ nào đó. Thế nhưng tình trạng rất thật đó của thế giới lại không hoàn toàn vững chắc vì nó luôn biến đổi. Các hiện tượng bất buộc phải liên kết với nhau để hiện hữu vì thế chúng không hàm chứa từ bên trong chúng một sự hiện hữu tự tại hay nội tại nào cả. Nếu một thành phần liên hệ hay một điều kiện tạo ra một hiện tượng biến đổi thì hiện tượng đó cũng sẽ biến đổi theo để trở thành một hiện tượng khác, hiện tượng trước kia sẽ không còn nữa. Thế giới vì thế luôn ở trong tình trạng biến động thường xuyên: hiện tượng này sinh ra, hiện tượng kia sinh ra, hiện tượng này biến mất, hiện tượng kia biến mất. Vì vậy, tuy rất thật thế nhưng thế giới cũng chỉ tương tự như “ảo giác” hay “ảo ảnh” mà thôi.

Thân xác của chúng ta là một sự chuyển tiếp, một thể dạng trung gian giữa thế giới bên ngoài - vừa thật nhưng cũng vừa là ảo giác - và thế giới bên trong tạo ra bởi sự vận hành của sáu thể loại tri thức xuyên qua sáu “lăng kính” cũng bị méo mó và lệch lạc. Vì thế sự tiếp xúc đó của mỗi cá thể với thế giới bên ngoài cũng như bên trong chỉ tạo ra các sự cảm nhận chủ quan tách ra khỏi hiện thực.

Thế nhưng trong thế giới hiện tượng dường như vẫn có một cái gì đó rất thật, chẳng hạn như thân xác chúng ta. Đức Đạt-lai Lạt-ma thường giảng như sau: nếu cho rằng thân xác mình không thật và chỉ là ảo giác thì cứ thử véo thật mạnh vào cánh tay mình xem có đau hay không. Thế nhưng thân xác đó dù rất thật nhưng cũng chỉ là một sự cấu hợp tạm thời, là kết quả mang lại từ sự gặp gỡ giữa một con tinh trùng của cha và một noãn cầu của mẹ. Nếu nhìn ngược về quá khứ xa hơn nữa của cha mẹ mình thì mình cũng sẽ thấy con tinh trùng và cái noãn cầu tạo ra mình cũng chỉ là các cấu hợp liên quan đến không biết bao nhiêu hiện tượng, biến cố và

điều kiện khác, không những đối với quá khứ của cha mẹ mình mà cả môi trường sống của họ trước khi một con tinh trùng và một noãn cầu của họ kết hợp với nhau để tạo ra mình. Nếu nhìn trở lại tình trạng của mình ngày nay thì sự hiện hữu của mình cũng chỉ là một sự cấu hợp tạo ra bởi thức ăn của không biết bao nhiêu người nông dân làm ra, bởi giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội, và cả các kinh nghiệm cảm nhận do mình tạo ra cho mình.

Nếu ngồi xuống trong yên lặng để lắng thật sâu vào bên trong các cấu hợp thân xác và tâm thức mình thì mình sẽ nhận thấy bên trong của bên trong các cấu hợp ấy cũng chỉ là một sự **trống không** mà thôi. Đó là sự “Trông Thấy” trên Con Đường giúp mình biết buông bỏ tất cả hầu mang lại cho mình thể dạng phi-bạo-lực toàn vẹn và tuyệt đối của Đạo Đức và sự Giải Thoát.

Kết luận

Con Đường Đạo Đức và sự Giải Thoát trên đây có vẻ thật dài và khá gay go, thế nhưng phải hiểu rằng điểm khởi hành nằm bên trong tâm thức mình và mức đến cũng ở bên trong cái tâm thức đó của chính mình. Vì thế nếu tâm thức luôn ở trong tình trạng sôi sục và nổ tung thì Con Đường sẽ thăm thẳm, thế nhưng nếu tâm thức “Trông Thấy” được bản chất sâu kín của nó và của thế giới để hiểu rằng phải dừng lại, không tham gia vào sự sôi sục bên trong nó, cũng không hướng ra bên ngoài nó để đuổi bắt các sự chuyển động của thế giới, thì nó sẽ đạt được thể dạng phi-bạo-lực tuyệt đối, biến điểm khởi hành trở thành điểm đến, bởi vì cả hai và cả Con Đường cũng chỉ là tâm thức mà thôi.

Thế nhưng trên Con Đường nào phải duy nhất chỉ có mình mà chung quanh mình còn có vô số những người khác, có những người bước đi với đôi chân xiêu vẹo, vấp ngã, có những người vẫn còn mải mê với quang cảnh hai bên đường, và đồng thời cũng không thiếu những người đi ngược chiều với mình. Đi chậm lại hay dừng lại để chăm lo và khích lệ họ là một bổn phận. Thế nhưng trong sự khuyên nhủ đó đôi khi cũng nên nói lên những lời ngay thẳng đánh thức những ai vẫn còn đắm chìm trong giấc mơ triền miên của thế giới ảo giác. Dầu sao thì những lời nói thẳng thắn ấy tuyệt nhiên không được vướng mắc vào bất cứ một hình thức bạo-lực nào mà từ bên trong còn phải ẩn chứa cả một con tim chân thật và một tấm lòng từ bi vô biên.

Khi được Đức Phật nhận làm đệ tử thì Subhadda đã lớn tuổi và đau yếu. Nếu Con Đường vẫn còn mới mẻ và xa lạ đối với người đệ tử này, thì trong khi đó Đức Phật đang bước những bước cuối cùng trong kiếp nhân sinh của mình và đã lưu lại sau lưng không biết bao nhiêu trăm vạn bước chân trên con Con Đường đó. Thế nhưng cũng lạ, dường như Ngài vẫn còn đang bước bên cạnh chúng ta hôm nay! Thật vậy **Con Đường của Đạo Đức và Sự Thật** không có điểm khởi thủy và cũng không bao giờ chấm dứt.

(Bures-Sur-Yvette, 19 tháng 5, 2018) ♦





Liều Quán (HMD)

Đức Phật và cuộc chuyển hóa nhân sinh tận gốc rễ

Bài HUỲNH KIM QUANG

Khi Thái tử Siddhārtha vượt thành Kapilavattu trong đêm trường thanh vắng để vào núi Himalayas tìm đường tu tập, Ngài đã xác định hướng đi cho cuộc chuyển hóa nhân sinh toàn diện nhất trong lịch sử nhân loại. Nhưng có lẽ đó chỉ là thời điểm chín mùi của một quá trình tư duy và chiêm nghiệm lâu dài từ trước về bản chất và ý nghĩa đích thực của đời sống. Thật vậy, ở ngôi vị của một Thái tử quyền quý cao sang như Ngài thì quyết định từ bỏ gia đình để xuất gia

tâm đạo không thể xảy ra mà không có những nguyên nhân và động lực sâu xa. Sử truyện ghi rằng, khi Thái tử đi dạo chơi trong nhân gian, Ngài đã chứng kiến những thực trạng của cuộc đời như già yếu, bệnh hoạn và chết chóc. Từ đó Ngài bắt đầu tư duy về bản chất vô thường, giả tạm và khổ đau của cuộc đời để rồi quyết tâm tìm đường chuyển hóa. Tuy nhiên, ắt hẳn trên thực tế có lẽ với trí tuệ nhận thức bén nhạy và lòng thương yêu rộng lớn, Thái tử đã thường trực cảm nhận được bản chất biến dịch không ngừng của cuộc đời ngay trong chính những sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày của Ngài, rồi cũng qua đó Ngài đã trầm tư sâu thẳm về con đường diệt khổ cho bản thân và đồng loại.

Sau khi thành đạo, đức Phật cùng chư vị Tỷ Kheo về thăm vua Tịnh Phạn và thân bằng quyến thuộc ở thành Kapilavattu. Trong dịp này, hình ảnh của một vị xuất gia đầu tròn áo vuông, tay ôm bình bát an nhiên đi khất thực từng nhà làm cho vua Tịnh Phạn vì chưa hiểu được công hạnh xuất thế của Phật đã cảm thấy đau lòng. Nhưng cũng từ đó, chúng ta thấy được hai biểu tượng: Một nhà vua với tâm nguyện an bang tế thế bằng quyền

Cư sĩ Huỳnh Kim Quang quê ở Tuy Hòa, vượt biên qua Mã Lai Á năm 1986, đến Mỹ năm 1987. Ông đã viết hơn 30 tác phẩm về Phật giáo, cộng tác với nhiều tạp chí đạo Phật, hiện làm việc tại Việt Báo và sống ở Nam California.

lực chính trị, quân sự và kinh tế trong tay. Một vị đạo sư với thế nguyện cứu khổ độ sinh bằng con đường cách mệnh tâm linh tận gốc rễ. Đức Phật trong lần về thăm cố hương này đã lại một lần nữa khẳng quyết con đường chuyển hóa nhân sinh toàn diện của Ngài.

Tại sao đức Phật đã không chọn con đường chuyển hóa nhân sinh bằng quyền lực chính trị, quân sự và kinh tế như phụ thân Ngài đã làm?

Con đường cách mệnh nhân sinh thế tục cứ mang trong nó chủ trương đấu tranh không loại trừ yếu tố bạo lực. Giải pháp nhân sinh như vậy tự nó không thoát khỏi phạm trù ý thức nhị nguyên. Ý thức nhị nguyên dẫn đến thái độ phân biệt bỉ thử, nhân ngã, bạn thù, do đó chỉ chấp nhận cái gì của mình là đúng, là chân lý, còn những cái khác đều sai, đều tà vạy. Thay vì chuyển hóa mọi tranh chấp, bất an trong xã hội, cách mệnh nhân sinh thế tục mang sắc thái nhị nguyên và đấu tranh chỉ tạo ra thêm những đối lực thù nghịch, những chính sách bất công, thiên vị. Hơn nữa, bạo lực không phải là giải pháp nhân sinh kiến hiệu để mang lại ổn định xã hội và hạnh phúc cá nhân. Dùng bạo lực chỉ có thể thống trị xã hội nhất thời, nhưng không thể chuyển hóa được tận gốc mầm mống của phân hóa, thù hận, bất công, lại càng không thể tập trung được sức mạnh của quần chúng để xây dựng xã hội, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của con người.

Con đường cách mệnh nhân sinh thế tục chỉ nhắm đến đối tượng là cái tổng thể xã hội, hoặc là cơ chế lãnh đạo xã hội xét như là một tập hợp quyền lực của tổng thể xã hội, mà không nhắm đến đối tượng cá nhân xét như là thực thể của xã hội. Thực chất, tổng thể xã hội hay một tập hợp quyền lực của tổng thể xã hội chỉ là cái tên gọi suông không phải là thực thể của xã hội. Thực thể xã hội, nếu có, chính là từng cá nhân, vì xã hội là một tập hợp của nhiều cá nhân. Nếu cá nhân mà không hiện hữu như một thực thể tồn tại thì xã hội cũng không thể hình thành. Tất nhiên, khi quan niệm về cá nhân như là một thực thể đó chỉ là nói theo nghĩa thông tục tương đối, bởi vì, đức Phật qua sự quán chiếu của trí tuệ bát nhã thâm sâu đã thấu suốt được bản chất vô thường, giả tạm, không có tự tánh của xác thân tập hợp ngũ uẩn được mệnh danh là cá nhân. Cách mệnh nhân sinh do vậy phải nhắm đến đối tượng là những cá nhân, thực thể của xã hội. Chính vì thế, mọi cuộc cách mệnh nhân sinh chỉ nhắm đến đối tượng là cái tổng thể xã hội hoặc là tập hợp quyền lực của tổng thể xã hội, xưa nay, đều không thể hoàn thành được mục đích chuyển hóa xã hội

tận gốc rễ.

Con đường cách mệnh nhân sinh thế tục chỉ nhắm đến việc chuyển đổi và cải tạo xã hội ở giới hạn bề ngoài mà không đi sâu vào việc chuyển hóa bản chất bên trong. Thế nào là chuyển đổi và cải tạo xã hội ở giới hạn bề ngoài? Ở đây con người chỉ nhắm đến việc thay đổi, sửa đổi hay cải thiện những mô thức, định chế, cơ cấu, nguyên tắc trong sinh hoạt xã hội từ văn hóa, giáo dục đến kinh tế, chính trị, v.v.. Tất nhiên, không ai chối cãi rằng công cuộc chuyển đổi và cải tạo xã hội ở giới hạn bề ngoài ấy đã có những tác động, những thay đổi, những cải thiện trong chiều hướng tích cực và lợi ích. Nhưng vấn đề mà chúng ta nói đến ở đây chính

là sự chuyển hóa tận gốc rễ mà điều này thì con đường cách mệnh nhân sinh ở giới hạn bề ngoài vẫn chưa thể đạt được. Tại sao? Bởi vì những mầm mống và thảm trạng của bất an, khủng hoảng, khổ đau, và những tệ nạn xã hội khác vẫn còn đó. Một điển hình dễ thấy là luật pháp của các nhà nước đã được công bố và thi hành, nhưng luật pháp ấy chỉ nhắm đến việc ngăn chặn và trừng phạt những hệ quả mà không có giải pháp để chuyển hóa tận gốc từ nguyên nhân. Vậy, muốn giảm thiểu tối đa hay loại trừ các tội trộm cướp, tham nhũng, v.v..., việc chế tài và trừng phạt theo hệ quả của luật pháp

nhà nước đối với tội phạm không, vẫn chưa đủ, cần phải có phương thức để con người bỏ bớt hay diệt trừ lòng tham lam thì tệ nạn đó mới có cơ chấm dứt. Lòng tham chính là căn nguyên của tội trộm cướp, tham nhũng, v.v... Ngày nào mà con người còn lòng tham thì ngày ấy xã hội vẫn còn tội trộm cướp, tham nhũng, v.v... Công cuộc chuyển hóa bản chất bên trong chính là ý nghĩa này. Do đó, các cuộc cách mệnh nhân sinh thế tục không nhắm đến việc chuyển hóa bản chất con người mà cụ thể là chuyển hóa tâm thức, cho nên đã không thể đem lại thành công tận gốc rễ.

Như vậy, công cuộc chuyển hóa nhân sinh của đức Phật là gì?

Trước hết, đức Phật đã nêu cao giá trị làm người. Mặc dù nhận thức được bản chất vô thường, giả tạm và không thật của tập hợp ngũ uẩn, đức Phật đã không có thái độ phủ nhận giá trị hiện hữu của con người, vì ít ra con người còn có thể vận dụng được xác thân ngũ uẩn ấy cho công cuộc chuyển hóa vô minh và giải thoát phiền não khổ đau đối với tự thân và tha nhân. Trong mối tương quan tương duyên của cộng đồng xã hội, mỗi



người đều có giá trị hiện hữu bình đẳng như nhau. Không ai có quyền nhân danh bất cứ thế lực gì để chà đạp lên quyền sống và quyền làm người của kẻ khác. Làm người ai cũng muốn bảo vệ sự sống và sợ cái chết, ai cũng tránh khổ đau và mưu cầu hạnh phúc, ai cũng có sự tôn nghiêm trong tư cách làm người cho nên, phẩm giá của con người là giá trị phổ quát, không một ai có thể chối bỏ hay chà đạp.

Sau khi dựng lại giá trị làm người, đức Phật đã mở ra khung trời quang đấng hơn trước mặt sự hiện hữu quý giá ấy. Khung trời đó chính là khả năng mà con người vốn có trong việc tác tạo khổ đau hoặc xây dựng hạnh phúc. Theo định luật hiển nhiên của nhân quả và lý thuyết tất yếu của nghiệp, khổ đau hay hạnh phúc là do chính con người tạo ra. Tu tập các thiện pháp, gieo trồng những nhân lành thì con người chắc chắn sẽ có được sự an lạc trong đời này và đời sau. Ngược lại, buông thả ba nghiệp thân-miệng-ý theo sự thao túng của vô minh và các phiền não tham sân si để rồi tạo ra nhiều điều bất thiện thì trong đời này và đời sau không thoát khỏi khổ não. Từ đây, con người có đủ niềm tin và khả lực để đứng lên gánh lấy trách nhiệm trước vận mệnh của cuộc đời mình mà không phải cầu cạnh nơi bất cứ thế lực nào khác. Đây chính là mở đầu của thời đại nhân chủ.

Tuy nhiên, với khả tính vi diệu tiềm tàng bên trong bản thể sâu nhiệm, con người có thể đạt thành mục tiêu tối hậu của đời sống, đó là thực nghiệm sự chuyển hóa toàn diện và tận gốc rễ nơi tự thân để giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não khổ đau rốt ráo. Chỉ có con đường này, cảnh giới này mới thật sự kết thúc chuỗi xích trói buộc của sanh tử luân hồi từ vô thủy kiếp.

Nhưng làm sao để thực nghiệm sự chuyển hóa con người tận gốc rễ?

Một con người có hai bình diện cấu trúc và sinh hoạt chính yếu: Thể xác vật chất với các cơ năng vận hành để duy trì và phát triển sự sống, hoạt động tinh thần bao gồm nhận thức và tình cảm hay nói cách khác là lãnh vực tâm thức trách nhiệm chi phối và chỉ đạo mọi động thái của tư duy, ngôn ngữ và hành động. Lễ tất nhiên, cả hai cấu trúc này đều đóng vai trò tương tác như nhau. Trong hoạt động của con người không thể thiếu cái nào cả. Một thân xác không có tâm thức thì đó chỉ là một xác chết. Ngược lại, một tâm thức không có thân xác thì không có căn thân sở y để thực hiện mọi động thái của tư duy, ngôn ngữ và hành động thể xác, như vậy cũng chẳng khác gì là một bóng ma. Cho



Liễu Quán (HMD)

ên, yếu tố đầu tiên và cơ bản để thực nghiệm sự chuyển hóa con người tận gốc rễ một cách thành công chính là cần có một chánh báo tương đối hoàn bị, nghĩa là một thân xác với các cơ năng đầy đủ và hoạt động tốt, một tâm thức bình thường.

Vấn đề còn lại là công cuộc chuyển hóa. Đến đây chúng ta cần phải ngược dòng lịch sử để dõi theo dấu chân tâm đạo của Thái tử Tất Đạt Đa. Thoạt đầu Ngài khởi sự công cuộc

chuyển hóa nơi thể xác vật chất theo như một số quan niệm về tu tập của các giáo phái đương thời. Chính vì vậy Ngài đã liên tục thực hiện việc tu khổ hạnh suốt mấy năm trường với ý tưởng rằng làm như thế sẽ đoạn diệt được tất cả nghiệp chướng của tham-sân-si và đạt thành giải thoát. Nhưng thân xác vật chất chỉ là cơ năng thừa hành của tâm thức chủ đạo. Tạo tác nghiệp thiện hay ác, thọ nhận an lạc hay khổ đau đều do tâm thức dẫn đầu. Không có tâm thức tác ý, không có tâm thức điều động thì thân khẩu không làm sao tạo nghiệp.

“Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe.” (Kinh Pháp Cú, Phẩm Song Yếu, kệ số 1, Thích Trí Đức dịch).

Tu khổ hạnh áp chế thân xác vật chất không những không đạt được giải thoát mà còn làm suy nhược thể chất và tinh thần khiến cho con người mất sức khỏe, mất nghị lực để tiếp tục cuộc chuyển hóa. Do vậy, Thái tử Tất Đạt Đa đã quyết định chấm dứt việc tu tập theo phương thức này.

Ngài bắt đầu suy nghiệm lại để tìm một đạo lộ khác. Khi trải cỏ ngồi dưới gốc cây Tất Bát La, thệ nguyện không rời bỏ chỗ ngồi này cho đến lúc thành tựu được mục tiêu tối thượng, dường như Thái tử đã khẳng quyết về một phương cách chuyển hóa tận gốc rễ: Chuyển hóa tâm thức. Sau bốn mươi chín ngày đêm tĩnh tọa thiền định, đức Phật đã thành tựu được tuệ giác cứu cánh. Qua bao nhiêu năm đem thân lịch nghiệm con đường giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não với muôn vàn gian lao khó nhọc, cuối cùng Ngài đã đến đích, đó là điểm tận cùng siêu việt mà một chúng sinh có thể vươn tới, vì không còn cảnh giới nào cao hơn, rộng lớn hơn, siêu thoát hơn. Đó là cảnh giới Thánh trí tự chứng, cảnh giới của Phật.

Đức Phật đã làm gì khi ngồi dưới cội Bồ đề suốt bốn mươi chín ngày đêm mà chúng ta gọi đó là cuộc chuyển hóa tâm thức tận gốc rễ?

Điều hiển nhiên là không một ai khác ngoài chính đức Phật có thể hiểu và cảm nhận được những trạng thái tâm thức mà Ngài đã trải qua để chuyển từ tâm vô minh của chúng sinh đến tâm giác ngộ của Phật. Nhưng qua những điều đức Phật đã dạy trong những năm Ngài hóa độ sau này, còn ghi lại trong tam tạng kinh điển, chúng ta có thể hình dung ra những dấu ấn chính trong cuộc chuyển hóa tâm thức tận gốc rễ ấy.

Cuộc chuyển hóa tận gốc rễ mà đức Phật đã thành tựu đó chỉ nhắm đến có mỗi một tiêu đích duy nhất là cái tâm, bởi vì làm chúng sinh hay làm Phật cũng đều do một tâm mà nên. Tâm ấy mà động loạn thì sanh diệt khởi lên, ngã pháp có mặt, kết nghiệp thọ khổ, gọi là chúng sinh. Tâm ấy mà tịch tịnh thì vô sanh hiện bày, ngã pháp trống vắng, không ai tạo nghiệp nhân, không ai thọ quả báo, gọi là giác ngộ giải thoát, là Phật. Tiến trình chuyển hóa tâm ấy xảy ra trên hai bình diện: Lý kiến tánh thì đốn ngộ, nhưng sự tương diệt trừ phiền não thì tiệm tu. Điều này có nghĩa là về mặt chúng ngộ lý tánh vô sanh thì xảy ra trong đường tơ kẽ tóc, song về mặt diệt trừ các tập khí vô minh phiền não đã được huân tập từ vô lượng kiếp quá khứ thì phải tu tập giới định tuệ để lần hồi chuyển hóa. Cho nên, trong giáo nghĩa Đại thừa nói rằng từ lúc sơ hưng phát Bồ đề tâm cho đến khi thành Đẳng Chánh Giác phải trải qua ba A tăng kỳ kiếp tu tập ở năm mươi ba địa vị, từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng cho đến Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác và Phật.

Đến đây vấn đề này tất phải được đặt ra, rằng như vậy thì cuộc chuyển hóa tâm thức ấy chỉ xảy ra cho mỗi cá nhân con người, như thế làm sao nó có thể là công cuộc chuyển hóa rộng lớn đến toàn thể nhân sinh, toàn thể xã hội? Phải chăng đức Phật đã không đưa ra một phương thức mang tính vĩ mô để chuyển hóa và xây dựng xã hội nhân sinh?

Có một điều mà có lẽ chúng ta đều đồng ý rằng sở dĩ xã hội có những vấn đề như bất công, tham nhũng, trộm cướp, không an ninh, bất ổn, bệnh tật, nghèo khó, v.v.. căn nguyên là vấn đề của cá nhân, của mỗi người. Bởi vì chính mỗi cá nhân vẫn còn cưu mang trong tự thân mình những yếu tố căn bản để dẫn đến các vấn đề ấy. Yếu tố căn bản đó chính là một tâm thức nhiễm ô vì vô minh và các phiền não như tham, sân, si, v.v... Khi mỗi cá nhân với tâm thức có vấn đề thì đi đến đâu, sinh hoạt ở đâu, sống ở đâu, cá nhân đó cũng sẽ tạo ra vấn đề cho bản thân, cho cộng đồng, cho xã hội. Một cá nhân có vấn đề, nhiều cá nhân có vấn đề thì đó sẽ là vấn đề chung của xã hội. Nếu từng cá nhân tự chuyển hóa tâm thức để giải tỏa những vấn đề trong chính họ,

nghĩa là họ đã giảm trừ hay tận diệt vô minh và các phiền não gây ra bất an khổ não, thì xã hội bớt đi một thành viên tác tạo những vấn đề khó khăn. Đó là mới nói trên lãnh vực tiêu cực, còn trên lãnh vực tích cực thì khi một cá nhân trở thành người hoàn thiện, người tốt, sống lợi ích cho mình và người, thì cộng đồng xã hội có thêm một thành viên kiến tạo hòa bình, an lạc và thịnh vượng. Một người thiện, nhiều người thiện thì xã hội sẽ trở thành thiện.

Quan niệm rằng đức Phật chỉ nghĩ đến việc giải thoát cá nhân mà không đoái hoài gì đến khổ đau của đồng loại và chúng sinh là điều không như thật. Bởi vì, sau khi thành đạo, đức Phật đã nỗ lực vân du khắp lưu vực rộng lớn của sông Hằng để thuyết Pháp độ sinh. Suốt gần năm mươi năm mà ngày nào cũng vậy với ba y và một bình bát đi khất thực từng nhà, ai có duyên được độ thì độ, không phân biệt thành phần giai cấp xã hội, từ kẻ cùng đinh nghèo khổ đến vua chúa trưởng giả, tất cả Ngài đều đối xử bình đẳng như nhau. Tận tụy giáo hóa như vậy cho đến ngày nhập Niết bàn mới thôi là Ngài vì cái gì? Chẳng phải là vì lòng từ bi thương xót con người và chúng sinh khổ não mà nhọc nhằn hóa độ đó sao?

Trong những bài Pháp mà Ngài đã dạy cho hàng đệ tử lúc sinh tiền, đức Phật đã đưa ra những phương thức chuyển hóa vừa mang tính triệt để cho từng cá nhân, vừa mang tính phổ cập cho quảng đại quần chúng nhân sinh, chẳng hạn Ngũ giới, Thập thiện, Tứ nhiếp pháp, Lục độ, v.v... Một người khi thực hành Ngũ giới, Thập thiện, Tứ nhiếp pháp, Lục độ không phải chỉ mang lại lợi ích là đời sống an lạc và giải thoát cho cá nhân không thôi, mà còn đem lại sự ổn định trật tự, an ninh, an lạc, tinh thần tích cực dần thân, lòng thương yêu cứu giúp, đời sống văn hóa đạo đức, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, v.v.. Đặc biệt, giáo nghĩa Lục độ là nền tảng xây dựng Bồ tát đạo, mà Bồ tát đạo là con đường vị tha toàn diện, lấy việc cứu độ khổ ách cho chúng sinh làm bản hạnh nguyện để qua đó tu tập và khai mở tâm đại từ bi đồng thời phát huy diệu dụng của trí tuệ bát nhã để thành tựu mục đích tự giác giác tha giác hạnh viên mãn.

Thực tế, trên hai mươi lăm thế kỷ nay, bắt nguồn từ Ấn Độ rồi sang các nước Á châu, đến các nước Tây phương, và hiện nay trên khắp thế giới, càng ngày loài người càng nhận chân ra được giá trị ưu thắng của việc chuyển hóa tâm thức tận gốc rễ mà đức Phật đã khai thị. Đó chính là sự xác minh rõ ràng nhất về tính phổ quát, hiện thực và kiến hiệu của con đường chuyển hóa nhân sinh toàn diện của đức Thế Tôn. ♦



Hình ảnh
Đại Lễ Phật Đản
 Phật Lịch 2562
 của Giáo Hội Phật Giáo VN
 Thống Nhất / Hoa Kỳ

Hình THANH HUY

Đại Lễ Phật Đản do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức đã bắt đầu vào sáng Chủ Nhật, 6 tháng 5, 2018 tại công viên Mile Square Park, Fountain Valley, California với hàng ngàn người tham dự.

Vào chiều thứ Bảy trước đó, một đoàn xe đã khởi hành từ chùa Bát Nhã ở Santa Ana đến Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ và Tượng Đài Thuyền Nhân tại Westminster, để rước chư Anh Linh Vị Pháps Vong Thân, Chiến Sĩ Trận Vong và Hương Linh Thuyền Nhân, Bộ Nhân về lễ đài tại Mile Square Park.

Sáng ngày đại lễ, hàng trăm chư tôn đức Tăng, Ni đã tham dự nghi thức Cổ Phật Khất Thực với các thiện nam tín nữ Phật tử đứng dọc theo lộ trình trong công viên cúng dường tịnh tài cho quý ngài.

Vào lúc 12 giờ trưa, đại lễ Phật Đản bắt đầu với lễ cung nghinh tôn tượng Phật Đản Sanh. Tham dự lễ năm nay có Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan (Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN HK), HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Phước Thuận, HT Thích Nguyên Trí, HT Thích Nhật Quang, và HT Thích Nhật Huệ, HT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Minh Tuyên, HT Thích Quảng Thanh, HT Thích Minh Mẫn, HT Thích Thiện Long, HT Thích Thông Hải, và rất nhiều tăng, ni từ các chùa, đạo tràng, tịnh thất khắp Nam California.

Một hiện tượng lạ đã xảy ra, khi đoàn rước tôn tượng Phật vừa tiến vào lễ đài thì ánh mặt trời bỗng tỏa ra một hào quang đầy màu sắc kéo dài gần 5 phút trước khi tan biến.

Trưởng ban tổ chức đại lễ là TT Thích Pháp Tánh, viện chủ chùa Khánh Hỷ ở Garden Grove. Chùa Phật Tổ tại Long Beach do HT Thích Thiện Long làm Viện Chủ đã cúng dường Trai Tăng. Cung cấp thực phẩm cho hàng ngàn Phật tử là Sư Cô Thích Nữ Thiên Tuệ, viện chủ chùa Phổ Linh, Garden Grove. ♦

Thanh Huy là ký giả kỳ cựu của nhật báo Việt Báo.



Đoàn xe rước chư anh linh tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ, Westminster.



Mặt trời phóng hào quang khoảng năm phút, đúng lúc đại lễ khai mạc vào giữa trưa. (Hình bên trái do Kim Dung cung cấp)



Trưởng Lão HT Thích Thắng Hoan chứng minh Đại Lễ (ngồi), HT Thích Tín Nghĩa (phải), HT Thích Phước Thuận (thứ 2 từ trái).



HT Thích Nguyên Trí (đi trước) cùng chư tăng ni đang đến lễ đài, kế sau lưng là HT Thích Quảng Thanh.



Chư tăng ni chuẩn bị thọ trai.



Hình bên trái: TT Thích Pháp Tánh, Trưởng Ban Tổ Chức (trái), đứng cạnh Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan (ngồi), và Hòa Thượng Thích Minh Dung.



Hòa Thượng Thích Minh Mẫn Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu



Từ phải là HT Thích Nguyên Trí và HT Thích Thông Hải



Hình trên: Sư cô Thích Nữ Thiền Tuệ (giữa) cùng các ni và Phật tử chùa Phổ Linh đang chuẩn bị thức ăn chay cho hàng ngàn Phật tử dự lễ tại Mile Square Park.

Hình bên phải: Trong các vị đại diện Hội Đồng Liên Tôn và dân cử có Thị Trưởng Tạ Đức Trí của Westminster (giữa) và Giám Sát Viên Andrew Đỗ, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Quận Cam (phải).



Hình ảnh Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562

**của Tăng Đoàn Giáo Hội
Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Hải Ngoại**

Hình THANH HUY và CHÙA ĐIỀU NGỰ

Đại Lễ Phật Đản của Tăng Đoàn GHPGVNTN/HN đã được tổ chức vào sáng Chủ Nhật, ngày 17 tháng 6, 2018 tại Chùa Điều Ngự, 14472 Chestnut St., Westminster, California. Hơn 300 Chư tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng, Ni và hàng ngàn đồng hương tham dự.

Chư tôn đức chứng minh có Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, chủ tịch Hội Đồng Giáo Phẩm Tăng Đoàn GHPGVNTN/HN; Trưởng lão HT Thích Chơn Thành, phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, viện chủ Chùa Liên Hoa; HT Thích Viên Thành, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Luật kiêm Tổng Vụ Trưởng Tăng Sự Tăng Đoàn GHPGVNTN/HN; HT Thích Chơn Trí, Phó Chủ Tịch kiêm Tổng Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm Tăng Đoàn GHPGVNTN/HN; HT Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, Chùa Bảo Quang; HT Thích Viên Lý, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tăng Đoàn GHPGVNTN/HN viện chủ Chùa Điều Ngự và Chùa Diệu Pháp, HT Thích Thông Hải, Viện Chủ Tu Viện An Lạc và Tu Viện Chơn Không, HT Thích Trí Tuệ, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Phổ Đà; HT Thích Như Minh, viện chủ chùa Việt Nam L.A.; HT Thích Viên Huy, phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tăng Đoàn GHPGVNTN/HN Trụ Trì Chùa Điều Ngự cùng quý chư tôn đức tăng, ni đến từ các chùa và tự viện Hoa Kỳ, Nam California. ♦



Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chánh Lạc (bên trái) và TT Sakya Thích Minh Quang.



HT Thích Viên Huy



Hòa Thượng Thích Viên Lý (thứ tư từ bên phải) cùng quý chư tăng ni và quan khách tại lễ Phật Đản ở Chùa Điều Ngự ngày 17 tháng 6, 2018..



Các Thầy đang dự Lễ Tắm Phật



Nhạc sĩ Võ Tá Hân đang điều khiển ca đoàn Diệu Pháp.



Từ bên phải là nhà báo Thái Tú Hạp, MC Minh Phượng, và nhà báo Ái Cẩm.

nhẹ xuất ta bà...

Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy đã ‘theo gót chân Phật’ (1950-2018)

“**P**hật làm sao thì cô làm vậy. Phật đi hồng pháp khắp nơi, không trụ ở chùa nào. Thời Phật thì khổ hơn nhiều, vì Phật phải đi bộ, đi chân đất. Còn cô được đi máy bay, lại có giày, thì đâu có chi là khổ,” Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy từng nói trong một buổi giảng pháp ở Quận Cam, và cũng thường nhắc lại điều đó tại nhiều nơi trên con đường hồng pháp xa hàng vạn dặm mà Ni Trưởng đã ghé qua, mỗi khi nghe các Phật tử nhắc tới sự nhọc nhằn do sự du hành gây ra trên thể xác của một người nữ đã lớn tuổi mà còn nay đây mai đó, có khi tìm đến những nơi hẻo lánh chỉ để gặp các Phật tử gốc Việt.

“Cô theo gót chân Phật, cố gắng làm những gì Phật đã làm, mang lời Phật dạy đến mọi nơi có chúng sanh đang gặp phiền não,” Sư Bà -hay Thầy- Như Thủy luôn khẳng định với giọng mạnh mẽ đầy quyết tâm.

Và Thầy Như Thủy đã làm hết sức mình trong suốt mấy chục năm qua, còn đeo trong mình một chứng bệnh mà đến nay đã tái phát, chấm dứt một cuộc đời hồng pháp mà có lẽ hiếm thấy ở một vị thầy nào có thể làm được trong hoàn cảnh khó khăn tương tự, cả ni lẫn tăng, cả Việt lẫn không Việt thời nay, như của Ni Trưởng Như Thủy hiệu Huệ Hạnh.

Sư Bà Như Thủy đã rời thế gian vào sáng thứ Bảy, 17 tháng Ba, 2018 (nhằm ngày mồng Một tháng Hai âm lịch năm Mậu Tuất), tại Chùa Phổ Hiền ở Worcester, Massachusetts, hưởng thọ 68 tuổi. Lễ hỏa táng đã được tổ chức tại Làng A Di Đà ở Indio, Nam California.

Trong cuộc đời hồng pháp Ni Trưởng đã để lại dấu chân trên khắp nước Mỹ, hầu hết là tại các chùa nhỏ của các sư cô, ni cô từ Texas, Pennsylvania, đến Idaho, Washington.

“Các ni ở chùa xa tại Mỹ ít có dịp được tu học như ở Việt Nam, nên Cô đến giảng dạy cho họ, khích tấn họ trên con đường tu hành đầy khó khăn ở xứ người,” Ni Trưởng Như Thủy từng cho biết về lý do tại sao Thầy thường âm thầm tìm đến những nơi có ít người Việt để trợ giúp các ni trẻ.

Mỗi khi được qua Mỹ, Ni Trưởng Như Thủy vẫn hướng dẫn các khóa tu lớn cho các ni tụ tập về những nơi như Chùa Đức Viên tại San Jose, Bắc California,



Worcester, hay ở Texas và Washington.

Mấy chục năm trước, Thầy Như Thủy từng biết mình bị ung thư và đã được điều trị tại Sài Gòn. Khi ấy, theo lời kể được ghi lại trong băng âm, trong giây phút thập tử nhất sinh, Thầy Như Thủy có khẩn nguyện với Bồ Tát Quán Thế Âm, rằng “nếu đã hết

duyên thì con xin được ra đi trong bình yên, nhưng nếu còn duyên, con nguyện dâng cuộc sống còn lại này cho việc hồng pháp.” Thế rồi sau đó, như có phép màu, Ni Trưởng Như Thủy đã hồi phục sức khỏe mà không cần thuốc men, không cần sự điều trị nào của bác sĩ. Và trọn đời còn lại dâng hiến cho Phật sự cùng công việc hồng pháp thì Ni Sư Như Thủy đã làm, dù rất khó khăn dưới chế độ cộng sản tại Việt Nam sau năm 1975. Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy sanh năm 1950 tại Biên Hòa, xuất gia từ năm 15 tuổi, tốt nghiệp Thủ Khoa Phật Học tại Đại Học Vạn Hạnh (một thành quả đáng kể cho một ni trong khóa học có nhiều vị tăng).

Sư Bà sống trong một cái thất tại miền quê Vĩnh Long, không được phép giảng pháp ở các chùa mà hầu hết nằm dưới quyền kiểm soát của nhà nước. Thế nên Sư Bà đã tìm cách ra hải ngoại, để hiến tặng một khả năng thuyết giảng hiếm có với kiến thức sâu rộng về Phật học.

Với thân hình tầm thước, chất phác, Sư Bà Như Thủy giảng pháp với đôi mắt sáng, hiền từ mà nổi bật là có một giọng nói điềm đạm, ôn tồn, đôi khi xuê xoa, chân thật của người miền Nam, không giấu được tiếng cười qua những mẩu chuyện khôi hài hoặc sự xúc động khi kể chuyện đau lòng.

Tiền cúng dường mà Sư Bà nhận được từ hải ngoại đều được dùng để mua quà tặng cho dân nghèo tại quê Vĩnh Long. Sư Bà từng kể, “Có những gia đình quá nghèo, sống ở nông thôn hẻo lánh không ai biết, quanh năm suốt tháng không mua nổi một chai nước mắm ngon, nên quà Tết mình tặng cho họ nước mắm, dù biết đó là món mặn, nhưng mà họ thèm nước mắm quá, biết sao giờ.”

Cuối cùng thì cơn bệnh năm xưa cũng đã trở lại, đưa Sư Bà nhẹ xuất ta bà đến cõi tịnh thên thang. ♦

. . . thênh thang cõi tnh

Điếu Văn

Ai Khấp Giác Linh

Hòa Thượng Thích Viên Thành

(1943-2018)

của TỶ KHEO THÍCH VIÊN LÝ



Hòa Thượng húy thượng Như hạ Thích, tự Viên Thành, sinh năm 1943 tại Bình Định, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ của Tăng Đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại, Viện Chủ Chùa Diệu Pháp, San Gabriel và Phương Trượng Chùa Điều Ngự, Westminster, California, đã an nhiên thân thị tịch chiều thứ Ba, ngày 20 tháng Ba, 2018, nhằm ngày mùng 4 tháng Hai năm Mậu Tuất.

Kính lạy Giác linh Thầy,
Thế sự thăng trầm nghiêng ngửa
Nhân tâm ly tán đảo điên
Phật sự đa đoan kỳ vọng Thầy ra tay gánh vác
Tứ chúng đang cần Thầy sách tấn sớm hôm
Tăng Đoàn những mong nương tựa bậc đạo hạnh
như chất keo gắn kết đệ huynh
Vậy mà, Thầy vội vàng quã dép về tây
Để lại trần gian muôn vàn tiếc thương luyến nhớ
Than ôi!
Thầy ra đi cây cỏ cúi đầu rơi lệ
Mưa chiều về muộn
Chim buồn thờ thẩn cuối chân mây
Chuông chùa nghẹn ngào vang trầm lắng
Cảnh vật u sầu,
Tang tóc phủ trùm
Gió rừng rung khóm trúc lùm hoa
Cội tùng trước cửa thâm đau đớn
Khóc tiễn chân Thầy lệ đắng thân
Kính lạy Giác linh thầy,
Diệu Pháp đó
Hình bóng Thầy trải dài lối mòn sân cũ,
San Gabriel,
Mission xưa, nẻo đường về heo hút thê lương!
Mới ngày nao, tiếng nói, giọng cười thanh tao, nhân đức
Ánh mắt từ bi nhìn pháp hữu
như sẻ chia, như nhấn nhủ hãy tiến tu

Giọng tán trầm hùng, thang âm thiền vị
Thân giáo uy nghiêm,
Cần mẫn hàng đêm thiết tha hoằng dương chánh pháp
Ái ngữ hải triều âm chuyển tải vi diệu Kinh
Dẫu biết bệnh tình ngày thêm nặng
Không màn mệt nhọc cố nêu gương
Tận tụy với công việc
Dấn thân vì muôn loài
Thương hậu học dày công ân cần truyền trao từng câu
kinh, nhịp mõ
Miệt mài soạn thảo “Hành Lễ Các Nghi Thức” nhằm
duy trì truyền thống thiền môn
Đất Phù Mỹ thai sanh mầm thánh chủng
Tổ đình Thập Thập trưởng dưỡng huệ mạng pháp thân
Rau Long Bích tập thành nên pháp khí
Nước Bàn Khê un đúc chí trượng phu
Xứ An Thái, võ Bình Định luyện rèn nhuần nhuyễn
Đường quyền, ngọn cước,
Thước, roi, Thiếu Lâm trang bị
phòng những khi chận đứng kẻ tà tâm
Hạnh Bồ tát trau dồi thi thiết
Nguyện lợi sanh tình tấn hành trì
Noi dấu Quốc sư Phước Huệ, tam tạng huân tu
Đôi bước Tôn sư Kế Châu, mỗi đèn Bát nhã
Nối dòng Nguyên Thiều Lâm Tế rạng rỡ tổ ấn tông phong

Trong sáng lặng soi, chiếu diệu quang,
 liễu tri NHƯ THỨC
 VIÊN THÀNH đại nguyện
 Biển tỳ lô NGỌC TRẦN tàng ẩn HẢI TRUNG châu
 Bửu Quang Tự, trùng hưng tiếp Tăng độ chúng
 Chùa Diệu Pháp, bảo lưu qui cũ oai nghi
 Điều Ngự già lam, phạm vũ vun bồi giống Phật
 Vô tác, Vô tướng, Không: Ba cửa giải thoát hê ngày
 đêm hạ thủ
 Giới, Định, Huệ: Tam vô lậu học hê tinh cần thực
 nghiệm công phu
 Đạo phong khả kính, học hạnh siêu phương
 Đạm bạc, khiêm cung, khoáng dung, từ ái
 Trên kính dưới nhường, lục hoà nếp sống thanh cao
 Nhưng than ơi!
 Mới ngày nao Thầy ra vào sách tấn
 Hỗ trợ đệ huynh chu toàn trọng nhiệm
 thiêng liêng
 Lý tưởng Bồ tát đạo cao vời đẹp sáng
 Ấy thể vậy mà,
 Giờ đây,



HT. Thích Viên Lý đi trước và HT. Thích Viên Huy đi sau trong buổi lễ Tưởng Nguyện Cố HT Thích Viên Thành tại Chùa Diệu Pháp ngày 3 tháng 4, 2018. (Hình Thanh Huy)

Giường thiền leo lét
 Ánh đèn khuya lúc mờ khi tỏ
 Tọa cụ chơ vơ
 Dáng dấp thân yêu khi ẩn lúc bày
 Nụ cười ánh mắt còn in dấu
 Nhưng bỗng như chợt có chợt không
 Diệu Pháp bàng hoàng hồi chuông dứt quãng
 Điều Ngự sững sờ nhịp trống lạc canh
 Tăng Đoàn mất đi bậc thạc đức tài anh
 Phật giáo hải ngoại ngày một vắng
 dần đáng tượng long xuất chúng
 Hỡi ôi! Tinh cốt nhục Linh sơn bản thể thanh tịnh tuy
 đồng
 Nhưng sự tướng, âm dương, mộng thực từ nay hai nẻo
 Đau xót thay người đi kẻ ở
 Buồn mênh mông nỗi nhớ vô bờ
 Thôi thì,
 Gạt lệ, lắng lòng dâng hương bái
 Phủ phục nhận khăn bái tạ ân
 Trước pháp tòa thành tâm đê đầu cúi lễ
 Nguyện giác linh Ngài khứ lai tự tại mười phương
 Thể nhập chân thân,
 Tiêu dao pháp giới viên dung, tùy duyên hóa độ
 Tái hiện hoa đàm, bốn thế bát vi
 Kính lạy Giác linh Thầy,
 Chúng con nguyện,
 Nỗ lực toàn tâm tài bồi tình thương bao la Thầy trang trải
 Cứu giúp muôn loài giải thoát não phiền
 Thăng hoa cuộc sống an lạc, vô ưu
 Ngưỡng nguyện Giác linh Thầy thù từ ai lân chứng giám.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Nhị Thế, Viện chủ Chùa Diệu Pháp, Phương trưởng Đạo tràng Điều Ngự, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Phẩm kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ, Tăng Đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại, tân viên tịch Tỳ Kheo, Bồ Tát giới, Huý thượng Như hạ Thức, tự Viên Thành, hiệu Hải Trung Hoà Thượng Giác Linh Liên Tọa.

Môn đồ pháp quyến khắp lễ

TK Thích Viên Lý

dòng sông qua đi...

Bài **VĨNH HẢO**

"You could not step twice into the same river..." - Heraclitus

Khi dòng sông phút trước không còn là dòng sông phút sau, thì đời người phút trước cũng không giống đời người phút sau.

Theo dòng thời gian, mọi thứ trôi qua còn nhanh hơn thế nữa.

Nhưng thời gian có không, trong sự dịch chuyển của đơn vị vật chất nhỏ nhất (neutron, proton, quantum, photon...)? Một phần triệu giây, hoặc ngắn hơn! Có đơn vị thời gian nhỏ nhất hay không? Có tên gọi cho một khoảnh thời gian quá nhỏ nhiệm như thế không? Thời gian, đối với lý thuyết vật lý hiện đại, chỉ còn là một khái niệm, dường như có, dường như không, hoặc không hề tồn tại, hoặc tồn tại như một ảo tưởng, ảo giác từ tâm thức, hoặc như là một mộng ảo từ sự sinh diệt của một lượng tử, một hạt 'ánh sáng' hay 'sóng' mơ hồ tức-hữu tức-vô. Long Thọ (1) từ thế kỷ thứ hai chẳng đã từng nói là không làm gì có thời gian hay sao! (2) Vì thời gian do nơi vật thể mà có; mà vật thể như photon (hạt căn bản—elementary particle) còn không thể nói là có hiện hữu như là một "vật" thì thời gian làm gì hiện hữu? (3)

Dù sao, trong cuộc sống hàng ngày, trong hiện tượng dịch chuyển của vật chất hay tinh thần, của con người và mọi sự mọi vật, người ta không thể phủ nhận có một dòng chảy, một dòng biến thiên, thay đổi, tương tục, trong từng khoảnh khắc vi tế nhất (mà đạo Phật gọi là sát-na sinh-diệt).

Và người ta không thể phủ nhận có dòng sông trôi qua những xóm làng; với những bờ lau, bãi cỏ, những hàng cây rũ bóng trên mặt nước phù sa.

Đời người cũng trôi qua như một dòng sông.

Ngày đón mặt trời, đêm hứng trăng sao, tranh vân cầu trái dài năm tháng.

Nước xuống, nước lên, cuốn theo vô số những bùn đục hỉ, nộ, ái, ố...

Nhà văn/nhà thơ **Vĩnh Hảo** chào đời tại **Nha Trang**, đã sáng tác hơn 20 tác phẩm gồm tập truyện, truyện dài, tập thơ, là chủ bút nguyệt san **Chánh Pháp** và sống tại **Nam California**.

Bên lở, bên bồi, đẩy đưa thuyền bến nọ, bờ kia.

Nào người giặt giũ, tắm mát; nào người phóng uế, xả rác... sông vẫn lặng lẽ, kham nhẫn, cuu mang và chuyên chở tất cả.

Và cũng có khi gió lặng, sóng yên, nước trong veo ảnh hiện một vầng trăng vàng vạc, ngời sáng.

Sông như thế, đời người cũng thế, vẫn một dòng trôi xuôi về biển lớn.

Hãy sống như một dòng sông. Đừng ngăn bít, đắp bờ, dựng cọc, che chắn đường ra đại dương. Đừng tự biến con sông thành vũng, thành hồ, rồi vui thích, đắm mình trong nước đọng ao tù.

Dòng sông, hãy trôi, và hãy qua đi...

California, ngày 24 tháng 3 năm 2018

(1) Long Thọ - Nāgārjuna, vị luận sư lỗi lạc của Phật giáo, sinh và mất tại Nam Ấn khoảng từ năm 150 đến 250 A.D. (sau công nguyên); tác giả của những bộ luận nổi tiếng, ảnh hưởng sâu rộng trong nền tư tưởng, triết học Phật giáo như Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, Đại Trí Độ Luận, Hồi Tránh Luận...

(2) Trung Luận, phẩm Quán Thời thứ 19, bài kệ thứ 5, bản dịch của HT. Thích Thiện Siêu, trang 213: "Thời đứng yên không thể có được, thời đi qua cũng không thể có, nếu thời không thể có được, thời làm sao nói tương thời." (Nói cho rõ hơn: thời gian đứng yên không thể có, thời gian trôi đi cũng không thể có; nếu thời gian không thể có thì làm gì có tương trạng của thời gian!)

"Thời trụ bất khả đắc / Thời khứ diệt phả đắc,

Thời nhược bất khả đắc / Văn hà thuyết thời tương!"

時住不可得 時去亦叵得

時若不可得 云何說時相

(2) Sdd., bài kệ thứ 6, trang 214: "Nhân nơi vật thể nên có thời gian, lia vật thể thì đâu có thời; nhưng vật thể còn không có, huống gì có thời."

"Nhân vật cố hữu thời / Ly vật hà hữu thời

Vật thượng vô sở hữu / Hà huống đương hữu thời."

因物故有時 離物何有時

物尚無所有 何況當有時 ◆



Giới thiệu Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra)

Bài **GESHE WANGDRAK**

Dịch giả **BÙI THỊ TUYẾT MINH**

Trình Bày Khái Quát về Giáo Pháp

Phật Pháp có thể chia thành hai thừa, Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa tự nó có thể chia thành thừa Thanh Văn (shravakas) và thừa Duyên Giác (pratyekabuddhas). Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa khác biệt với nhau tùy theo khả năng của người tu tức là hành giả cao hay thấp và tùy theo kết quả tu tập mà họ đạt được, nhưng những nét đặc trưng chính của con đường tu tập mà hai thừa theo đuổi thì giống nhau trên căn bản. Những vị có khuynh hướng theo hai con đường Tiểu Thừa này là những người tu để đạt được sự giải thoát cho chính bản thân của họ; những người tu này thì không tu với mục đích để gánh vác tâm nguyện của tha nhân. Bởi vì nguyên nhân chính của sự trói buộc trong vòng luân hồi là sự bám chấp vào tự ngã tức là

cái tôi này của mình, nên nguyên nhân chính của sự đạt đến tự do giải thoát là cái trí tuệ thực chứng ý nghĩa của vô ngã tức là cái không có cái tôi này. Như vậy, các bậc đệ tử và các bậc thánh, cũng như các bậc bồ tát, đều thực chứng được sự vô ngã. Các vị thiên quán về điều này cộng với những con đường tu tập khác về hành vi đạo đức tức là thiện hạnh, về sự tập trung vào sự tinh tâm tức là thiền chí, vân vân, và vì thế các vị diệt được tất cả các dục vọng, tham, sân, si, vân vân.

Cho dù các người tu Tiểu thừa không tu với chủ đích thành Phật, nhưng con đường các vị tu thật ra lại là con đường mà rốt ráo là đưa các vị này lên quả vị Phật. Vì thế, không nên hiểu lầm là con đường Tiểu thừa chỉ đơn thuần là một chương ngại cho việc giác ngộ, bởi vì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và các kinh luận khác dạy rằng đó là các phương pháp tu để đạt đến Phật Quả. Đức Phật ra đời là để cho chúng sinh có cơ duyên đạt được trí huệ giải thoát như chính ngài đã đạt được. Do thế, những thể hiện của Đức Phật về con đường tu tập chỉ là phương tiện nhằm vào việc đưa chúng sinh đến quả vị Phật. Mặc dù pháp Tiểu Thừa không dẫn người ta đi thẳng đến Phật Quả, nhưng trong pháp ấy có dạy

Ngài Geshe Wangdrak (LosangTenzin) là một Tiến Sĩ Phật Học Tây Tạng tại Tăng Viện Namgyal Monastery.

Hình trên: Kiến trúc đã hoàn tất của cát mạn đà la Thời Luân được tạo dựng trong Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) lần thứ 33 ở Leh, Ladakh, J&K, Ấn Độ vào tháng Bảy, 2014. (Hình: Tenzin Choejor/OHHDL)

rằng các người tu Tiểu thừa trên thực tế thì rốt ráo cũng nhập vào Đại thừa và rồi đạt đến Phật Quả.

Cho dù các người tu Tiểu thừa, cũng giống như các người tu Đại thừa đồng thừa nhận rằng tất cả mọi sự vật tức là vạn pháp thì không có tính riêng tức là không có tự tính, nhưng sự đồng thừa nhận này không có nghĩa là hoàn toàn không có sự khác biệt giữa Tiểu thừa và Đại thừa. Giáo lý Đại Thừa không chỉ đơn thuần soi sáng sự vô ngã của vạn pháp, mà còn dạy về những cấp bậc của Bồ Tát đạo, dạy về những pháp tu toàn thiện hay pháp tu Ba La Mật, dạy về cách cầu nguyện để đạt đến sự giác ngộ trọn vẹn vì lợi ích của tất cả chúng sinh, dạy về lòng đại từ bi, và vân vân. Giáo Pháp Đại Thừa còn dạy sự hồi hướng công đức để tiến đến sự giác ngộ, dạy hai loại tích lũy của phước và huệ, và dạy điều mà thực sự không thể nghĩ nổi đó là tẩy sạch được tất cả các nhiễm ô.

Vì thế, Tiểu Thừa và Đại Thừa không phân biệt bởi những khác biệt trong quan điểm triết lý, mà được phân biệt theo sự thực hành hay không thực hành toàn bộ các phương tiện thiện xảo. Long Thọ Đại Sĩ (Arya Nagarjuna) và đệ tử của ngài là Tôn Giả Thánh Thiên (Aryadeva) khẳng định như sau: Một người mẹ là cái nhân chung của các con của bà, và những người cha của các con là nhân cho sự khác biệt về dòng dõi của chúng. Cũng giống như người mẹ là nhân chung của các người con, thì cái trí bát nhã là nhân chung của tất cả bốn loại thánh giả: thanh văn, duyên giác, bồ tát, và phật. Nguyên nhân cho sự phân biệt giữa các truyền thừa Tiểu Thừa và Đại Thừa, là các vị này có hay không có những phương pháp để phát Bồ Đề Tâm và những điều như thế. Đại thừa phổ thông, cũng như Tiểu thừa, có thể chia thành hai nhánh thừa: Ba La Mật Thừa hiển giáo và Chân Ngôn Thừa mật giáo. Mục tiêu thông thường của Đại Thừa là tự rèn luyện sáu toàn thiện Ba La Mật bằng sự tu tập các điều toàn thiện này bởi lòng khát vọng đạt đến sự giác ngộ vô song vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Rõ ràng rằng hành giả tu tiến lên Chân Ngôn Thừa cũng bằng pháp tu này bởi vì điều này được dạy trong những mật điển (tantras). Tuy nhiên, hành giả Đại Thừa nào nếu tu theo Ba La Mật Thừa đơn thuần thì chỉ tiếp nhận các phần phổ thông của pháp tu Ba La Mật đó, trái ngược với hành giả Chân Ngôn Thừa thì trau dồi sáu toàn thiện Ba La Mật bằng những pháp tu mật tông đặc biệt không được dạy trong Ba La Mật Thừa.

Những thuật ngữ như “(nguyên) Nhân Thừa”, “Ba La

Mật Thừa”, và các từ tương tự thì đồng nghĩa với nhau; và các thuật ngữ “Mật Ngôn Thừa”, “Kim Cang Thừa”, “(kết) Quả Thừa”, và “Pháp Môn Thừa” thì đồng nghĩa với nhau. Sự khác biệt giữa nhân thừa và quả thừa là mặc dầu nhân thừa cũng là Đại Thừa nhưng trên tiến trình tu tập, hành giả không quán tưởng tự thân mang những đặc trưng của bốn thuần tịnh. Còn Đại thừa mà nếu qua tiến trình tu tập, hành giả quán tưởng tự thân mang những đặc trưng của bốn thuần tịnh thì được gọi là “Quả Thừa” hay “Mật Ngôn Thừa”. Đây là những gì mà Đại Sư Tông Khách Ba (Tsongkhapa) đã nói trong Đại Luận Tiệm Tiến Lamrim (Ngag Rim Chenmo): “Còn nói về cỗ xe là vì qua nó mà quả được mong cầu cùng với nhân mong cầu được chuyển tải, nên được gọi là cỗ xe. Quả ở đây chính là bốn thuần tịnh của chỗ ở, thân thể, của cải, và các việc làm, thì cũng là cung điện, sắc thân, tài sản, và các hoạt động của một vị Phật. Một hành giả thiền quán ngay lúc này coi như chính họ có một lâu đài thiêng liêng, một đoàn tùy tùng thiêng liêng, những pháp cụ thiêng liêng, và những hoạt động thiêng liêng của việc thanh tịnh hóa vũ trụ và cư dân của mình, giống như một vị Phật vậy. Vì thế, đó là Quả Thừa bởi vì một hành giả nào tiến bộ bằng thiền quán thì tương ứng với chiếc cỗ xe của kết quả.”

Như thế, toàn bộ Đại Thừa được chia thành Ba La Mật Thừa hiển giáo và Chân Ngôn Thừa mật giáo bởi vì hai thừa này có các phương tiện khác nhau một cách đáng kể trong việc đạt thành một Sắc Thân của Phật nhằm

giúp tha nhân hoàn thành mục tiêu. Tổng quát thì, Tiểu Thừa và Đại Thừa không phân biệt vì sự khác biệt về trí huệ tính Không, nhưng được phân biệt vì những khác biệt trong phương pháp tu tập như đã đề cập ở trên. Đặc biệt là, mặc dù Đại Thừa được phân chia thành Ba La Mật Thừa và Chân Ngôn Thừa, sự phân chia này không phải vì có sự khác biệt về trí tuệ thực chứng tính Không của họ; mà hai thừa này được phân chia dựa trên quan điểm về những khác biệt trong phương pháp tu tập. Nét chính của pháp tu trong Đại Thừa là phần giải quyết về sự đạt được thân tứ đại của chư Phật tức là Sắc Thân, và pháp tu để đạt được Sắc Thân trong Chân Ngôn Thừa thật ra chỉ là pháp thiền quán du già thần linh trên chính mình, thiền quán như là mình đang có một đặc tính giống với đặc tính của một Sắc Thân. Pháp tu này thì cao hơn so với pháp tu dùng trong Ba La Mật Thừa.

Về những môn đệ của Chân Ngôn Thừa, thì có bốn loại: thấp, trung bình, cao và xuất sắc. Bốn lớp học mật điển được dạy với bốn hạng đệ tử này trong tâm. Vì các đệ tử đi vào Chân Ngôn Thừa qua bốn lớp học mật điển,



Đức Dalai Lama trong ngày thứ ba của các buổi pháp thí mở đầu cho Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) lần thứ 34 ở Bodhgaya, Bihar, Ấn Độ vào ngày 7 tháng Giêng, 2017. (Hình: Tenzin Choejor/OHHDL)

nên bốn lớp này được xem như “bốn cánh cửa”. Nếu quý vị thắc mắc bốn cánh cửa này là những gì, thì chúng là : Tantra Hành lễ, Tantra Hành vi, Tantra Du Già, và Tantra Du Già Tối Thượng (Tandra là Mật điển). Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra), như sẽ được diễn tả dưới đây, thuộc lớp học Tantra Du Già Tối Thượng.

Một trình giải về Mật Pháp Thời Luân hay Bánh Xe Thời Gian (Kalachakra)

Toàn bộ ý nghĩa của chủ đề Mật Pháp Thời Luân, còn được gọi là Giáo Pháp Thời Luân hay Bánh Xe Thời Gian, bao gồm trong ba Thời Luân: Thời Luân Ngoài, Thời Luân Trong, và Thời Luân Khác. Thời Luân Ngoài là thế giới bên ngoài của môi trường, và nó còn được gọi là “sự vận hành của những ngày dương lịch và âm lịch ở bên ngoài”. Thời Luân Trong là thân thể con người, đó là một cõi Diêm Phù Đề hay mặt đất. Cũng như thế, những kinh mạch, những nguyên tố bên trong và những chuyển động của khí được coi như Thời Luân Trong. Thời Luân Khác là những pháp quán đỉnh và những pháp tu Shri Kalachakra còn được gọi là Thời Luân Huy Hoàng hay Thời Luân Cát Tường, và những kết quả tu tập. Thời Luân này “khác” hơn hai Thời Luân trước. Vị đạo sư làm chín mùi sự tương tục của mối tương quan giữa tâm lý và vật lý của người đệ tử

bằng những pháp quán đỉnh, pháp này ban bố sự gia trì và trao quyền thể nhập thực hành nghi quỹ tandra, và người đệ tử sẽ thiền quán về pháp tu gồm có tiến trình phát khởi và tiến trình hoàn thiện. Bằng cách này hành giả pháp du già sẽ hiện thực hóa được kết quả tu tập là Phật Thân, thể hiện cái hình ảnh thân diệu của tính Không. Đây là Thời Luân Khác.

Thuyết giảng của Đức Phật về Thời Luân được diễn bày trong quyển Paramadibuddha, Kalachakra, Mật điển Căn Bản:

“Theo hệ Bát Nhã Đáo Bỉ Ngạn thì lúc thuyết Pháp trên đỉnh Núi Linh Thứu, Đức Bồn Sư cũng có truyền dạy hệ thống Chân Ngôn tại Shri Dhanyakataka còn được gọi là đỉnh Quang Vinh Cát Tường. Vị đạo sư nào đã dạy mật điển gì, vào thời điểm nào và ngài cư trú ở đâu? Địa điểm là ở đâu, ai là người thế gian đã theo tháp tùng, và mục tiêu là gì?

“Ngài đã truyền giảng Vô Thượng Đại Thừa, hệ Bát

Nhã Đáo Bỉ Ngạn, cho hàng Bồ-tát trên đỉnh Núi Linh Thứu. Lại cũng đồng thời, đấng Như Lai (Tathagata) cùng ngụ với những vị Bồ-tát và những vị khác ở một đại tháp trong mạn đà la (mandala) của một Pháp giới (“mạn đà la” phiên âm từ tiếng Phạn “mandala” là một hình tượng biểu thị vũ trụ trong cái nhìn của một bậc giác ngộ). Ngài ngụ trong ngôi điện kim cương bao trùm khắp vũ trụ, giữa không trung, không làm bằng vật chất và rất rực rỡ, là nguyên một khối và tỏa sáng chói lọi. Ngài đã dạy về mật điển trong vùng quả cầu Pháp giới xinh đẹp này, mật điển cho công đức và tuệ giác của giới con người.”

Mật Tông Căn Bản (Basic Tantra) cũng nói rằng: “Rồi thì hóa thân của Kim Cang Thủ (Vajrapani) là Vua Suchandra từ vương quốc danh tiếng Shambhala, kỳ diệu tiến vào quả cầu Pháp giới rực rỡ huy hoàng này. Đầu tiên, ông đi nhiều phía bên phải, rồi ông đỉnh lễ

đôi bàn chân hoa sen của Đức Bồn Sư với những bông hoa làm bằng châu báu. Chắp tay lại với nhau, Vua Suchandra ngồi trước Đức Phật toàn hảo. Vua Suchandra thỉnh cầu Đức Phật ban truyền, biên soạn, cũng như giảng dạy giáo lý mật tông.

Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) được dạy bởi vị thầy của chúng ta là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài truyền dạy phương pháp tu mà Ngài đã sử dụng để thực

chứng được sự giác ngộ toàn hảo tối thượng dưới cội bồ đề tại Bồ đề Đạo tràng ở Ấn Độ, trước lúc rạng đông của một đêm trăng tròn tháng Tư (tháng Năm dương lịch). Ngài đã dạy Ba La Mật Thừa phổ thông cho một năm tròn. Đặc biệt là, tại đỉnh Núi Linh Thứu, Ngài đã chuyển Pháp Luân Bát Nhã, là Pháp Luân chúa tể, tối thượng của hệ Ba-la-mật của Đại Thừa.

Vào ngày trăng tròn tháng Ba (tháng Tư dương lịch), tháng thứ mười hai tính từ ngày Ngài đạt được Phật quả, Đức Phật thuyết giảng Ba La Mật Thừa hiển giáo trên đỉnh Núi Linh Thứu. Cùng lúc ấy, Ngài hóa hiện một thân khác bên trong đại tháp Shri Dhanyakataka gần khu vực Shri Parvata ở miền nam Ấn Độ là nơi mà Ngài đã giảng dạy Mật Thừa.

Ngôi đại tháp này cao sáu dặm từ chân đến đỉnh, và từ bên trong Đức Phật phóng ra hai mạn đà la: ở bên dưới là mạn đà la Pháp Giới Vagishvara, ở bên trên là



Cảnh của đám đông tại Shiwatsel Teaching Ground, địa điểm cho Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) lần thứ 33 ở Leh, Ladakh vào tháng Bảy, 2014. (Hình: Tenzin Choejor/OHHDL)

đại mạn đà la gồm các vì tinh tú lộng lẫy. Đức Phật tọa trên tòa sư tử Kim Cương ở chính giữa đại Mạn đà la của Kim Cương Giới, trú xứ của đại lạc. Ngài an trú trong Thời Luân Định và trong sắc tướng của vị Chúa tể của mạn đà la đó.

Chúng tùy tùng tuyệt hảo trong mạn đà la đó gồm có một hội chúng của Chư Phật, chư Bồ Tát, các vị nữ hung thần, chư thiên, các long thần, và các thiên nữ. Bên ngoài mạn đà la, người thỉnh cầu là hóa thân của Đức Kim Cang Thủ (Vajrapani) là Vua Suchandra của xứ Shambhala. Ông dùng thần thông đến Shri Dhanyakataka (Đỉnh Quang Vinh Cát Tường) từ Shambhala, và ông thỉnh cầu Mật Pháp Thời Luân cho đoàn tùy tùng là thánh chúng bao gồm: chín mươi sáu quan trấn thủ danh tiếng của chín mươi sáu đại lãnh địa bên trong Shambhala, cùng với một tập hội vô biên của Bồ-tát, chư thiên, quý thần, và những kẻ phước duyên khác.

Đức Phật ban bố cho hội chúng Giáo Pháp vi diệu – những pháp quán đỉnh thế gian và xuất thế gian – và tiên đoán rằng họ sẽ đạt được Phật quả, rồi sau đó Ngài truyền dạy hội chúng Nghi Quỹ Rễ Kalachakra còn được gọi là Paramadibuddha (Nghi Quỹ là Nghi Lễ và thường thì có mật chú cho từng nghi thức, Rễ là Tinh Yếu), mười hai nghìn câu kệ Mật Điển Căn Bản Thời Luân. Vua Suchandra ghi xuống thành một bộ và dùng thần thông trở về Shambhala.

Tại Shambhala, Vua Suchandra soạn thảo một bản Luận giải sáu mươi nghìn dòng về Mật Tông Căn Bản. Ông cũng kiến dựng lên một mạn đà la Thời Luân (Kalachakra) làm bằng những chất liệu quý báu. Sau khi bổ nhiệm con trai là Sureshvara làm vua và cũng là giảng sư về mật điển, đức vua băng hà. Nhiều vị vua vĩ đại đã xuất hiện trong triều đại của Shambhala: Kalki Yashas, Kalki Pundarika, và nhiều vị khác nữa. Họ đã làm cho cho Giáo Pháp Thâm Thâm của Thời Luân (Kalachakra) tỏ rạng như mặt trời và mặt trăng.

Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) đã tiếp tục được truyền thừa qua sự kế vị của những quốc vương (“thủ lĩnh”) xứ Shambhala, và rồi sau cùng nó lại được đưa trở lại vào Ấn Độ. Có hai mẫu chuyện nói về sự việc này xảy ra như thế nào, một chuyện do truyền thống Ra kể và một chuyện do truyền thống Dro kể. (Truyền thống Ra và truyền thống Dro sẽ được nói đến bên dưới).

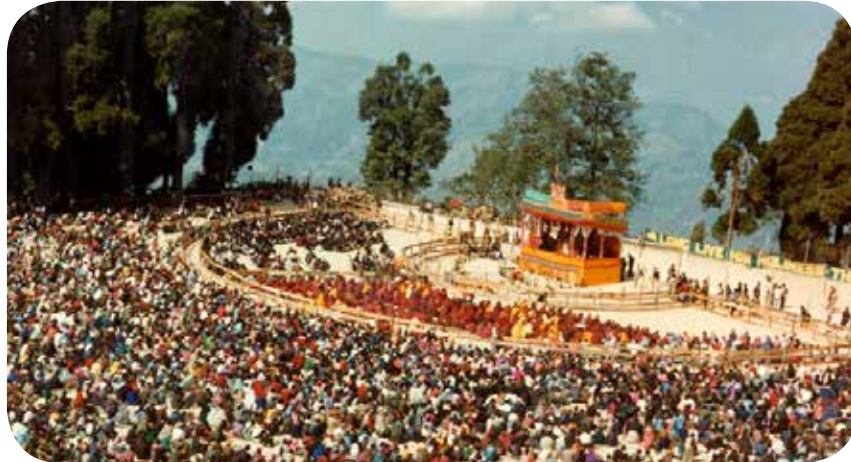
Theo truyền thống Ra, Thời Luân và những luận giải liên hệ đã nổi tiếng khi những Bồ Tát Pháp Thân xuất hiện ở Ấn Độ trong thời gian quốc gia này nằm dưới sự đồng trị của ba vị vua. Lấy Bồ-đề Đạo Tràng làm trung tâm, thì ba vị vua đó là: Dehopala, Tượng Sư (Thầy của loài voi), ở phương Đông; Jauganga, Nhân Sư (Thầy của loài người), ở phương Nam; và Kanauj, Mã Sư (Thầy của loài ngựa), ở phương Tây. Lúc bấy giờ đại học giả Cilu, người quán triệt tất cả những khía cạnh của Phật Pháp, được sinh ra ở Orissa, là một trong năm quốc gia của Đông Ấn Độ. Cilu đã học tất cả những kinh luận Phật Giáo tại Tịnh Xá Ratnagiri, Vikaramashia, và Na Lan Đà. Đặc biệt là, ông đã học tại Tịnh Xá Ratnagiri là nơi không bị tàn phá bởi người Thổ Nhĩ Kỳ.

Cilu nhận thức rằng, trên tổng quát, để đạt đến Phật quả chỉ trong một đời thôi, ông sẽ phải cần đến Chân Ngôn Thừa, và đặc biệt là, ông cần các diễn giải làm sáng tỏ những giáo lý chứa đựng trong những Bồ Tát luận. Biết rằng những sự giáo huấn này hiện còn ở Shambhala, và dựa vào sự hướng dẫn của vị thần bốn tôn của mình, ông gia nhập với những nhà buôn là những kẻ tìm

châu báu chốn đại dương. Sau khi thỏa thuận với những nhà buôn này khi đó đang bắt đầu băng qua biển là sáu tháng sau thì gặp nhau, mọi người đi theo lộ trình riêng của mình.

Cilu xúc tiến từng giai trình một và cuối cùng, trong khi đang leo lên một ngọn núi, ông đã gặp một người đàn ông. Người ấy hỏi Cilu, “Ông đi đâu thế?” Cilu trả lời, “Tôi đang đi đến Shambhala để tìm cầu Pháp Thân Bồ Tát.” Người ấy nói, “Đi đến đó thì cực kỳ khó khăn, nhưng nếu ông có thể thông hiểu giáo pháp, thì ông có thể nghe nó ngay tại đây cũng vậy thôi.” Cilu nhận ra rằng người ấy là một hóa thân của Đức Văn Thù Sư Lợi. Ông đĩnh lễ, dâng cúng mạn đà la, và thỉnh cầu giáo pháp. Người đàn ông ấy ban truyền tất cả mọi quán đỉnh, luận giải mật điển, và khẩu truyền cho Cilu. Ngài kéo Cilu lại, đặt một bông hoa lên đầu ông, và ban phước cho ông, và nói, “Hãy thân chứng toàn bộ Pháp Thân Bồ Tát.” Từ đó, giống như nước được rót từ bình này sang bình khác, Cilu thực chứng toàn vẹn Pháp Thân Bồ Tát. Ông sau đó đi ngược đường trở lại và gặp những nhà buôn, rồi ông trở về Đông Ấn Độ.

Theo truyền thống Dro, Thời Luân được tái giới thiệu vào Ấn Độ bởi đạo sư Thời Luân Cú (Kalachadrapada). Thời đó có một đôi nam nữ thực hành Bất Động Minh



Địa điểm thuyết pháp cho Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) kỳ thứ 17 ở Gangtok, Sikkim, Ấn Độ vào tháng Tư, 1993. (Hình: OHHDL)

Vương Du Già (Yoga of Yamantaka) là nghi lễ cầu sinh con như được dạy trong Mật điển Bất Động Minh Vương, và họ sinh được một đứa con trai. Khi cậu ta lớn lên và biết được rằng ở phương Bắc có những vị Bồ Tát đích thân giảng dạy Phật Pháp nên cậu ta đến mà lắng nghe. Với năng lực tâm linh của mình, vị quốc vương của xứ Shambhala biết được động cơ thuần tịnh và lòng nhiệt tình truy cầu Phật pháp thâm sâu của người trai trẻ đó. Đức Vua biết rằng nếu người trai trẻ cố gắng để đến Shambhala thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng bởi vì những vùng đất hoang vu khô cằn đó phải cần đến bốn tháng để vượt qua. Do đó, Đức Vua đã dùng hóa thân để gặp người trai trẻ đó tại bên rìa của sa mạc.

Đức Vua hỏi chàng trai trẻ, “Con đi đâu vậy, và để làm gì?” khi chàng trai nói với vua những ý định của mình thì Đức Vua nói, “Đường đi ấy rất là khó khăn. Nhưng nếu con có thể thông hiểu những điều pháp này, chẳng lẽ con không thể nghe pháp ngay tại đây hay sao?” Chàng trai trẻ nhận ra đây là hóa thân của Đức Vua và chàng thỉnh cầu ngài ban cho giáo pháp. Ngay tại đây, Đức Vua truyền quán đĩnh cho chàng trai, và trong bốn tháng ngài đã dạy cho chàng trai trẻ tất cả những mật điển tối thượng, đặc biệt là ba luận giải Pháp Thân Bồ Tát. Giống như một bình chứa đã được rót đầy đến vành, chàng trai trẻ thực chứng và thuộc lòng tất cả các mật điển. Khi chàng trai trẻ trở về Ấn Độ, cậu ta trở nên nổi tiếng như là một hóa thân của Đức Văn Thù Sư Lợi và tên của chàng trai trẻ đó là “Kalachakrapada” (Thời Luân Cú).

Truyền thống Ra và Dro nói rằng Giáo Pháp Thời Luân (Kalachakra) được truyền bá vào Ấn Độ bởi Cilu và Kalachakrapada. Từ đó Giáo Pháp Thời Luân đã tiếp tục được học hỏi và thực hành ở Ấn Độ, và cuối cùng đã được đưa vào Tây Tạng. Một lần nữa, truyền thống Ra và Dro là hai dòng truyền thừa chính mà qua đó mới có pháp tu này.

Truyền thống Dro đã bắt đầu từ sự thăm viếng Tây tạng của Hiền giả Somanatha người Kashmiri. Somanatha đầu tiên đến Tây Tạng tại Kharag và đã ở lại với bộ tộc Ryo. Với một khoản nhuận bút là một trăm miếng vàng Somanatha đã dịch sang Tạng ngữ một nửa bộ đại luận Thời Luân, Vimalaprabha, nhưng trong thời gian ấy ông trở nên bất mãn và ngưng không dịch nữa. Ông cầm vàng và bản thảo dịch đó đi sang Phan Yul drub. Ở đây Chung Wa người của bộ tộc Zhang đã nhận

Somanatha làm đạo sư, và Shayrabdrak của bộ tộc Dro đóng vai dịch giả. Somanatha và Shayrabdrak đã dịch toàn bộ Đại Luận Giải Thời Luân (Vimalaprabha).

Truyền thống Dro tiếp tục truyền đến Lạt Ma Ch#Ku #zer. Vị Lạt Ma này tinh thông tất cả những giáo pháp của bộ tộc Dro, bao gồm Giáo Pháp Thời Luân. Đệ tử của ngài là Lạt Ma Galo, người quán triệt cả hai truyền thống Dro và Ra và truyền cả hai lại thành một dòng truyền thừa hợp nhất.

Truyền thống Ra đã bắt đầu từ Chorab của bộ tộc

Ra, người cháu trai của dịch giả danh tiếng Ra Dorjedrak được ra đời ở Nyen Ma Mang Yul. Ra Chorab nhớ và thông hiểu tất cả những giáo lý của bộ tộc Ra. Rồi thì ông ước muốn được học Giáo Pháp Thời Luân (Kalachakra), nên ông đã đi đến trung bộ Nepal là nơi ông liên tục hầu hạ Hiền giả Samantashri trong năm năm, mười tháng, và năm ngày. Samantashri đã diễn giải cho ông tất cả những kinh điển Thời Luân và ban cho Chorab những quán đĩnh cùng khẩu truyền.

Rồi thì Chorab cung thỉnh Hiền giả Samantashri đến Tây Tạng, nơi mà họ thận trọng dịch những mật điển Thời Luân và những luận giải về những mật điển này, cùng với những văn hiện phụ lục.

Truyền thống Ra tiếp tục truyền qua con trai và cháu của Ra Chorab, và cuối cùng thì truyền đến Lạt Ma Galo, như đã đề cập trước. Lạt Ma Galo truyền lại cả hai truyền thống Dro và Ra, và dòng truyền thừa của ngài tiếp tục truyền qua những đạo sư như Buton Rinchendrub và Tsongkhapa (Tông Khách Ba). Việc học hỏi và thực hành Giáo Pháp Thời Luân dựa trên truyền thống Ra và Dro vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Căn bản đầu tiên trong việc thực hành Mật Pháp Thời Luân, cũng như tất cả các hệ thống mật tông Phật giáo, là sự tiếp nhận những pháp quán đĩnh đúng đắn. Để cho những pháp quán đĩnh được trao truyền và tiếp nhận một cách đúng đắn, điều cần thiết cho cả đạo sư và đệ tử là phải có những trình độ nhất định. Những trình độ của vị đạo sư Chân Ngôn Thừa (Mantrayana) được diễn tả bởi Losang Chokyi Gyaltzen như sau: “Vị ấy phải làm chủ được thân, miệng, và ý của mình. Vị ấy phải thật thông tuệ, nhẫn nại, và không lừa dối. Vị ấy phải biết những thần chú và mật chú, thông hiểu thực tại, và đủ khả năng trong việc trước tác cũng như diễn giải kinh điển.” Chúng ta rất may mắn là vẫn có thể



Đức Dalai Lama đặt các hạt cát nhuộm màu đầu tiên để khởi động lễ kiến trúc Cát Mạn đà la trong Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) lần thứ 32 ở Bodhgaya, Bihar, Ấn Độ vào ngày 1 tháng Giêng, 2012. (Hình: Tenzin Choejor/OHHDL)

cầu tìm được những đạo sư như vậy ngay cả trong thời buổi này.

Còn người đệ tử thì cần có kinh nghiệm về ba khía cạnh chính yếu của con đường Đại Thừa: thoát luân hồi, bỏ đề tâm, và thông hiểu tính Không. Nếu người đệ tử chưa thật sự có kinh nghiệm về những điều này, thì người đó ít nhất cũng cần phải có sự thường xuyên quán chiếu và sùng kính đối với những điều này.

Điều quan trọng nhất trong ba khía cạnh này là bỏ đề tâm, là động lực tiên quyết để nhận quán đỉnh. Di Lạc Đại Sĩ (Maitreya) định nghĩa bỏ đề tâm trong Hiện Quán Trang Nghi (Abhisamayalankara) rằng: “Bỏ Đề Tâm là khát vọng đạt được giác ngộ viên mãn, chân thật vì lợi lạc của kẻ khác”. Khi được áp dụng vào trường hợp đặc biệt của tiếp nhận những pháp quán đỉnh, người đệ tử cần phát khởi bỏ-đề tâm theo cung cách sau đây: “Vì lợi ích của tất cả chúng sinh đệ tử phải đạt được trạng thái Thời Luân Huy Hoàng (Shri Kalachakra). Rồi đệ tử sẽ có khả năng an định tất cả chúng sinh khác vào trạng thái Thời Luân Huy Hoàng giống như mình.” Một đệ tử nên nhận quán đỉnh với một động lực như vậy.

Cái mục tiêu chung của những pháp quán đỉnh mật tông là qua những lễ quán đỉnh đó vị đạo sư giúp làm chín mùi sự tương tục của mối tương tác giữa tâm lý và vật lý của người đệ tử. Ở đây, “làm chín mùi” có nghĩa là cho phép người đệ tử có quyền thực hành



Các tỳ kheo từ Tu viện Namgyal trình diễn màn Pháp Vũ Nghi Lễ Cúng Đường trong Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) kỳ thứ 34 Kalachakra Empowerment ở Bodhgaya, Ấn Độ vào ngày 10 tháng Giêng, 2017. (Hình: Tenzin Choejor/OHHDL)



Các chú tiểu quán dài băng bịt mắt trong Đại lễ Truyền Thừa Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra) thứ 34 ở Bodhgaya, Bihar, Ấn Độ vào tháng Giêng, 2017. (Hình: Tenzin Choejor/OHHDL)

tuệ-chứng ngộ nói ở trên làm tăng năng lực cho người đệ tử để thành tựu Bồ-tát địa thứ mười một. Rồi với tính cách tượng trưng, vị đạo sư biểu thị Thân Chứng Ngộ, đó là sự hợp nhất của đại lạc bất biến tối thượng và tính Không hoàn hảo về mọi khía cạnh. Trong lúc phát biểu: “Đây là nó”, vị đạo sư ban truyền pháp quán đỉnh thứ tư cho người đệ tử. Pháp quán đỉnh này cho phép người đệ tử thực hành việc tu tập đạt đến Giác Ngộ viên mãn trong sắc tướng của Thời Luân Huy Hoàng (Shri Kalachakra).♦

pháp du già cho tiến trình phát khởi và tiến trình hoàn thiện. Đặc biệt là, những lễ quán đỉnh Thời Luân cho phép người đệ tử được quyền thực hành du già Mật Pháp Thời Luân (Kalachakra), và, rốt ráo, đạt được trạng thái Thời Luân Shri (Thời Luân Huy Hoàng).

Có mười một pháp quán đỉnh Thời Luân: bảy quán đỉnh cho “nhập môn như một đứa trẻ”, ba quán đỉnh “tán dương”, và một quán đỉnh “suy tôn tột bậc.” Những đệ tử nào nhất thời chỉ biết nhắm đến việc có được những thần lực ở thế gian (những năng lực về pháp thuật hay huyền thuật) thì chỉ được ban truyền bảy pháp quán đỉnh cấp dưới. Những ai mà chủ yếu là chú tâm vào sự thành tựu Phật Quả siêu việt thì được ban truyền cả mười một pháp quán đỉnh.

[...]

Pháp quán đỉnh suy tôn tột bậc còn được gọi là “pháp quán đỉnh thứ tư” hay “pháp quán đỉnh ngôn tự”. Pháp quán đỉnh đại trí

VAN'S BOOK SUPPLY
(NHÀ SÁCH VĂN BÚT)

- Bán sỉ và lẻ Sách Báo, các loại tự điển phát âm Video, CD ca nhạc.
- Website: vanbut.com

Tel: (714) 895-7080
Email: www.vanbut@hotmail.com
Mở cửa 7 ngày từ 8:00AM - 9:00PM
9242 Bolsa Ave., # B Westminster, CA 92683

LGT LAYOUT

Nhận layout (trình bày, dàn trang)
sách - đặc san - tạp chí - kỷ yếu - brochure - quảng cáo

Việc làm chuyên nghiệp, uy tín trong nghề layout.
Giá cả đúng đắn, luôn được hài lòng.
Xin gọi **Lê Giang Trần** (714) 788-8239.
Tham khảo thoải mái

LỄ KIẾN TẠO MẠN ĐÀ LA CÁT THỜI LUÂN - KALACHAKRA VÀ PHÁP VŨ



Kalachakra Mandala 2 Chiều

**LẦN ĐẦU TIÊN TẠI
LITTLE SÀI GÒN**
từ
29 Tháng 8, 2018
đến
2 Tháng 9, 2018



Pháp Vũ Kim Cương

Tham dự và quán chiếu Mạn Đà La là tạo cơ duyên cho sự giác ngộ

- Đức Phật Thích Ca dùng Pháp Thời Luân, Kalachakra, để thực chứng sự giác ngộ
- Kalachakra Mandala là Mandala cao nhất của mật tông
- Cả trăm ngàn người tham dự Lễ Quán Đỉnh Kalachakra thứ 33 được tổ chức tại Leh, Ladakh, năm 2014.
- Mạn Đà La được kiến tạo bởi Viện Trường và Chư Tăng Học Viện Ngari vùng Ladakh
- Nhân dịp mùa Vu Lan, có lễ Cầu Siêu cho cữu huyền thất tổ, chiến sỹ trận vong và lễ Cầu An



ĐỊA ĐIỂM

Hội Trường báo Người Việt

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683

Muốn biết thêm chi tiết xin

Liên Lạc Kevin 657-257-8430

Email: 2018kalachakravn@gmail.com

Hay vào trang nhà

www.Ngrariinstitute.org

Bảo Trợ: **NAM SĨ ĐỒNG INC.**



CHƯƠNG TRÌNH

Thứ Tư đến Thứ Sáu:

- h Kiến tạo Mạn Đà La cát Kalachakra từ 9 giờ sáng mỗi ngày
- h Khóa Lễ lúc 3 giờ chiều mỗi ngày

Thứ Bảy 1 tháng 9:

- h Từ 10 giờ sáng: Pháp Vũ và Lễ Cầu Siêu
- h 2 giờ trưa: Lễ Quán Đỉnh Phật A Di Đà và tặng khăn lụa

Chủ Nhật 2 tháng 9:

- h 10 giờ sáng: Lễ Cầu An, Thuyết Pháp ý nghĩa căn bản Thời Luân - Kalachakra
- h 2 giờ trưa: Lễ xóa Mạn Đà La và tặng cát.

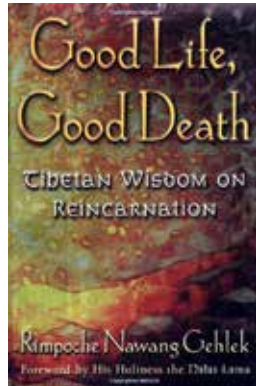


Bài **TRƯƠNG THỊ MỸ-VÂN**

Câu chuyện có thật này nói về chữ “XẢ” theo ý nghĩa Phật giáo do một vị Lạt-ma Tây Tạng là ngài Nawang Gehlek Rimpoche kể lại trong quyển sách “Good Life, Good Death” (Penguin, 2001) của ngài.

Câu chuyện này do chính vị thầy của ngài Gehlek Rimpoche là ngài Lạt-ma Gomo Rimpoche kể lại.

Vào giữa thập niên 1950, lúc Tây Tạng bị Trung Hoa xâm chiếm và các vị Lạt-ma bị tàn sát, ngài Gomo Rimpoche cùng một số đệ tử phải xuống định cư tại miền tây bắc Ấn Độ. Trong số các đệ tử của ngài Gomo Rimpoche có hai vị Lạt-ma già yếu, biết mình không sống được bao lâu nữa nên họ muốn mất lúc trí óc còn minh mẫn để có thể áp dụng phương pháp thiền định đặc biệt của các vị Lạt-ma Tây Tạng lúc lâm chung. Vì thế hai vị Lạt-ma thỉnh ý kiến của ngài Gomo Rimpoche để quyết định ngày ra đi của hai vị đệ tử này.



Thế nhưng đến ngày đã dự tính, chỉ có một vị Lạt-ma an tịnh nhắm mắt lìa đời, còn vị Lạt-ma kia không những chưa mất mà còn bị đưa vào phòng cấp cứu của bệnh viện địa phương. Khi nghe tin này, ngài Gomo Rimpoche lập tức cải trang thành một người lao công rồi lên vào bệnh viện “American Hospital” để thăm vị Lạt-ma này.

Ngài hỏi vị Lạt-ma, “Tại sao con còn nằm đây? Có chuyện gì xảy ra thế?”

Vị đệ tử già trả lời, “Bạch thầy, con bắt đầu thấy những triệu chứng lúc lâm chung, nhưng không hiểu tại sao bỗng dưng những triệu chứng đó quay ngược trở lại làm con cảm thấy thân thể đau đớn vô cùng. Con la hét

um sùm nên người ta mới đưa con vào đây.”

Ngài Gomo Rimpoche biết vị sư già này là một người tu hành tinh tấn, có khả năng tự đi về cõi tịnh độ nên ngài không hiểu có chuyện gì đã ngăn cản sự ra đi song suốt của vị này vào giờ phút lâm chung.

Bỗng dưng ngài Gomo Rimpoche để ý thấy vị sư này mặc một chiếc áo mới rất đẹp. Ngài hỏi, “Cái áo này ở đâu con có vậy?”

Vị sư già thưa, “Áo đẹp quá phải không thầy? Bạn con vừa mới tặng con ngày hôm kia đó thầy. Thầy thích không?”

“Ừ, đẹp quá! Thầy thích lắm, con cho thầy đi!”

Vị sư già ngần ngại đáp, “Nhưng con cũng rất thích cái áo này mà thầy!”

Ngài Gomo Rimpoche năn nỉ, “Thầy muốn có cái áo này. Nếu con không cho thầy thì từ nay sẽ không còn thầy trò gì nữa.”

Vị sư già cởi áo đưa và ngài Gomo Rimpoche liền xé toang cái áo. Sau đó vị Lạt-ma này nhắm mắt bình thản ra đi.



Thầy Pháp Hòa (hmd)

Câu chuyện này cho thấy ngay cả những vị sư tu hành tinh tấn lâu năm, đến giờ phút cuối cùng nếu còn vương víu vào một điều gì đó cũng không thể nhắm mắt thanh thản nhẹ nhàng ra đi được.

Thời Đức Phật còn tại thế, khi giảng về Tứ Vô Lượng Tâm tức là bốn chữ “Từ, Bi, Hỷ, Xả,” để nhấn mạnh tầm quan trọng của chữ Xả, Ngài nói, “Này các tỳ kheo, nếu các người muốn được bình an thì hãy luôn luôn nhớ giữ lấy chữ Xả làm đầu vì chỉ có tâm buông xả mới thực sự là tâm thanh tịnh và từ sự thanh tịnh đó mới có được sự bình an.”

Và sau đây là một bài kệ ngắn cùng đề tài trên:

“Ở đời học một chữ BUÔNG

Buông sân, buông giận, buông buồn, buông mê.

Buông cho nó khỏe người ơi,

Buông cho lòng dạ thanh thoi nhẹ nhàng.”

(Thầy Thích Pháp Hòa, tu viện Trúc Lâm, Edmonton, Canada)

Ghi chú: Các bạn có thể xem bản dịch quyển sách “Good Life, Good Death” của Trần Ngọc Bảo tại đây: <http://www.art2all.net> ♦

Trương Thị Mỹ Vân sống tại Vancouver, Canada, đã sưu tầm và dịch thuật nhiều bài viết về Phật Giáo.

THƯỚC ĐO NGƯỜI TU

Nhiều người tu lâu năm, thường đi chùa, ăn chay, ngồi thiền, niệm Phật, làm công quả, theo học giáo lý với nhiều thầy nổi tiếng, nhưng bấy nhiêu đó có đủ để chứng minh là người này tu khá, tu đúng và đưa đến giải thoát hay không?

Cũng có những người tu chỉ thích đến chùa làm công quả, hoặc thích tạo chùa to, tượng lớn. Có người thích nhiều chùa, đông đệ tử. Có người thích học lấy nhiều bằng cấp thế gian. Có người thích nổi tiếng, v.v. Những cái đó có phải là tu không?

Sau đây là những tiêu chuẩn tối thiểu và căn bản để nhận xét một người tu đúng hay không?

1. Còn ham thích tài sản, danh lợi và sắc dục hay không?
2. Còn dễ nổi sân hay không? Khi gặp chuyện trái ý thì có giận dữ, bực tức hay không?
3. Còn kiêu căng ngã mạn hay không? Còn thích khoe khoang, điều khiển kẻ khác không? Còn thích được khen ngợi, được tặng bốc hay không?

Thầy Thích Trí Siêu sinh năm 1962 tại Sài Gòn. Năm 1985 nhập chúng tu học tại Tự Viện Linh-Sơn, tỉnh Joinville-le-Pont, Paris. Năm 1987 thọ cụ túc giới với Hòa Thượng Thích Huyền-Vi. Tuy xuất thân từ Đại Thừa, nhưng Thầy đã không ngần ngại du phương tham vấn và tu học với nhiều truyền thống khác như: Nguyên Thủy, Đại Thừa, Kim Cang Thừa Tây Tạng. Nhờ kinh nghiệm tu học với nhiều truyền thống khác nhau nên Thầy có một cái nhìn tổng quát và dung hợp về đạo Phật, không phân chia tông phái Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tịnh Độ hay Thiền Tông, không chủ trương xiển dương riêng một pháp môn nào. Mục đích của Thầy là giảng nói về đạo Phật để mọi người nương theo đó tu tập cho cuộc đời bớt khổ. Thầy đã viết và dịch nhiều sách để chia sẻ kinh nghiệm của mình.



Thượng Tọa Thích Trí Siêu đến giảng pháp tại Trung Tâm Sangha, Huntington Beach, California ngày 6 tháng 5, 2018 do nhóm Đuốc Tuệ tổ chức. (hmd)

4. Còn chấp vào Đạo của tôi, thầy tôi hay pháp môn của tôi là hay hơn hết? Còn có cái tâm hẹp hòi, ưa chia rẽ, bè phái, chỉ trích vu khống, chụp mũ người khác không?

Nếu còn bốn điều trên thì dù đã tu 30, 40 năm, ngồi thiền nhập định sáu, bảy tháng, tu đủ loại pháp môn Thiên, Tịnh, Mật, tụng lâu lâu đủ loại kinh chú, có hàng ngàn đệ tử, viết hàng trăm cuốn sách, người này vẫn chưa tu đúng theo đạo Phật!

Ngoài ra, một người tu còn cần phải

có ít nhất những đức tính sau đây:

1. Biết làm phước, bố thí

Có những người học (đọc) nhiều kinh sách, hiểu biết giáo lý, nói đạo rất hay, nhưng không biết làm phước, bố thí, mà lại keo kiệt, bõn sẻn, bo bo bám chặt vào tài sản, tiền bạc của mình.

2. Nói lời ái ngữ

Có người theo học đạo lâu năm mà không giữ gìn khẩu nghiệp, ăn nói xả láng, chê bai, chỉ trích, vu khống, bịa đặt, phỉ báng kẻ khác.

3. Từ, Bi, Hỷ, Xả

Thiếu bốn đức tính này thì không phải là kẻ tu hành!

4. Khiêm cung và lễ độ

Càng tu thì cái ngã phải nhỏ dần và biết cung kính tôn trọng kẻ khác, nhất là các bậc trưởng thượng. Hãy nhìn vào các phiên họp Đạo, các giao tế cộng đồng thì thấy rõ nhất.

Nếu chưa có những đức tính này thì cũng gọi là chưa biết tu hoặc tu chưa đủ để sửa đổi tâm tánh.

Hãy tự xét lại, nhìn lại mình xem, mình đạt đến đâu để dừng lại sửa ngay sơ sót, kéo uống phí một kiếp người may mắn có Đạo. ♦



Các sách đã xuất bản của
Thượng Tọa Thích Trí Siêu

Ai Mua Xe Rác

Bồ Tát Hạnh

Bồ Thí Ba La Mật

Đại Thủ Ấn

Đạo Gì

Dòng Đời Vô Tận

Góp Nhặt

Oan Gia

Tâm Và Ta

Thiền Tứ Niệm Xứ

Vô Ngã

Xin Cứu Độ Mẹ Đất

Ý Tình Thân

Ý Tình Thân 2

Muốn thỉnh băng, sách xin liên lạc

- Thanh Hạnh, Montreal, Canada

Tel: (514) 593-4654

vanhoan@hotmail.com

- Thanh Đức, Mỹ

1183 San Moritz Dr

San Jose, CA 95132

Tel: (408) 258-4207

thanhduc1@gmail.com

- Thanh Niệm, Mỹ

8435 Lin Mar Meadows

Garden Grove, CA 92841

Tel: (714) 487-7191

thanhniem4412@hotmail.com

- Thanh Định

Bargtheider Str. 40b

22143 Hamburg, Germany

Tel: (176) 5655-3323

khiet.dinh@gmail.com

- Thanh Lương

Stoss#ckerstr. 60

70563 Stuttgart, Germany

Tel: (711) 160-1400

thanhluong03@googlemail.com

- Thanh Tú

Chemin du Boisy 43

1004 Lausanne, Suisse

Tel: 21.648.3259

thanhthu50@gmail.com

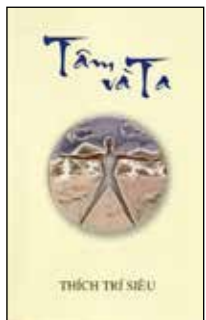
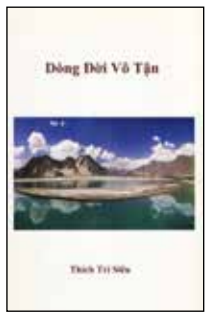
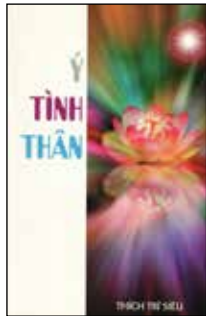
- Thanh Văn

14 Rue Louis Marchandise, Apt 54

94400 Vitry Sur Seine, France

Tel: 01.7025.1670

thanhvan7412@gmail.com



Hội Phật Học Đuốc Tuệ

Mời quý vị dự những buổi thuyết pháp sắp tới tại
Trung Tâm Sangha, 7641 Talbert Ave., Huntington Beach, CA 92648

Đại Đức Thích Tánh Tuệ

Pháp Thoại và Khóa Tu

- Thứ Bảy, 22 tháng 9, 2018,

từ 9g sáng đến 6g chiều

- Chủ Nhật 23 tháng 9,

từ 2g đến 6g chiều



Hòa Thượng Thích Minh Diên

Lược giải Kinh Kim Cương Bát Nhã

Chủ Nhật, 25 tháng 11, 2018,

từ 2g đến 6g chiều

Hội Phật Học Đuốc Tuệ

P.O. Box 9871, Fountain Valley, CA 92728

Email: duoctue@gmail.com. Phone: 714-454-6286

Website: www.duoctue.online.

Facebook: www.facebook.com/duoc.tue

Tao Wellness Pharmacy



**Hãy để các chuyên viên của chúng tôi lo chuyện thuốc,
còn bạn hãy tận hưởng cuộc sống**

Tiệm thuốc cộng đồng độc lập của chúng tôi chuyên cung cấp thuốc cho cá nhân, viện dưỡng lão, và nhà tập thể. Chúng tôi cố vấn miễn phí và sẽ trả lời bất cứ câu hỏi nào của bạn.

Cách làm việc của chúng tôi rất đơn giản! Bạn hãy gọi toa thuốc đến, bạn ghé tiệm lấy thuốc hay chúng tôi giao thuốc tận nhà!

Quản lý việc dùng thuốc là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi.

Giao thuốc tận nhà miễn phí!

16931 Bushard Street
Fountain Valley, CA 92708
Phone (714) 593-5654
Sau giờ đóng cửa: (657) 666-0628
Fax (714) 968-6893

Giờ mở cửa
Thứ Hai đến thứ Sáu
9:30 am - 6:00 pm
Thứ Bảy 9:30 am - 1:00 pm
Chủ Nhật đóng cửa

Tu Tinh Nghiệp (Niệm Phật) ở đâu?



Trang Nghiên Tịnh Độ Đạo Tràng
TT Thích Thường Tín
12421 Nutwood St.,
Garden Grove, CA 92840
Phone (714) 725-2166

Trang Nghiên Tịnh Độ Đạo Tràng 2
18710 Hawkhill Ave.
Perris, CA 92570

Chùa Quan Âm Orange County
10510 Chapman Ave., #400
Garden Grove, CA 92840
Phone (714) 636-6216

Tịnh Tông Học Hội

Pháp hội tam thời hệ niệm & lễ đại hồi hương
Pháp Sư Thích Ngộ Hòa chủ lễ và thuyết giảng
Ngày 12, 13 và 14 tháng 10,
Tại Hội Trường 7732 Garden Grove Blvd, Westminster, CA 92683
(Đường Beach / Garden Grove Blvd -Village Center Dr)
lienlac@tinhtonghochoi.org. Phone (657) 257 - 9249

Danh sách bảo trợ báo Tinh Tấn số 1 theo thứ tự thời gian nhận được

Tôn Nữ Ngọc Sương

Trương Thị Mỹ Vân

Thầy Đăng Pháp

Thầy Thích Thông Hải

Mắt Thương Nhìn Đời

ĐH Bùi Kính

Nhóm Kalachakra

Sư Cô Minh Từ

ĐH Diệu Nguyệt

Tao Wellness Pharmacy

Tiệm chay Thiên Đăng

ĐH Minh Tánh

Hội Từ Bi Phụng Sự

Chùa Bồ Đề



<https://thuvienhoasen.org>

Xin hẹn gặp lại kỳ sau

Đến đây chúng tôi xin được bày tỏ lòng tri ân đến các vị đã sốt sắng trợ giúp, gửi bài vở, hình ảnh cho Tinh Tấn Magazine số đầu tiên mà chúng tôi đã cố gắng đến quý độc giả, như Thầy Pasanno Phổ Kiên, các cư sĩ Nguyễn Giác Phan Tấn Hải, Huyền Trí, Hoang Phong, Huỳnh Kim Quang, Vĩnh Hảo, Thanh Huy, các văn nghệ sĩ như nhạc sĩ Võ Tá Hân, nhiếp ảnh gia Trần Công Nhung, đôi họa sĩ Nguyễn Đồng-Nguyễn Thị Hợp, cùng quý đạo hữu Quảng Minh Hậu, Minh Tánh, Trương Thị Mỹ Vân, và Nguyễn Thị Thêm. Chúng tôi cũng không quên ơn cháu Lương Khoa đã tiếp tay một phần về kỹ thuật.

Một người nữa mà Tinh Tấn đã chịu ơn rất nhiều là cư sĩ Phúc Viên, người đã dành không biết bao nhiêu giờ để nghe những băng thâu âm và đánh máy lại cho chúng tôi những cuộc đối thoại, các bài giảng rất có giá trị của quý thầy. Mong rằng Phúc Viên sẽ tiếp tục hợp tác trong những số tới mà không đòi... trả lương.

Trong quá trình thực hiện, chúng tôi không tránh khỏi những trở ngại bất ngờ. Một người thân của chúng tôi đã qua đời đúng lúc tờ báo đang ở giai đoạn sắp lên khuôn. Một lần nữa công việc làm báo đành phải gác lại, vốn đã chậm nay càng trễ hơn. Nhân nói về lẽ sống chết vô thường, sự khởi ý cho Tinh Tấn Magazine đã bắt đầu trong một đêm cận ngày Ni Sư Như Thủy viên tịch. Chúng tôi được gặp Ni Sư -hay Sư Phụ thì đúng hơn- chỉ một thời gian ngắn trước khi Thầy rời miền Tây nước Mỹ để tiếp tục con đường hoàng pháp ở miền Đông. Từ đó chúng tôi xem công việc thực hiện tờ báo này như một thông điệp mà Sư Phụ đã trao truyền cho chúng tôi: "Hãy hỗ trợ đạo pháp đến các chúng sanh bằng tất cả tấm lòng và phương tiện mà các con sẵn có. Hãy làm cho đến khi hết duyên thì thôi."

Thế nên, vì còn duyên, chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện số thứ hai về một chủ đề "bình dân" hơn, gần với những ai hay đi chùa. Không, không phải tụng kinh, mà là ăn chay. Chúng tôi sẽ cố gắng mang các món ăn từ chùa, và từ các quán ăn, đến quý độc giả. Nếu có bài viết về chủ đề này, hay bất cứ điều gì khác liên quan đến Phật giáo, quý vị hãy gửi đến chúng tôi. Tinh Tấn cũng mong nhận được sự tài trợ của quý vị, để giúp cho "duyên" của báo được lâu dài hơn.

Chúc quý bạn được tinh tấn trên đường đạo.

Hẹn gặp lại kỳ tới.

Thân kính



AN CỬ KIẾT HẠ 2018
TỔ ĐÌNH HUỆ QUANG, CALIFORNIA. USA



Nhà Hàng Chay

THIÊN ĐẲNG

"Đồng hành cùng bạn, bảo vệ động vật và bảo vệ môi trường"

14253 Brookhurst Street | Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 531-4888

Website: www.thiendangvegetarian.com | Email: thiendangvegetarian@gmail.com



Chả Ốc Chay

Sản phẩm được làm từ:
Khoai Nửa và Đậu Nành



Khoai Nửa
(Konjac)



Đậu Nành
(Soybeans)

Khoai Nửa là một loại thực phẩm

1. Có giá trị dinh dưỡng cao
2. Ít Calo (Low Calorie)
3. Giàu chất xơ (High in Fiber)



- BÁNH MÌ CHAY
- CƠM TẮM BÌ, CHẢ, SƯỜN NƯỚNG CHAY
- CƠM CHỈ CHAY
- BÚN, MÌ, PHỞ CHAY
- PARTY TRAYS CHAY

